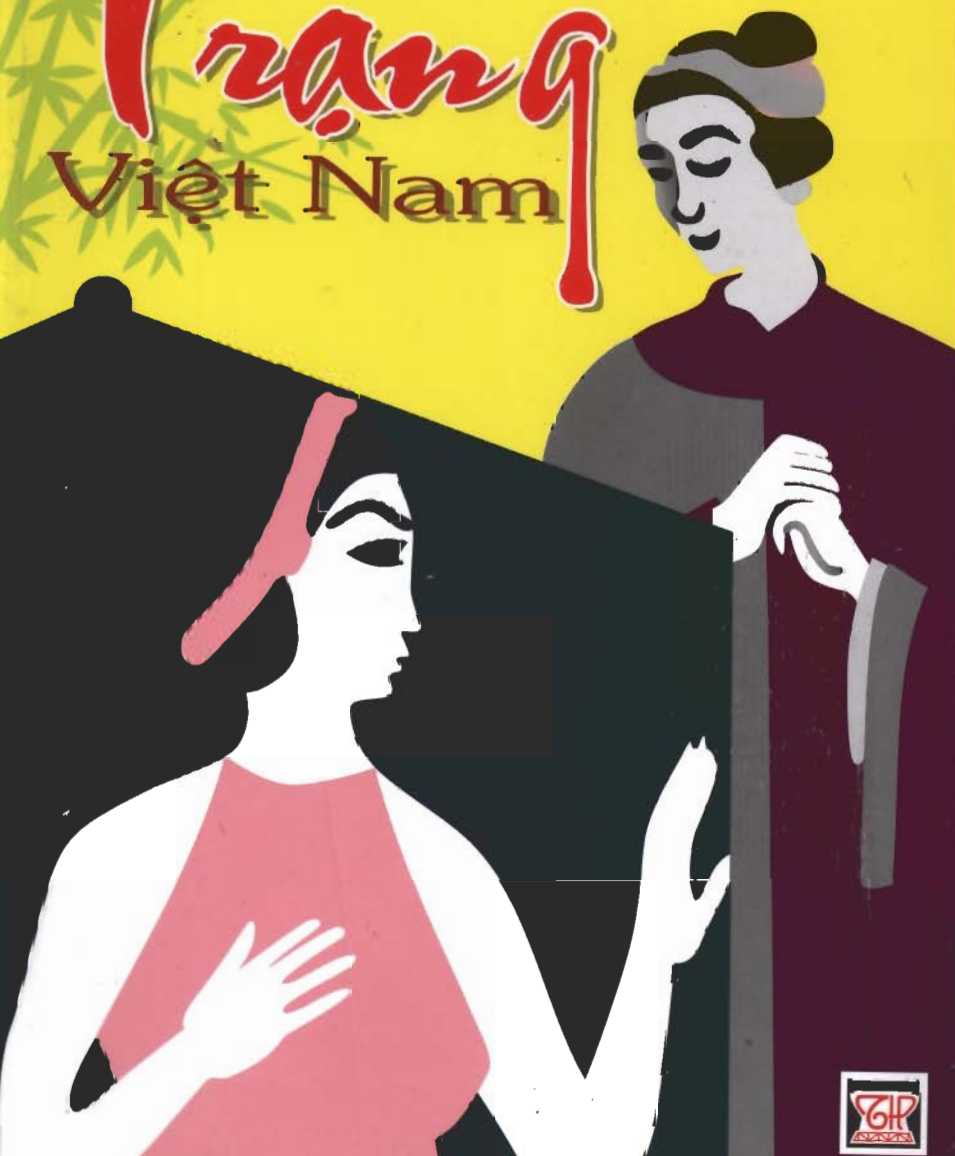


VŨ NGỌC KHÁNH (CHỦ BIÊN)
HOÀNG KHÔI - PHAN TIẾN GIANG

TRUYỆN *Trạng* Việt Nam



TRUYỆN TRẠNG VIỆT NAM

VŨ NGỌC KHÁNH (*chủ biên*)
HOÀNG KHÔI - PHAN KIẾN GIANG

TRUYỆN TRẠNG VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA - 2005

TỪ NHỮNG ÔNG TRẠNG ĐẾN KHO TÀNG TRUYỆN TRẠNG VIỆT NAM

Chắc rằng cái tên gọi trạng phải ra đời từ khi nước ta có khoa thi trạng nguyên, hay sớm hơn nữa thì phải vào lúc chúng ta biết rằng nước ngoài đã có trạng. Việt Nam có trạng nguyên khá sớm. Sử sách đã chép việc Khương Công Phụ đỗ vào thời nhà Đường. Đã có sử thi truyền tụng rằng trạng nguyên Tống Trân sống vào thời Tiền Lý. Nhân dân ta hiếu học, kính trọng tài năng. Người có học vị cao nhất tất nhiên được kính phục, ca ngợi. Chuyện trạng khởi đầu phải là chuyện về các ông trạng nguyên, những người có tài năng uyên bác, siêu việt. Đó là những chuyện "người thật, việc thật": chuyện tiểu sử đặc sắc, chuyện học hành công phu, chuyện ứng xử tài tình linh hoạt trong ngoại giao, trong chính sự. Chuyện trạng hẳn phải là như thế.

Dần dần, những mẫu chuyện ấy loan và phát huy tác dụng riêng của nó. Phải có người mới có chuyện. Nhưng khi đã có chuyện thì người ta nhớ chuyện chứ không nhất thiết nhớ đến người, hoặc cũng có thể lắm

người nọ sang người kia, mà không cần thiết phải cải chính. Chuyện lưu truyền chứ không phải là chuyện nghiên cứu là như vậy. Những truyện trạng trở thành những giai thoại để mang thêm giá trị văn học, giá trị thẩm mỹ nhiều hơn là giá trị sử liệu, chuyện các ông trạng phải là những chuyện nói về các tài thông minh uyên bác, về những hoạt động phi thường, đặc sắc và nhất là phải hấp dẫn, phải vui, phải lạ. Các giai thoại về những ông trạng sẽ có nhiều dạng phát triển, vận động, có trường hợp chuyện của trạng nọ ghép cho trạng kia. Có trường hợp kéo thêm những chuyện vui, chuyện lạ khác nhập vào giai thoại của một ông trạng mà người ta thích, và tất nhiên không ai ngăn cản được những thêm thắt hư cấu cho phù hợp với yêu cầu thẩm mỹ người kể hay người nghe. Rồi đến lượt xuất hiện những ông tri thức (hay nghệ nhân) nào đó không đồ vẫn được tôn là trạng. Những "dòng truyện trạng" ra đời, không còn là truyện trạng nguyên nguyên gốc như hồi đầu nữa.

Truyện trạng ra đời từ ngày có trạng, song những câu chuyện về con người thông minh, tài giỏi, những người láu lỉnh khôn ngoan thì lại có trước đã lâu rồi. Những câu chuyện ấy vẫn được lưu truyền qua nhiều thế hệ, gây hấp dẫn, tạo ra những tiếng cười thoải mái, có khi ào ạt say sưa. Truyện trạng trên chặng đường

biến hóa nhất định đã du nhập thêm các mẫu này vào, và cũng với nội dung vốn đã phong phú của nó lại thêm một lần biến hóa. "Truyện trạng" trở nên rộng nghĩa một cách không ngờ. Có "Kể chuyện trạng", và có "nói trạng". Nói trạng là nói vui, nói tếu, nói trên trời dưới đất, nói cợt nói trêu. Khi ta bảo người này hay người kia là "tay trạng", là anh chàng chỉ "nói trạng", chính là ta đang công nhận sự thể biến hóa này, một sự pha trộn nhào nặn, thể nhập nhiều yếu tố để tạo nên nội hàm truyện trạng. Cái tiên tri và cái nói khoác, cái uyên bác và cái thiên hồ địa hĩ, cái tài tình hóm hỉnh và cái nghịch ngợm tục tằn... truyện trạng có đủ cả. Rồi thì, dã sử, giai thoại, cổ tích, tiểu lâm chuyện trạng đều có thể tiếp cận hay xâm nhập trong kho tàng Folklore Việt Nam chuyện trạng khá dồi dào.

Nhìn nhận vấn đề theo quan điểm phát triển như thế, ta dễ dàng quan sát diện mạo kho tàng truyện trạng ở Việt Nam. Có khá nhiều "dòng truyện trạng" có thể phân biệt được với nhau, nhưng đều mang tính chất và giá trị "trạng".

a) Trước hết là những giai thoại về các ông trạng nguyên, những người có đỗ đạt thực sự, có tên ghi trên bảng "Đệ nhất giáp, đệ nhất danh" ở kỳ thi đình phần lớn các giai thoại đều nhằm ca ngợi tài thông minh

xuất chúng, công phu học tập hoặc những cử chỉ hành động độc đáo (xử kiện, ngoại giao v. v...) của các ông trạng, khi còn hàn vi hay khi đã xuất chính. Bản thân những giai thoại này là giai thoại văn học hoặc giai thoại lịch sử. Dần dần trong quá trình lưu truyền nó sẽ đậm chất dân dã để trở thành giai thoại Folklore. Một số trạng nguyên sẽ được huyền thoại hóa cho giai thoại về họ thêm ly kỳ hấp dẫn. Một số khác, có thể không được huyền thoại hóa, nhưng phải được thêm thắt những chi tiết nào đó để tạo nên tính chất phi thường giữa con người tài năng uyên bác và đám đông, phải có một cự ly nhất định thì mới hấp dẫn và thú vị.

Cũng trong dòng này, có thể kể thêm giai thoại về các nhà khoa bảng trí thức không đỗ trạng nguyên, nhưng vẫn có tên trên bảng xướng danh các kỳ thi hương, thi hội. Họ không có học vị trạng nguyên, song tài năng và những hoạt động của họ, trong sự ngưỡng mộ của quần chúng, vẫn không khác các ông trạng chính danh kia mấy nổi. Nhân dân sẵn sàng tôn họ làm trạng. Đó là trường hợp như Nguyễn Hàm Ninh (Quảng Bình) được gọi là Trạng Ninh, Nguyễn Trường Tộ (Nghệ An) được gọi là Trạng Tộ, và nhiều người khác nữa. Trong nhóm này phải nói đến cả những con người xuất chúng mà không quen với

ngiên bút sách đèn. Tại sao họ có những tài năng trác việt như vậy mà nhà nước lại không phong? Nhà nước không phong thì nhân dân phong tặng vậy. Đó là lý do vì sao có những trạng vật, trạng cờ... với nhiều mẫu chuyện thú vị. Điều đáng chú ý là tất cả những ông trạng này (trạng theo học vị hay trạng dân phong) đều chỉ là người của giai thoại khác với lớp ông trạng ở dòng thứ hai, lại đi vào kho tàng cổ tích, tiểu lâm.

b) Đúng vậy. Trong kho tàng cổ tích, tiểu lâm Việt Nam, có khá nhiều nhân vật được mang danh hiệu trạng. Họ không có học vị đã đành, nhưng tên tuổi họ đi vào dân gian lại không phải chủ yếu vì tài năng học tập mà do hành trạng của họ có những nét gì đó, mang phong cách trạng và đậm màu cổ tích - cổ tích thế sự chứ không phải cổ tích thần kỳ - nhiều hơn. Lý lịch của những ông trạng này thật là phức tạp, sự tồn tại của họ có khi thật khó tin nhưng lại không sao bác bỏ được. Có những ông chắc chắn đã là những con người như Trạng Quét, Trạng Trinh (Trình chứ không Trình), Trạng Khiếu, Trạng Tư Thiên (dân tộc Tày), mà những mẫu chuyện về họ chẳng có gia phả, liệt truyện nào ghi chép hay chấp nhận cả, mặc dù là chuyện được quần chúng kể say mê như kể chuyện đời xưa. Có những ông, quả tình không dám quyết đoán đó là những người đã từng sống giữa cõi trần gian này, hay chỉ là những nhân vật được hư cấu theo

tượng tượng của dân gian. Trạng Gầu (tức là Tống Trân), trạng Bờ Ao (tức là ông Tả Ao) v.v... đều thuộc trường hợp này. Rồi đến những ông trạng, chắc chắn đã từ một con người có thực trở thành một hình tượng nhân vật hoàn toàn hư cấu từ giai thoại bước hẳn sang cổ tích rồi bước luôn sang địa hạt tiểu lâm, mà vẫn để lại một mối dây ràng buộc với làng xóm họ hàng gây ra bao nhiêu rắc rối! Vì chưa tiếp cận sự thực này, một số trong chúng ta đã phải để nhiều công phu tranh cãi hoặc xác minh sự thực giả ở Trạng Quỳnh, Trạng Lợn v.v... đúng ra chỉ cần nghiên cứu trong phạm vi văn học dân gian mới là thỏa đáng.

c) Trạng Folklore Việt Nam, còn lưu hành nhiều chuyện về một loại nhân vật khác, tuy không được mang danh hiệu trạng, song thực sự lại rất xứng đáng cùng ở trong dòng truyện trạng. Họ cũng là những con người thông minh tài trí, cũng có tài ứng xử linh hoạt kịp thời, cũng có nét trí tuệ sắc sảo, tiếng tăm của họ cũng lưu truyền khá rộng rãi ở mỗi dân tộc, một địa phương và cũng tồn tại với thời gian. Thật ra thì những nhân vật này có thể có nguồn gốc xa xưa hơn, có dấu ấn khu vực Đông Nam Á đậm nét hơn mà những Trạng Quỳnh, Trạng Lợn lại chưa hẳn đã đi trước họ hay không được họ tài bồi ở chi tiết này hay chi tiết khác. Đặt vào kho tàng văn học dân gian thế giới, họ cũng là anh em bạn với những Natxêdrin (Trung Á)

Birbal (Ấn Độ) Xiêng Miêng (Lào) v.v... sẽ có những công trình nghiên cứu khác về những nhân vật này như các tác giả Folklore nước ngoài đã có những chuyên đề: "Giai thoại về những người ngu, người điên"; "Chuyện về những nhân vật thông minh, láu lỉnh"; "Những con người tinh nghịch" v.v... Ở nước ta, việc sưu tầm theo đề tài này hãy còn ít lắm. Song khi bàn đến cả hệ thống truyện trạng của nước nhà, loại nhân vật này cần được dành cho một vị trí xứng đáng hơn ⁽¹⁾.

d) Còn phải kể trong kho tàng chuyện trạng Việt Nam, một dòng khác cũng không kém phần phong phú, là những chuyện vui, chuyện cười ở các cơ sở nông thôn. Trong những năm gần đây, giới nghiên cứu Folklore đã phát hiện ra rằng ở đất nước ta, không

(1) Trong tập sách này, chúng tôi dành riêng cho các nhân vật thuộc dòng thứ ba này một số trang, chủ yếu giới thiệu một số nhân vật thuộc các dân tộc ít người trong cộng đồng Việt Nam, điều mà lâu nay ít người chú ý. Riêng về dân tộc Việt loại này có nhiều song không chép vì chúng tôi đã cho in ở nhiều nơi. Xin đọc thêm các mẫu chuyện về:

- Thượng Nành, Phủ Tuấn, Thủ Thiêm, Mãn Nhụy, Cố Duồn, Xiển Ngộ, Ba Phi, Cô Nhấn v.v...trong sách giai thoại văn nghệ dân gian của V.N.K (Hội VNDG Việt Nam xuất bản Hà Nội 1986).

- Ba Giai Tú Xuất. Khóa Liễn, Trạng Xiển, Bạch Xi v. v...trong sách kho tàng giai thoại Việt Nam của V.N.K (Nhà xuất bản Văn học Hà Nội 1987) và sách giai thoại Thăng Long (NXB Hà Nội).

hiếm những xóm làng có truyền thống phát huy trí tuệ và biểu lộ tâm hồn lạc quan của mình bằng những giai thoại dí dỏm, nghịch ngợm, thông minh đưa tới nụ cười thường trực. Truyền thống ấy không phải chỉ tập trung sinh động ở một nhân vật nào nhất định mà được biểu hiện ở cả đông đảo cộng đồng, tạo nên một nét phong cách chung. Những con người ở thôn xóm ấy gần như mặc nhiên được "trời phú cho" đặc tính ấy, nên họ đều giống nhau ở chỗ lối nói, lối nghĩ lối ứng xử lúc nào cũng hóm hỉnh, cũng kêu gọi được tiếng cười hay được sự ngạc nhiên, bằng nhiều biện pháp tu từ, mà đặc biệt là kiểu thậm xưng hay đối sánh. Những địa phương như thế, xứng đáng là những "làng cười".

Đã có nhiều nhà nghiên cứu Folklore trên thế giới bàn về giai thoại. Ở nước ta, vấn đề cũng đã bắt đầu được chú ý cùng với việc phát hiện kho tàng thật ra cũng chưa khai thác hết. Riêng kho tàng truyện trạng, với tư cách là những giai thoại Folklore, chúng ta cũng có thể bước đầu ghi lại một vài nhận xét. Cũng như những giai thoại nói chung, các mẫu truyện trạng (ở cả bốn dòng đã kể ở trên) đều là những mẫu tự sự mang những yếu tố trí tuệ, những yếu tố gây cười nhất định để thỏa mãn cảm quan thẩm mỹ của quần chúng.

Gọi là những mẫu, vì những truyện trạng chỉ có

tình tiết ngắn gọn mang ít nhiều tính kịch bằng sự biểu hiện các hành động rõ rệt và kết thúc bất ngờ. Không có ở những truyện trạng cũng như ở các giai thoại sự kéo dài để tăng thêm phần gợi cảm. Những cách diễn tả bằng lối miêu thuật trong chuyện, bằng hình tượng trong thơ truyện trạng có thể là cả một chùm liên hoàn gồm nhiều mẫu kết dính với nhau, nhưng mỗi mẫu tự thân nó đã là một chuyện kể ngắn gọn và bất ngờ, đủ thỏa mãn nhu cầu trí thức và nhu cầu thẩm mỹ. Chất trí tuệ và chất hài hước ở đây là một sự hòa hợp thống nhất, đó là tiếng cười của lý trí sáng suốt, hồn nhiên để phủ định những cái lỗi thời đang ngự trị trong ý thức hay trong tổ chức xã hội truyện trạng ca ngợi sự thông minh tài trí của những người trí thức chân chính là để phản ứng lại với cái ngu ngốc lỗ bịch của bọn ngu dốt: nó bộc lộ những niềm vui lành mạnh bằng cái sắc sảo ngây thơ, thực chất và lý trí chân chính, để hạ thấp bọn cầm quyền như vua chúa, nhà giàu, bọn ỷ sức mạnh như lũ giặc xâm lược. Đây cũng là điểm tương đồng giữa các giai thoại ở nhiều nước, nhất là những nước phương Đông thời trung cổ, nhân dân luôn luôn phản ứng lại với những chủ nghĩa thần bí của giới thầy tu, giới quý tộc và bọn thống trị. Những Trạng Quỳnh, Trạng Lợn, Thơ Va Đa, Thơ Mênh Chây ở Việt Nam (và Đông Dương) không xa lạ gì với những mẫu hài hước này.

Và ngay những câu chuyện sách vở chủ nghĩa của các ông trạng tưởng chừng như theo một khuynh hướng khác, thực ra về bản chất, vẫn là những biểu hiện chống đối, dùng bản lĩnh để áp đảo đối phương, dùng ý chí để quật lại những sức ỳ, sức cản. Những thủ pháp được áp dụng trong các dòng truyện trạng đều là nhất quán theo đà phát triển. Tài năng chứng tỏ sự thông minh mẫn tiệp của các ông trạng thường cho ta những sự bất ngờ, do ứng phó kịp thời, đối đáp linh hoạt, khiến cho vua chúa phải sợ, triều đình nước ngoài phải kính phục, thì ở những nhân vật tinh nghịch hài hước cũng luôn luôn có những thủ đoạn tài tình, khéo léo đẩy đối phương vào sự lúng túng đến phải tro mắt, đầu hàng. Mác-xim Gooc-ki đã gọi những thủ thuật là lối "gài bẫy biện chứng". Từ những sự khoa trương trên thực tế tài năng các trạng về trí nhớ kỳ diệu, về một sự dự báo chiến lược, một khám phá mưu mô của đối phương để chuẩn bị sẵn cách trả lời, tấn công ngược lại, đến những chuyện khoác lác bịa đặt trên trời dưới đất mà rất có lý, rất vui, thật là một bước không dài. Rồi nếu những nhà khoa bảng thường hiểu biết nhiều các điển tích sâu xa, các điển tích lộng ngữ của chữ Hán, chữ Nôm, trong khi làm văn hay câu đối, thì những anh chàng láu lỉnh lại cũng giỏi chiết tự, bắt bẻ gò gẫm tiếng nói thông thường, theo những kiểu lý luận thông tục, và nhất là theo

cách nói lái rất tài tình, độc đáo của ngôn ngữ Việt Nam. Cuối cùng, ta có thể nhận xét thêm rằng các vị trạng nguyên kia, dù mang mũ tía đai vàng, quanh mình đầy những kinh truyện giáo điều, lễ nghi ràng buộc, song một khi đã bước vào thế giới giai thoại, không nhiều thì ít đều phải có một tâm hồn phóng khoáng, có những suy nghĩ tự do không theo chính giáo. Phải như thế họ mới được nhân dân chấp nhận. Và cũng phải như thế, họ mới trong giây phút, thoát ra cái ngột ngạt của xã hội phong kiến nặng nề. Vòm trời văn chương cử tử chật hẹp, mặt đất triết lý kinh viện khô cằn, những Thi - Thư - Lễ - Nghĩa đành hạ cái búa tạ xuống để cùng chung với quần chúng lao động hồn nhiên một nụ cười ào ạt ⁽¹⁾. Chưa hoàn toàn đồng nhất, nhưng cái phóng túng ở đây với cái nghịch ngợm tinh quái thậm chí đến tục tằn đi nữa, cũng vẫn không có gì ngỡ ngàng cách biệt. Nhà hiền triết khi đã trở thành một con người suy nghĩ tự do thì dễ trở thành nhà hài hước châm biếm. Đó là trường hợp tất yếu cho các quan trạng khi trở về với cái lương tri của quần chúng. Có thể hiểu nội dung tư tưởng và đặc trưng thi pháp của các truyện trạng Việt Nam ở một số ghi nhận bước đầu như thế, để rồi đây ta sẽ có dịp đi hẳn

(1) Xem Thơ văn trào phúng Việt Nam, trang 41. Nhà xuất bản Văn học Hà Nội 1974.

vào chuyên đề lý luận này.

Tất nhiên là truyện trạng vẫn có nhiều nhược điểm. Ta không cần nói nhiều đến những hạn chế do hoàn cảnh thời đại cũ tạo nên, như ảnh hưởng của những lý thuyết duy tâm mê tín, sùng bái một chiều, hoặc tin vào phong thủy, vào số mệnh. Ngay những nụ cười trào lộng trong các chuyện trạng, nhiều khi cũng không tránh khỏi những tục tằn của loại tiểu lâm bừa bãi, những mưu mẹo mảnh khóc có tính "xấu chơi".

Hơn là dí dỏm, thần tình. Một số biện pháp nghệ thuật còn gượng gạo, gò ép, có lúc vướng víu như là gài dở. Đó là những nhược điểm rất dễ nhận ra và cũng không cần thiết phải nhiều lời phân tích. Chúng ta đã vượt khá xa thời đại cũ, nên ở đây có thể có sự gạn lọc dễ dàng. Điều nên được chú ý hơn là tính chất trí tuệ của kho tàng truyện trạng. Ở đây, cũng như ở kho tàng giai thoại Việt Nam nói chung, có tiếng cười của lý trí sáng suốt thúc đẩy, song phần trí tuệ quả không đậm đà như ở nhiều giai thoại các nước Đông - Tây. Chất suy tư của những giai thoại ở nước ta, và của cả những truyện trạng nói riêng, thường nhường chỗ cho những phản ứng đối chọi nhiều hơn là những trầm ngâm duy lý, hoàn cảnh lịch sử, hoàn cảnh xã hội Việt Nam đã tạo nên thực tế này. Người dân ta luôn luôn phải chống trả lại bọn xâm lược, phải đấu tranh với giai cấp thống trị, nhưng chủ yếu là đấu

tranh chính trị, đấu tranh quân sự, đấu tranh sinh hoạt, chứ không phải đấu tranh về triết học. Cái hài hước, cái chống đối của tâm lý Việt Nam dưới chế độ cũ, là sự phản kháng chống lại áp bức bóc lột, chống lại thực tế bất công quanh mình, chứ không phải là do cao trào của một ý thức, một đòi hỏi về một xã hội cấp tiến và thiên hướng duy lý của nó⁽¹⁾. Có thể đưa ra là một so sánh hơi khập khiễng - Răng Nátxêdrin ở Trung Á chẳng hạn thì thực sự là một nhà hiền triết vui tính, trong khi đó Trạng Quỳnh ở nước ta cũng rất vui tính, song không có phong cách của nhà hiền triết. Cần phải nhận rõ điều đó để thấy đặc điểm xã hội và chỗ mạnh chỗ yếu của chuyện trạng ở nước ta. Đây cũng là một điểm đáng nên khai thác để nâng chất trí tuệ của những nụ cười châm biếm, những tác phẩm văn chương trào phúng Việt Nam hiện tại sánh vai với các cường quốc quốc tế đồng hành⁽²⁾ trong thời đại ngày nay, chúng ta vẫn thích cười thích vui. Điều mong mỗi là tiếng cười Việt Nam, tiếng cười chiến đấu hay tiếng cười phê bình xây dựng cũng đều phải có ý nghĩa lớn lao, chứ không thể bằng lòng với những tiếng cười dễ dãi.

G.S VŨ NGỌC KHÁNH

(1), (2). Xem thêm ý kiến đã trình bày từ 1974, trong sách Thơ văn trào phúng Việt Nam (đã dẫn trang 524) và bài tiểu luận trong sách Kho tàng giai thoại Việt Nam đã dẫn.

A - NHỮNG VỊ TRẠNG NGUYÊN ĐI VÀO KHO TÀNG GIAI THOẠI

- | | |
|---|--|
| 1. Trạng hóa cộp | 9. Trạng Trình |
| 2. Trạng Hiền | 10. Trạng Kế |
| 3. Lương quốc trạng nguyên | 11. Bảng trạng thi tài |
| 4. Nổi oan sư thầy | 12. Trò Trạng nguyên -
Thầy Bảng nhãn |
| 5. Trạng bố trạng con trạng
ông trạng cháu | 13. Trạng Bàng |
| 6. Trạng Lường | 14. Trạng Nguyệt Ánh |
| 7. Trạng Ăn | 15. Trạng Bịu |
| 8. Mạo Trạng nguyên | 16. Trạng Gióng ^(*) |

(*) Số lượng trạng nguyên trong lịch sử khoa cử ở nước ta khá nhiều. Các sách *Khoa bảng tiêu kỳ*, *Đại Việt đình nguyên phát lục* đã ghi được danh mục và sự tích của 46 Trạng nguyên. Nhưng vẫn chưa đầy đủ. Những ông Trạng này đều có các chuyện ca ngợi hay đồn đại (có khen có chê). Chúng tôi chỉ lọc ra một số giai thoại của các Trạng nguyên đậm tính chất dân gian hơn để giới thiệu. Một số khác sẽ được kết hợp với những gương học tập của các nhà khoa bảng chân chính, giới thiệu ở một chuyên đề thích hợp hơn.

TRẠNG HÓA CỘP

Từ cuối thế kỷ XI, nhà Lý đã chú ý đến Nho học, cho mở khoa thi đầu tiên (Ất Mão 1075) và chọn được trạng nguyên khai hoa ở nước ta, đó là trạng nguyên Lê Văn Thịnh, người vùng Kinh Bắc (nay thuộc huyện Gia Lương tỉnh Hà Bắc).

Trạng nguyên Lê Văn Thịnh nổi tiếng thông minh, đỗ đại khoa xong là có chỉ triều đình vời ra làm quan ngay. Ông được vào cung dạy Lý Nhân Tông - Từ thuở bé, rồi tiếp đó, đảm nhiệm các chức trách ở triều đình, dần dần lên đến địa vị Thái sư.

Năm 1084, sau cuộc chiến thắng quân Tống, vua Lý và nguyên soái Lý Thường Kiệt thực hiện chính sách ngoại giao khôn khéo, xin cùng với Tống giảng hòa, sai sứ thông thương. Những việc đầu tiên thảo luận là trao trả tù binh, phân chia địa giới, đòi lại những vùng đất mà quân Tống đã lấn chiếm trước đây. Lê Văn Thịnh - lúc này còn giữ chức Lang trung Binh bộ, được cử làm trưởng đoàn sang Tống đàm phán. Hội nghị đã họp vào tháng 7 năm Giáp Tý (1084). Phía nhà Tống cử viên sứ giả Thành Trạc đứng đầu.

Nội dung cuộc tranh luận là bàn về cương giới thuộc hai châu Quy Hóa và Thuận An, cụ thể là đất vật dương vật âm.

Chính tại cuộc hội nghị này, Lê Văn Thịnh đã nổi bật lên là một nhà ngoại giao kiên quyết, lý lẽ vững vàng, thái độ cứng rắn. Lê Văn Thịnh nói rõ hai vùng đất ấy là của nước ta, đã bị bọn tù trưởng ở biên giới, nhân lúc lộn xộn, đem nộp cho nhà Tống để mong tránh nạn binh hỏa nay mong nhà Tống trả lại. Phái đoàn Thành Trạc không chịu, lập luận rằng:

- Những đất mà quân Tống đánh chiếm vừa qua, bây giờ đem trả lại thì đúng. Còn những đất mà người địa phương coi giữ đã xin quy phụ về thiên triều, thì không có lý gì trả lại.

Lê Văn Thịnh đã trả lời:

- Đất thì có chủ. Bọn được giao cho coi giữ mang nộp và trốn đi thì đó là đất ăn trộm. Chủ giao cho mà lại trộm của chủ, là phạm tội không tha thứ được. Kẻ ăn trộm và kẻ tàng trữ vật trộm cấp đều sai, hướng chi, bọn chúng lại mang đất trộm đến dâng là làm bản sổ sách của thiên triều !

Lời nói khéo léo mà nghiêm khắc của Lê Văn Thịnh đã làm cho bọn sứ thần nhà Tống phải hổ thẹn, nhưng chúng vẫn cứ lằng nhằng. Cuộc tranh chấp đất đai này còn kéo dài nhiều năm về sau, có đến sáu lần

nữa mà không ngã ngũ. Nhưng Lê Văn Thịnh đã được triều đình rất kính phục. Ngay năm sau (1085) ông được thăng vượt cấp, cử giữ chức Thái sư, quan đầu triều.

Nhưng có điều lạ là kết cục hành trạng của vị Thái sư trạng nguyên này lại là những trang bi kịch. Một việc kỳ quặc đã xảy ra, cho đến nay vẫn chưa ai giải thích được rõ ràng. Vào một ngày nào đó⁽¹⁾ Vua Lý Nhân Tông cùng các triều thần dong thuyền dạo chơi trên Hồ Tây, để hưởng lạc thú cảnh thái bình, sau những ngày chiến tranh chấm dứt. Thuyền ra đến giữa hồ thì sương mù tỏa xuống, che cả đội thuyền ngự, ảo ảo mờ mờ, đó là hiện tượng thiên nhiên quen thuộc ở Hồ Tây, bỗng ngay giữa thuyền ngự, một con cạp ở đâu xuất hiện, nhảy vào đám đông, các quan và bọn lính Ngự lâm thị vệ hoảng hốt rạt ra, cạp lao vào vua Lý Nhân Tông như sắp sửa vồ ăn thịt. Người lái thuyền, một ông chài can đảm và linh hoạt, vội vàng ném vào đầu cạp một cái lưới, tình cờ ông vớ được bên cạnh mình, lưới lùng nhùng bỏ lấy cạp, làm cho

(1) Sách *Việt sử lược* nói là vào tháng mười một. Sách *Toàn thư* nói là vào tháng ba, còn sách *Việt điện u linh* lại chỉ nói vào mùa thu. Cuộc đi chơi này, các tài liệu cho biết là Lý Nhân Tông dạo chơi hồ để xem đánh cá.

nó lúng túng không thể thoát ra. Nhà vua và các tùy tùng được hoàn hồn, thì vừa lúc sương mù giảm bớt, trông rõ mặt người. Bọn lính xông vào bắt cộp. Nhưng... không phải cộp mà lại là... Thái sư Lê Văn Thịnh đang loay hoay trong tấm lưới. Lập tức Lê Văn Thịnh bị trói điệu về để triều đình luận tội. Kết luận không nói ai cũng rõ: Lê Văn Thịnh đã bị buộc tội là dùng phù phép để hóa thành cộp, toan giết vua cướp ngôi. Lẽ ra phải tru di tam tộc, nhưng Lý Nhân Tông nghĩ thương một vị đại thần đã có nhiều công lao trong các việc nội trị, ngoại giao, lại là người có học hành uyên bác, nên không bắt tội chết. Lê Văn Thịnh bị cắt hết chức tước, đày vào Thanh Hóa. Ông trú ngụ tại đây và lập cơ ngơi mới ở vùng này. Có tài liệu cho rằng, tiến sĩ Lê Quát (đời nhà Trần) là dòng dõi của ông.

Việc Thái sư trạng nguyên Lê Văn Thịnh hóa hổ đến nay vẫn chưa ai giải thích được cho chính xác. Các nhà nho, các sử thần phong kiến ngày xưa đều kết luận là Lê Văn Thịnh đã có tham vọng cướp ngôi, tội rất nặng. Nhưng người ta vẫn không hiểu vì sao mà vua Lý lại xử phạt một cách khoan hồng. Một số nhà nghiên cứu đời sau không tin vào chuyện phù phép, đã

giải thích hiện tượng này một cách khác⁽¹⁾ nhưng tên tuổi và "giai thoại" *Trạng hóa cạp* hay *Thái sư hóa cạp* thì vẫn tồn tại, lưu truyền cho tới bây giờ.

TRẠNG HIỀN

Nguyễn Hiền quê ở Dương A, huyện Thượng Nguyên, tỉnh Nam, nhỏ tuổi mà sức học tinh thông. Năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 (Đinh Mùi). Vua Trần Thái Tông cho mở khoa thi lớn. Nguyễn Hiền mới mười ba tuổi về kinh ứng thí và lập tức được lấy đỗ trạng nguyên. Khóa thi của Nguyễn Hiền có ba người đỗ cao và đều rất trẻ đó là Nguyễn Hiền, trạng nguyên

1. Thí dụ như ý kiến của Hoàng Xuân Hãn :

"Chuyện này tiêu biểu cho sự mê tín có ảnh hưởng lớn đến chính trị triều Lý... Về tháng 11, trận mù thành linh tới hồ, đó là một sự thường có nhưng với tâm thần hay bị xúc cảm của vua Lý, khi thấy trời tối mà mình còn ở trên mặt nước thì vua đâm ra hoảng hốt. Có lẽ Lê Văn Thịnh cũng vì thấy trời tối mà vội vã sai chèo thuyền gấp tới để hộ vua về. Ngồi trong thuyền bị trùng triềng không vững, Văn Thịnh phải ngồi khom mình, tay chống vào thuyền cho vững. Hình dáng trông như con hổ. Mặt khác Lê Văn Thịnh cũng tin vào ảo thuật, và đã có tiếng sẵn là đã học được phép hóa hổ. Cho nên kẻ trông thấy hình con hổ trong thuyền lại càng nghi cho ý muốn hại vua...".

(Theo sách *Lý Thường Kiệt* trang 4421)

13 tuổi, Lê Văn Hưu, bảng nhãn 18 tuổi và Đặng Ma La thám hoa 14 tuổi.

Trạng Hiền đỗ cao được vua gọi châu. Thấy chàng trẻ tuổi mà đỗ sớm, vua mới hỏi:

- Trạng nguyên học ở đâu ?

Trạng Hiền quỳ tâu:

- Thần xin tâu bệ hạ, thần chỉ học thần... và thỉnh thoảng có hỏi sư ông ở chùa làng thêm đôi ba chữ.

Vua thấy Trạng Hiền nói năng quê kệch mà còn có vẻ kiêu căng không được vừa lòng nên truyền phán buộc trạng trở về học lễ nghĩa thêm. Trạng Hiền vì thế chưa được ban áo mão.

Trạng Hiền về quê ngày ngày đọc sách nhưng vẫn ham chơi bởi, thường lúc rỗi rãi vẫn cùng trẻ làng chơi khăng, thả diều.

Một lần, triều đình tiếp sứ Tàu, viên sứ đưa ra một con ốc soắn nhờ xâu qua ruột nó một sợi chỉ mảnh. Được như vậy, y mới chịu vào thành. Viên sứ muốn thử tài người Nam. Vua truyền cho các quan tìm cách xâu thử nhưng người nào cũng loay hoay và đành lè lưỡi lắc đầu. Bây giờ vua mới nhớ tới Trạng Hiền bèn cho người vời gấp. Viên quan được giao việc đến quê trạng gặp ngay một lũ trẻ chăn trâu nghịch đất đầu làng. Thấy trong đó có một cậu bé mặt mũi khôi ngô đang bày cho lũ bạn đắp một con voi bằng đất mà

tứ chi lẫn tai, vôi... có thể ngoe nguẩy cử động được, sứ giả đoán chừng đó là Trạng Hiền bèn buông một vế đối thăm dò.

- Tự là chữ, cát giảng đầu, tử là con, con ai con ấy?

Cậu bé nghe được, không ngược mặt lên, cũng thùng thẳng buông một câu:

- Vu là chung, bỏ ngang lưng, đình là đứa, đứa nào đứa này.

Chủ ý của viên quan xuất một vế đối theo lối chiết tự chữ Hán. Chữ *tự* có hai bộ phận trên như cái giảng xay, dưới là chữ *tử*. Để nguyên *tự* có nghĩa là chữ, bỏ giảng trên còn lại chữ *tử* nghĩa là *con* và gắn luôn với vế nôm tiếp đó thành một câu hỏi nửa chữ nửa nôm. Câu hỏi cũng có sắc thái của người trên hỏi kẻ dưới. Trạng Hiền cũng đối lại bằng cách chiết tự kết hợp với một phân nôm: Chữ *vu* là *chung* có hai nét ngang và một nét móc, bỏ nét ngang ở dưới thành chữ *đình* nghĩa là *đứa*, đi với *đứa nào đứa này* là một vế đối ý rất chỉnh và rất xược.

Viên quan biết đích là Trạng bèn xuống ngựa truyền lại ý vua vôi Trạng về kinh. Nhưng Trạng Hiền không chịu viện lẽ rằng, trước vua cho Trạng kém lễ buộc về, nhưng lần này vua cho vôi Trạng lên lại cũng không giữ đúng lễ. Viên quan không biết làm thế nào,

phải trần tình đầu đuôi chuyện sứ giả nước ngoài đưa câu đố mà chưa ai giải được, Trạng Hiền nghe biết chỉ cười, trở lại với đám trẻ chăn trâu. Chờ cho viên quan lên ngựa đi một đôi, ông mới xui đám trẻ cùng hát:

Tích tịch tang, tích tịch tang !

Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng

Bên thì lấy giấy mà bung

Bên thì bôi mật kiến mừng kiến sang

Tích tịch tang, tích tịch tang !

Viên quan nghe nhầm thuộc lời ấy, biết Trạng đã chỉ cách giải đố, vui vẻ ra về.

Sau lần ấy vua cho lễ mời ông, nhưng Trạng Hiền trải một cơn đau nặng đã mất sớm.

LUỖNG QUỐC TRẠNG NGUYÊN

Mạc Đĩnh Chi tên là Tiết Phu vốn là cháu quan thượng thư Mạc Hiến Tích triều Lý. Quê ông ở làng Lũng Động, thuộc huyện Chí Linh (Hải Hưng ngày nay). Ông vốn có diện mạo xấu xí, nhưng bù vào đấy là sức học dồi dào, thông minh hiếm thấy. Năm ông 20 tuổi, đời vua Trần Anh Tông (1034) khoa Giáp Thìn ông đi thi và đỗ đầu, nhưng nhà vua thấy ông có

phân thô phác, nên không muốn cho đồ trịnh. Ông nghe vậy bèn làm một bài phú là *Ngọc Tỉnh Liên* (sen trong giếng nước) để ví với mình. Đại ý bài phú nói rằng hoa sen vốn ở chỗ thấp nhưng lại là quý vật. Nhà vua xem bài, hiểu rõ thâm ý của ông bèn quyết xếp đồ đầu.

Mạc Đĩnh Chi làm quan, trải qua một vài chức vị rồi phụng mạng sang sứ nhà Nguyên. Khi lên đường đoàn sứ bộ đã định trước lộ trình, đã hẹn ngày sẽ đến cửa ải nhưng vì mưa gió nên phải chậm. Viên quan coi ải nhất định không cho vào. Mạc Đĩnh Chi phải tỏ bày duyên cớ mãi mới được viên quan ấy thuận, nhưng bắt buộc phải đối ngay một câu thì mới mở cửa cho vào. Vế đối trên ải đưa xuống là :

Quá quan trì, quan quan bế, nguyên quá khách quá quan. (Tới cửa quan chậm, cửa quan đóng, mời quá khách qua cửa).

Vế ra rất khó vì lặp đi lặp lại mấy chữ qua chữ quan.

Mạc Đĩnh Chi nghĩ một chốc, rồi đối ngay :

Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối.

(Ra đối dễ, đối lại khó, xin tiên sinh đối trước đi)

Viên quan giữ ải thấy ông ứng biến nhanh, vừa đúng vừa hợp, vừa thông minh lại rất khiêm tốn, nên vội vàng sai mở rộng ải để đón sứ bộ.

Qua được ải Nam Quan, Mạc Đĩnh Chi cùng sứ bộ tiếp tục lên đường. Đến Bắc Kinh gặp đám triều thần nhà Nguyên, chúng thấy ông nhỏ bé, xấu xí nên tỏ vẻ khinh thị. Viên tể tướng nước ấy mời ông vào phủ nói chuyện. Trên bức tường phía cửa sổ có thêu một con chim sẻ sắc vàng trông rất giống như con chim thực đậu trên cành trúc. Mạc Đĩnh Chi bèn tiến lại gần đưa tay định bắt chơi, khiến các quan nhà Nguyên cả cười, chê là ngớ ngẩn, Mạc Đĩnh Chi biết là mình lầm nhưng không thẹn nói nửa lời, kéo luôn tấm trướng xé toạc ra. Tất cả mọi người đều kinh ngạc nhìn ông, bấy giờ Mạc Đĩnh Chi mới ung dung nói :

- Trúc là bản sắc của người quân tử mà tước (chim sẻ) là hình dáng của kẻ tiểu nhân. Thế mà xem bức tranh này lại thấy tiểu nhân đề lên quân tử! Tôi e rằng ở quý quốc đạo của tiểu nhân lớn làm tiêu mất đạo quân tử đi, nên tôi phải vì thánh đế mà hủy bức tranh này.

Câu giải thích của Trạng khiến cho ai nấy phải khiếp phục bởi tài hùng biện hơn đời.

Vua quan nhà Nguyên còn tổ chức nhiều cuộc thi thơ, đối để thử tài Mạc Đĩnh Chi và lần nào ông cũng tỏ ra xuất sắc, giữ được danh dự cho nước cho mình.

Thời gian đi sứ, có lần Mạc Đĩnh Chi cười đùa dạo phố, chẳng may con lừa của ông xô phải con ngựa của một viên quan địa phương. Viên quan này bèn nắm

lấy cương lừa đọc :

Xúc ngu kỳ mã, đông di chi nhân dã? Tây di chi nhân dã? (Nghĩa là: Xô vào ngựa của ta? Người là rợ ở Đông hay ở Tây đó?)

Mạc Đĩnh Chi đáp liền:

Áp dư thừa lư, Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư?

(Nghĩa là: Ngáng đầu lừa của ta à? Đã chắc gì phương Bắc mạnh hay phương Nam mạnh).

Viên quan nhà Nguyên thấy thái độ cứng cỏi của ông cũng không dám làm quá hơn nữa.

Biết rằng dùng câu đối không áp đảo nổi ông, đám quan quân nhà Nguyên lại xoay sang môn khác. Vừa khi ấy trong cung có bà hậu phi mất, họ liền tâu vua Nguyên cử ông vào đọc văn tế. Khi ông vào quỳ trước linh vị người ta mới đưa tờ chúc văn cho ông. Mở ra Mạc Đĩnh Chi chỉ thấy ghi có bốn chữ "nhất"! Biết họ lại thử mình lần nữa, nhưng ông vẫn trịnh trọng đọc ngay lên rằng:

Thanh thiên nhất đoá vân

Hồng lô nhất điểm tuyết

Thượng lô nhất chi hoa

Quảng hàn nhất phiếm nguyệt

*Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn,
nguyệt khuyết! (*)*

(Trời xanh một đám mây, lò hồng một điểm tuyết, thượng uyển một cành hoa, cung Quảng một vùng nguyệt. Ôi! Mây tán, tuyết tiêu, hoa tàn, trăng khuyết!).

Bài văn thật tài tình, có mỗi bốn chữ nhất mà nói trọn được cuộc đời người phụ nữ đẹp khiến cho tất cả vua quan nhà Nguyên đều phục là bậc thiên tài. Vua Nguyên liền phê cho Mạc Đĩnh Chi là "Lưỡng quốc trạng nguyên" (Trạng nguyên hai nước).

Đời làm quan của Mạc Đĩnh Chi rất trong sạch. Cách cư xử, ăn uống của ông cũng giữ gìn mực thước, nên được bạn bè và vua chúa tin yêu. Đã có lần vua Trần Minh Tông thử tính tình ông, sai một người bỏ trước nhà Mạc Đĩnh Chi mười bó tiền vào lúc đêm hôm khuya khoắt không ai biết. Mạc Đĩnh Chi dậy sớm không biết tiền của ai vội vàng vào tâu vua. Vua

(*) Bài thơ bốn chữ "nhất" này thật ra chỉ là một giai thoại văn chương truyền tụng ở cả Trung Quốc và Việt Nam. Không phải của Mạc Đĩnh Chi (Trong sách Kiến Văn Tiểu Lục, Lê Quý Đôn đã cải chính). Nhưng chúng tôi vẫn ghi lại, vì từ lâu, câu chuyện đã được ghép cho Trạng Nguyên họ Mạc. Cũng không nên gác bỏ. Nhất là trong phạm vi lưu truyền của các sự kiện văn nghệ dân gian.

Về chuyện đối đáp của Mạc Đĩnh Chi ở Trung Quốc, sách xưa còn ghi chép nhiều, tất cả đều bằng chữ Hán, hoặc nhiều điển tích, tiểu xảo, hoặc còn mang những quan niệm lý số nên chúng tôi không chép.

phán rằng:

Tiền không có chủ thì khanh cứ việc lấy, chớ có hề chi.

Song Mạc Đĩnh Chi vẫn khăng khăng không nhận, xin nhà vua cho sung vào công quỹ. Câu chuyện truyền ra, triều thần và dân chúng đều ca ngợi. Ngôi nhà của ông hồi đó ở phía đông thành Thăng Long, cũng vào một cửa ô. Nhân dân hay gọi là cửa ô ông Mạc, lâu dần thành ô Đông Mạc bây giờ.

NỖI OAN SƯ THẦY

Nhà sư Huyền Quang tuổi còn rất trẻ mà đã nổi tiếng là vị chân tu, tên tuổi lừng vang khắp nước. Nhưng vua Trần Anh Tông thì vẫn chưa thật tin điều này. Vua quyết thử xem thực hư, bèn ban cho Huyền Quang 10 dật vàng có dấu quốc khố. Huyền Quang không nhận nhưng vua cứ ép, bảo cầm 7 dật về nuôi mẹ, còn 3 dật thì giữ lại phòng khi lỡ làng. Huyền Quang bất đắc dĩ nhận vàng về tu ở chùa Hoa Yên, núi Yên Tử.

Vài tháng sau đó, Anh Tông sai một cung nữ đẹp tên là Điểm Bích lên chùa Hoa Yên để thử sư, hẹn rằng nếu lấy được 3 dật vàng về thì sẽ có thưởng.

Điểm Bích giả làm người đi lễ lên chùa một đêm trăng đẹp và xin nhà sư cho ngủ đố một lần. Sư Huyền Quang cho phép Điểm Bích nghỉ ở nhà phương trượng. Đêm hôm ấy, Điểm Bích lần tới phòng sư lân la chuyện trò, tìm cách trêu ghẹo. Nhưng Huyền Quang lòng trần không bợn, Điểm Bích không sao lay chuyển được kẻ tu hành. Bí quá hóa liều, Điểm Bích đành sáp đến gần co tay, kéo áo khiến cho nhà sư vô cùng lúng túng. May mắn lúc ấy có người bên ngoài gõ cửa xin thuốc, sư mới thoát được ra. Điểm Bích dự không nổi Huyền Quang vừa then mình, vừa sợ mệnh vua, nên định ra sau núi tự tử. Huyền Quang hết lòng can ngăn. Điểm Bích nói rõ sự tình khiến Huyền Quang ái ngại. Nhà sư liền vào phòng lấy ba dật vàng đưa cho, để nàng khỏi tội trước nhà vua.

Điểm Bích mang được vàng về dâng vua, lại còn nghĩ được bài thơ nôm tuyệt hay và nói là của sư Huyền Quang làm để trêu ghẹo mình buổi ấy:

Vàng vạc trăng mai ánh nước

Hiu hiu gió trúc ngâm sênh

Người hòa tươi tốt, cảnh hòa lạ

Màu thích ca, nào thú hữu tình!

Bài thơ nôm quả là rất tình tứ. Anh Tông lại nhận đúng là mấy dật vàng có dấu quốc khố mình ban cho

sư, nên nổi giận cho sư Huyền Trang là sư hổ mang, định trị tội.

Nhờ có bà lão xin thuốc kể lại và đối chất cùng Điểm Bích, mãi sau vua mới biết Huyền Quang bị nghi oan. Nhà sư tiếp tục đường tu và trở thành vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm.

Sư Huyền Quang tên thật là Lý Đạo Tái người ở làng Vạn Ty, huyện Gia Bình (nay là huyện Gia Lương). Ông sớm đỗ cao, mới 19 tuổi đã là trạng nguyên và làm quan đời vua Nhân Tông (1279-1293). Hồi chưa đỗ đạt gia cảnh Đạo Tái bần hàn đến mức người trong họ ai cũng coi thường, không thèm đỡ đầu, cứu giúp, đành phải bỏ làng đi học nơi xa. Đến khi Lý Đạo Tái đỗ trạng nguyên, rồi ra làm quan lại có nhiều người đến nhận họ, khiến ông cảm thấy rất buồn. Có câu thơ nói rằng Đạo Tái nói về chuyện này:

Khó khăn thì chẳng ai nhìn

Đến khi đỗ trạng chín nghìn anh em.

Vì cảm cảnh đời đen bạc, Lý Đạo Tái cố tìm cách giải đáp. Ông theo đạo phật và hiểu ra được nỗi thống khổ của con người, từ đó ông quyết chí đi tu.

Trong lịch sử nước Nam ta chỉ có Lý Đạo Tái (Huyền Quang) là nhà sư có học vị cao nhất.

TRẠNG BỐ TRẠNG CON TRẠNG ÔNG TRẠNG CHÁU

Gia đình có thành quả học hành đỗ đạt kỳ diệu này là một gia đình ở tỉnh Nghệ Tĩnh, sống vào thế kỷ thứ XIV, dưới triều đại Trần - Hồ. Đó là gia đình họ Hồ, ở huyện Quỳnh Lưu và huyện Nghi Xuân.

Từ đời Trần Minh Tông, ở làng Mỹ Liệt xã Tiên Sinh, tổng Đường Khê sau chuyển về làng Bàn Đột, nay thuộc xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, có ông Hồ Cao sinh sống. Gia đình này vốn là dòng dõi, có truyền thống học hành, cả họ Hồ đã sinh nhiều nhân tài cho đất nước. Hồ Quý Ly cũng thuộc họ này, sau ra làm con nuôi gia đình ông Lê Huấn ở Thanh Hóa. Anh ruột của Hồ Cao là Hồ Hồng được xem là thủy tổ họ Hồ ở Quỳnh Đôi.

Hồ Cao sinh được con trai là Hồ Tông Thốc. Ông này đỗ trạng nguyên, làm quan đến An phủ sứ, rồi về viện Hàn lâm, được cử đi sứ Trung Quốc. Con trai Hồ Tông Thốc tên là Hồ Thành cũng đậu trạng nguyên, dời nhà về ở huyện Nghi Xuân, ở làng Tam Xuân Thượng (cũng gọi là Tam Chế, ở đây còn có cái đò được gọi là đò Trạng Nguyên). Đến lượt con trai của

Hồ Thành là Hồ Đốn lại cũng đồ trạng nguyên. Đây là một hiện tượng đặc biệt chưa thấy ở vùng nào và dòng họ nào từ trước đến nay (các sách vở xưa nay đều ghi chép mặc dù ở Văn Miếu không thấy khắc tên có lẽ vì lúc này vùng Thanh - Nghệ còn được xem là trại. Những người ở đây thi đỗ gọi là trại Trạng Nguyên, khác với người thi đỗ ở Thăng Long là Kinh Trạng Nguyên).

Trong số cả ba ông cháu cha con trạng nguyên này, Hồ Tông Thốc là người có nhiều giai thoại lưu truyền nhất. Chuyện phổ biến là cái tài mẫn tiệp của ông, khi còn là một cậu học sinh nhỏ tuổi, được tham dự một cuộc bình thơ văn ở kinh thành, cậu bé vừa mới nghe đọc đầu bài, đã cầm bút viết một mạch một trăm bài thơ, trong khi các bậc học giả ngồi trên chưa ai viết được câu nào, điều đáng kinh ngạc nữa là cả trăm bài thơ ấy, câu nào cũng suýt sặc.

Có câu chuyện Hồ Tông Thốc đi tìm vợ cũng khá độc đáo. Được biết ở huyện Thiên Lộc (gần Nghi Xuân) có người con gái quan thị lang tài mạo song toàn, ông giả vờ xin đến trọ học để được nhìn người đẹp. Suốt thời gian trú ngụ, Hồ Tông Thốc không hề tìm cách gặp gỡ hay ngỏ ý, mà chỉ nhằm biểu lộ tài văn chương của mình. Ông đề thơ lên vách nhà chủ nhân để tỏ chí khí. Cả hai bố con quan thị lang đều cảm phục người thư sinh tài hoa ấy. Và khi Hồ Tông

Thốc đổ rồi, thì cô Thị Ấn - con gái quan thị lang - cũng trở thành bà vợ quan trạng nguyên. Bà này sau sinh ra trạng nguyên Hồ Thành đã nói ở trên. Hồ Tông Thốc còn lưu lại một kỷ niệm về tài năng siêu việt của mình ở Trung Quốc. Trên đường sang sứ, qua đền thờ Hạng Vũ, ông đã làm thơ phê bình nghiêm khắc nhân vật này, không biết sau đó nhân dân đã truyền tụng ra sao, mà ngót hai trăm năm sau, trong sách *Truyền kỳ mạn lục*, Nguyễn Dữ còn kể thêm là : Ban ngày làm thơ chỉ trích, ban đêm Hồ Tông Thốc mộng thấy được Hạng Vũ mời đến tranh luận. Hai bên đối đáp với nhau cho đến khi trời sáng rõ, Hồ Tông Thốc mới biết là mình chiêm bao.

TRẠNG LƯƠNG

Trạng nguyên Lương Thế Vinh

Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh

Thám hoa Quách Đình Bảo

Khấp thiên hạ lòng danh

Đó là chữ thêu trong ba lá cờ do vua Lê Thánh Tông ban cho các vị đại khoa thời đó Cả ba người này đều có tài hay chữ từ thuở nhỏ. Nhưng chỉ có một

mỗi lần thấy ông đi qua, nó lại vẫy vẫy đuôi tỏ ý quần quýt vui mừng. Lương Thế Vinh thấy chuyện lạ về kể lại với bố. Ông bố bảo:

- Nó đã biết mừng, tất có thể nói được. Con cứ thử hỏi nó xem sao.

Lương Thế Vinh theo lời đến hỏi chó đá. Quả nhiên chó thốt thành tiếng người, nói rằng:

- Ông là trạng nguyên cho nên tôi mừng.

Ông bố của Lương Thế Vinh biết chuyện ấy lấy làm hoan hỷ lắm. Từ đó cứ mỗi lần có sự gì va chạm với ai ông cũng tự đắc:

- Mai kia con tao đỗ trạng, tao sẽ cho bay biết tay!

Lương Thế Vinh thấy vậy buồn lắm. Một ngày ông thưa chuyện với mẹ:

- Cha con ít đức lắm. Con không thể ở được. Xin mẹ cho con đi.

Bà mẹ cố lựa lời khuyên giải, nhưng ý ông đã quyết không cản được. Bà khóc, đành hỏi:

- Con đi đâu? Có thể cho mẹ biết được không?

- Con muốn sang nhà họ Lương bên làng Cao Hương, huyện Thiên Bản. Mẹ muốn tìm con thì cứ năm ấy... tháng ấy, sang đó, mẹ con sẽ gặp nhau. Nói rồi ông sắp xếp sách vở gửi lại, dặn mẹ giữ gìn cẩn thận rồi hôm sau không bệnh tật gì mà mất!

Dưới triều vua Lê Thánh Tông văn vận nước nhà đang lúc hưng thịnh, các vì sao văn giáng xuống rất đông. Ở bên Tàu có một người giỏi xem thiên văn, biết được Lương Thế Vinh giáng sinh, liền tìm nơi để yểm. Y lặn lội sang tận nước ta để tìm trẻ tài, nhưng không biết ông là con cái nhà ai cả. Hắn bèn đến với từng đám trẻ, đào một lỗ sâu đặt một quả bưởi xuống đáy và bảo chúng: "Đứa nào lập kế lấy được trái bưởi lên mà không phải dùng que thì ta cho tiền thưởng".

Lương Thế Vinh ở trong đám đó bày cách cho một đứa lấy nước đổ vào lỗ cho đầy để quả bưởi nổi lên. Tên thầy Tàu lập tức phát hiện ra ông là văn tinh giáng hạ. Hắn đang nghĩ cách yểm thì vừa lúc ông chết. Hắn vẫn lần theo dấu vết và biết ông đã bỏ Nam Xương để đến Thiên Bản. Đến làng Cao Hương, hòn ông nhập vào một tảng đá của một nhà nọ. Tảng đá này lâu nay vứt bỏ, không dùng vào việc gì, nay tự dưng có người đến hỏi mua, nên chủ nhà tưởng có sự cợt nhả, bèn cợt lại:

- Hòn đá này phải một trăm quan tôi mới bán.

Người hỏi mua tức là tên thầy Tàu cò kẻ trả giá tới 70 quan, nhưng chủ nhà vẫn khăng khăng chưa nghe. Hắn tạm bỏ đi. Lúc ấy có một người đàn bà đi làm đồng về thấy mọi người xúm xít quanh người mua đá liền len vào, giẫm chân lên hòn đá mà nói:

- Hòn đá này thì quý gì mà họ mua đắt thế?

Không ngờ Lương Thế Vinh ở trong đó đầu thai

vào người đàn bà ấy luôn. Người mua đá đi hồi lâu trở lại định quyết mua, nhưng nhìn lại biết thần đã xuất rồi, biết là không thể trấn áp được, bèn bỏ về nước. Thế Vinh đầu thai vào nhà họ Lương. Lúc mới sinh, suốt đêm ngày chỉ toàn khóc lóc, ai ru ẵm cũng không chịu nín.

Một hôm người mẹ trước nhớ lời con dặn, biết đã đến tháng, đến ngày, bèn hỏi thăm đến tận làng Cao Hương vào chơi nhà và xin chủ nhà ẵm hộ đứa bé. Từ độ ấy, nó thôi khóc. Bà kia mới kể đầu đuôi câu chuyện với chủ nhà, từ đó thường xuyên qua lại trông nom.

Đến khi Lương Thế Vinh đến tuổi đi học, ông nói với bà mẹ trước.

- Nhờ mẹ về lấy sách vở của con ngày trước để cho con tiếp tục học hành.

Bà mẹ về lấy sách cho con, Lương Thế Vinh học đến đâu nhớ đến đấy như người học ôn lại, đến năm 23 tuổi đi thi và đỗ Trạng nguyên⁽¹⁾.

(1) Câu chuyện truyền hoặc này rõ ràng là một sự hư cấu. Chúng tôi không ngại tính cách dị đoan của nó, vì trong thời đại hiện nay, chúng ta có thể bác bỏ dễ dàng. Điều đáng chú ý là gạt bỏ tính chất mê tín đi, ta thấy rõ dụng ý của nhân dân khi sáng tác.

- Ông trạng phải là người có đạo đức. Việc ông phải thác sinh sang của người khác, chỉ là sự gián tiếp phê phán tâm lý hám danh trục lợi.

- Việc thấy địa lý Tàu hỏi mua hòn đá là nhằm kín đáo tố cáo thủ đoạn kìm hãm dân tộc ta, như chúng ta thường gặp trong những câu chuyện yếm đất của Cao Biền.

Lương Thế Vinh là người hay chữ nên được vua rất yêu, dùng làm chức Hàn lâm thị thư chương viện một tay soạn thảo tất cả các giấy tờ giao thiệp với nhà Minh, chẳng khác gì Nguyễn Trãi với Lê Thái Tổ hồi đầu triều. Ông cũng là người soạn sách giáo khoa về toán học đó là bộ: *Đại thành toán pháp*. Có tài liệu nói, ông còn là soạn giả bộ *Hi phường phả lục*.

Lương Thế Vinh tính tình điềm đạm, lại rất thích khô hài. Khi ông già cáo quan về hưu vẫn thường ăn mặc giản dị, chơi bời hòa đồng với người trong thôn ấp. Một lần ông đang ngồi chơi với vài người làng đầu hàng nước, thấy có một viên quan huyện đi qua. Viên quan còn trẻ nhưng nổi tiếng hách dịch. Mấy người ngồi hàng biết vậy đứng dậy tránh cả, chỉ còn mỗi mình ông ngồi lại. Quan huyện đến, sai lính vào hàng bắt phu khiêng vống hầu quan. Đám lệ không biết ông là ai, bắt ông, ông cũng ra khiêng, không nói gì cả.

Vống đi một quãng đến làng Vân Cát, ông gặp một người trong làng bèn nhờ nhắn rằng :

- Nhờ bác vào làng nói với học trò tôi tên là Thám hoa Trần Công Bích, bảo hắn ra khiêng đỡ vống quan huyện cho tôi, kéo tôi mệt quá không đi được.

Ông huyện nằm trong vống, nghe câu ấy tưởng như sét đánh ngang tai, vội vàng lén xuống quỳ bên đường xin ông tha tội.

Lương Thế Vinh cả cười bảo rằng:

- Ông là quan huyện, tôi là thường dân. Quan bắt

dân khiêng vống, thế là phải, Có gì mà phải tạ.

Ông huyện kia lại càng sợ hãi, cố nài nỉ kêu van. Một lúc, thương tình, Lương Thế Vinh mới bảo:

- Thôi, có phải thế thì từ nay chớ bắt phu khiêng vống nữa!

Ông huyện mừng rỡ, rối rít xin vâng và xin với Lương Thế Vinh cho tự mình khiêng vống ông trở về nhà. Nhưng Lương Thế Vinh lắc đầu không chịu. Người trong làng Vân Cát đổ ra đón Thế Vinh về⁽¹⁾.

Chuyện khôi hài của Lương Thế Vinh còn gắn với một giai thoại về Lê Thánh Tông nữa. Một ngày đầu xuân, Lương Thế Vinh cùng nhiều vị quan lại trong Hội Tao Đàn tháp tùng nhà vua thăm chùa Ngọc Hồ ở thôn Thanh Ngô (gần Văn Miếu). Thấy cửa thiền cảnh thư nhả, hoa cỏ xanh tươi lại nghe tiếng ni cô tụng kinh trong chùa âm thanh trong vắt, nhà vua bỗng dào dạt nguồn thơ, truyền cho cô gái phù giá hát rằng:

Ở đây mến cảnh mến thầy

Lòng tuy rằng bụt chứa khuây sự đời⁽²⁾.

(1) Giai thoại này cũng gặp ở nhiều trường hợp khác, như trường hợp của trạng Trình (có chép trong sách này). Và trường hợp của Nghè Tân, ở đây, chúng tôi ghi theo sách *Đăng khoa lục sưu giảng*

(2) Có bản chép câu này :

Tới đây mến cảnh mến người

Tuy vui đạo phật, chưa nguôi lòng trần

và nói là chính sư cô hát lên, chứ không phải do nhà vua khẩu chiến.

Đọc thơ xong vua lại lấy hai câu ấy làm đầu đề, bắt các quan cùng ngâm vịnh. Lúc ấy có một vị trong "Nhị thập bát tú" của Hội Tao Đàn xin đọc một bài như sau :

Ngắm sự trầm duyên khéo nức cười

Sắc không tuy bọt lại lòng người

Chày kinh một tiếng tan niềm tục

Hồn bướm ba canh lẫn sự đời

Bể át nghìn trùng mong tát cạn

Nguồn âm khôn trượng để khôn vơi

Nào nào cực lạc là đâu tá

Cực lạc là đây chín rõ mười⁽¹⁾.

Vua Thánh Tông nghe thơ, chữa đi 2 câu thực :

Chày kinh khắc tiếng tan niềm tục

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

và đưa cho ni cô xem, Nhưng ni cô phê rằng: Mới có ý thấy mà chưa có ý cảnh, rồi chữa tiếp :

Gió thông đưa kệ tan niềm tục

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời

(1) Bài thơ trên có sách cho là của Thân Nhân Trung hoặc của chính Lê Thánh Tông nhưng theo gia phả họ Nguyễn ở Kim Đôi thì đó là của Nguyễn Nhân Bồng. Chi tiết nhà vua chữa thơ và Lương Thế Vinh đọc diều cũng do gia phả họ Nguyễn Kim Đôi ghi lại. Chúng tôi ghi di bản mới phát hiện này để góp thêm tư liệu tham khảo.

Nhà vua và các quan cùng khen hay. Lúc ấy Lương Thế Vinh mới xin phép đọc. Ông đọc rằng:

Chày kinh khắc chốc tan niềm tục.

Hồn bướm nhiều phen lẫn sự đời

Nghe thơ, cả nhà vua lẫn các quan đều ô cả lên vì biết là Thế Vinh nói chọc. Còn ni cô thì xấu hổ đến mặt mũi đỏ bừng!

Người ta còn kể là, sau đó Thánh Tông cho đưa luôn ni cô về cung... nhưng kiệu hoa đi tới cửa Đại Hưng thì người đẹp đã biến đi đâu mất rồi. Vua cho dựng lầu nơi đó, đặt tên là Vọng Tiên Lâu. Nhưng đến đây thì không nghe nói Trạng Lường có ý kiến gì không.

TRẠNG ĂN

Ở làng Mộ Trạch còn có một vị họ Lê tên Nại (còn gọi là Đĩnh) thuở nhỏ rất chăm chỉ học hành. Năm ông 27 tuổi đi thi đỗ ngay Giải nguyên, nên được quan Thượng thư Võ Quỳnh là người cùng làng yêu, gọi gả con gái cho. Nhà quan Thượng nhiều sách vở. Lê Nại được ông cho sang ở để tiện tra cứu học hành. Nhưng suốt từ ngày ở rể, Lê Nại chỉ vào ra thơ thần

chứ không để ý gì tới sách vở cả. Cụ Thượng rất lấy làm lạ, mới sang hỏi ông thân sinh của chàng rể:

- Tôi thường nghe nói cậu ấy chăm chỉ học hành, thế mà sao từ khi sang bên nhà tôi thì không hề thấy cậu nhìn tới sách vở?

Thân phụ Lê Nại bèn hỏi lại:

- Thưa bác, vậy từ ngày cháu sang bên quý phủ thì sự ẩm thực (ăn uống) thế nào?

Cụ Thượng đáp :

- Theo lối thanh đạm của nhà Nho thì mỗi bữa ăn cũng chẳng mấy tí. Phụ thân ông cười đáp:

- Sức ăn của cháu có khác với người thường, thế mà tướng công cho ăn ít ỏi như vậy, hoặc giả cháu chưa vừa lòng mà không dám nói?

Cụ Thượng nghe ông thông gia thực thà nói vậy, nên về nhà dặn vợ cứ mỗi bữa tăng gấp đôi suất ăn cho rể. Bắt đầu từ đấy Lê Nại mới cầm sách đọc qua vài lượt. Khi nấu lên nồi ba thì Lê Nại học đến nửa đêm. Bấy giờ cụ Thượng mới biết con rể của mình quả là khác thường, từ đó cụ bắt người nhà cứ lấy nồi nấu để nấu cho rể ăn, quả nhiên Lê Nại ăn đủ, nên học suốt đêm không hề chợp mắt, lại thường ngâm nga tán tụng mình rằng:

*Mộ trạch tiên sinh, ăn khỏe nổi danh
Mười tám bát cơm, mười hai bát canh
Khô nguyên chiếm bảng, trên cả quân anh
Bởi nhiều xúc tích nên phát tung hoành.*

Thế rồi đến khoa thi Ất Sửu (1505) niên hiệu Đoan Khánh triều Lê Uy Mục, ông thi Hội chiếm bảng, vào thi Đình liền đỗ trạng nguyên. Sau đó ra làm quan lên đến chức Tả thị lang bộ Hộ. Người ta thường đồn đại về ông, yêu mến nên gọi là Trạng Ăn hay Trạng Nguyên Cơm.

MẠO TRẠNG NGUYÊN

Nguyễn Giản Thanh người ở làng Ông Mặc, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (tức là làng Hương Mặc - làng Me, xã Minh Đức, huyện Tiên Sơn tỉnh Hà Bắc) vốn là con trai của tiến sỹ Nguyễn Giản Liêm. Ông Giản Thanh sớm mồ côi cha từ khi bốn tuổi nhưng vẫn nổi được hướng nhà. Từ nhỏ đã thông minh ý nhị, có tài văn chương ứng đối thông minh, Nguyễn Giản Thanh lại có hình dung tuấn tú, mặt mũi khôi ngô nên ai cũng thích, cũng mến.

Năm Nguyễn Giản Thanh lên sáu tuổi, một lần

mặc áo đỏ cưới một tàu lá cau giả làm ngựa cùng trẻ làng chạy ra ngoài chợ xem một đám cưới. Đám ấy cưới một viên quan to. Giản Thanh đứng ở bên đường ngóng xem đám lính dẹp đường. Trong khi mọi người dạt cả ra hai bên vì tiếng loa, tiếng roi, cậu bé sáu tuổi vẫn nghiêm nhiên cầm cổ ngựa mo, không tỏ ra chút nào sợ hãi, nhìn thẳng vào viên quan.

Thấy một đứa trẻ khôi ngô lại bình tĩnh khác thường, viên quan liền dừng kiệu hỏi mấy vị hương chức, nghênh tiếp, thì biết đấy là con một ông nghề, bèn gọi Giản Thanh lại gần:

- Cậu đã đi học chưa?

Nguyễn Giản Thanh không hề lúng túng, đáp ngay:

- Cháu chưa đi học nhưng cháu hay chữ.

Viên quan ngạc nhiên, cười :

- Sao chưa đi học mà đã hay chữ rồi?

Nguyễn Giản Thanh thản nhiên trả lời.

- Vì cháu biết làm câu đối.

Nghe vậy viên quan liền ra câu đối ngay.

- Thế thì đối câu này, hay ta sẽ thưởng:

- *Trẻ cưới mo cau.*

Viên quan ra một câu đối đơn giản nhưng vận đúng vào cảnh Giản Thanh đang chơi trò cưới ngựa

bằng tàu cau lúc ấy. Nguyễn Giản Thanh biết vậy, lại nhìn thấy trước mặt viên quan này có một con hạc gỗ sơn son của vua ban cho ông ta, bèn đáp rằng:

- *Già chơi hạc gỗ.*

Viên quan nghe đối giật mình khen:

- Quả là cậu bé này hay chữ thật!

Nhưng Nguyễn Giản Thanh lại thưa ngay:

Cháu lại còn đối được câu dài hơn kia!

Viên quan đã định bỏ đi, thấy đứa bé có vẻ lằng nhằng bèn đọc thêm một vế đối nữa.

- *Hoài áo đỏ quét phân trâu.*

Câu đối lần này có vẻ mỉa mai hoàn cảnh Giản Thanh, ý nói con ông nghèo mà phải chịu cảnh hèn hạ. Nhưng Nguyễn Giản Thanh lập tức trả lại:

- Cháu đối là: *Thừa lọng xanh che dái ngựa.* Vế đối rất chỉnh, rất đúng với cảnh đón rước của viên quan và càng tỏ ra một thái độ ngang tàng khiến viên quan mặc dầu phật lòng, vẫn không thể không khâm phục. Và lại chuyện đối đáp giữa chợ, giữa đường ai cũng biết, cũng nghe, ông ta đành tỏ ra là người biết trọng người tài, sai người đem tiền thưởng cho Giản Thanh như lời đã hứa.

Giản Thanh từ đó càng chịu khó học. Ông được tiến sỹ Đàm Thận Huy thu nhận làm học trò. Đàm

Thận Huy là một trong Nhị thập bát tú (Hai mươi tám vì sao) trong Tao Đàn văn học đời Lê Thánh Tông.

Có một lần đến nhà thầy nghe giảng, bài giảng đã xong nhưng liền đó trời đổ mưa, học trò không tài nào về được. Cụ nghề Đàm Thận Huy muốn thử tài trò, bèn ra một vế đối tức cảnh.

- *Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách* (nghĩa là mưa không phải then khóa mà giữ được khách lại).

Nguyễn Giản Thanh xin đối là:

- *Sắc bất ba đào dị dịch nhân* (Sắc đẹp không phải sóng gió mà làm đắm được người).

Vế đối hay được thầy khen nhưng thầy cũng tiên đoán rằng ý thì không được trung hậu. Nghe nói cuộc đời ông sau này có bị chê bai.

Đương thời cả trấn Kinh Bắc biết tiếng học giỏi của Nguyễn Giản Thanh cùng một người nữa tên là Hứa Tam Tỉnh quê ở làng Vọng Nguyệt (làng Ngọt) huyện Yên Phong (nay là xã Tam Giang huyện Yên Phong, Hà Sơn Bình).

Kỳ thi Hội khoa Mậu thìn năm Đoan Khánh đời Lê Uy Mục (1508), cả Nguyễn Giản Thanh và Hứa Tam Tỉnh cùng đi thi, qua các kỳ thi Hội, rồi thi Đình các quan trường đều thấy bài của Hứa Tam Tỉnh có phần xuất sắc hơn, nên đã dự định Hứa Tam Tỉnh đỗ

trạng nguyên còn Nguyễn Giản Thanh đồ bảng nhãn. Người thứ ba đậu thám hoa là Nguyễn Hữu Nghiêm.

Cả ba vị đồ cao được đưa vào yết kiến nhà vua! Buổi ấy bà kinh phi (mẹ nuôi vua) cũng có mặt ở đấy, trông thấy Nguyễn Giản Thanh khôi ngô tuấn tú hơn cả liền chỉ ông mà hỏi quan trường:

- Người này chắc là trạng nguyên?

Quan trường lúng túng không muốn phật ý mẹ vua, nên chỉ cả vào Giản Thanh và Tam tỉnh mà tâu lên:

- Hai thầy này tài học ngang nhau, nhưng chúng tôi chưa biết lấy ai đồ trạng. Xin mẫu hậu và hoàng thượng xét định.

Nhà vua cũng biết văn của Hứa Tam Tỉnh hơn Nguyễn Giản Thanh nhưng vì muốn chiều lòng mẹ nuôi nên mới ra thêm bài *Phú Phường thành xuân sắc*. (cảnh mùa xuân ở kinh đô) để xét tài.

Nguyễn Giản Thanh biết rằng nếu làm phú bằng chữ Hán thì so với Tam Tỉnh ông sẽ không bằng. Nghĩ vậy bèn viết bằng văn Nôm dụng ý để cả bà kinh phi cùng hiểu. Bài văn được đọc lên, đến những đoạn tả kinh thành có ý:

... Chợ hòa đầm ấm, phố ngọc lẫn vân

Trai bánh bao đá cầu vén áo

*Gái éo le rủ yếm khỏi quần
Khách Tràng An cuỗi ngựa xem hoa
rợp đường tử mạch
Chàng công tử ngựa xe dương tán,
sáng dẫm thanh vân...*

Được bà kinh phi khen hay mãi.

Vua lại thấy Giản Thanh là người phủ Từ Sơn cùng phủ với quê ngoại mình (làng Phù Chấn), bèn hỏi:

- Làng Ông Mặc cách làng Phù Chấn gần hay xa?

Nguyễn Giản Thanh biết là hai làng xa nhau nhưng khôn khéo bảo.

- Tàu bệ hạ, hai làng liền một cánh đồng ạ.

Trong phép tính điền, mỗi đồng là những 500 dặm, Nguyễn Giản Thanh dùng chữ đồng âm: *đồng* cũng có nghĩa là *cánh đồng* để tỏ ra là gần: Vua nghe thấy lấy làm vui mừng, truyền lấy Giản Thanh đỗ trạng còn Tam Tỉnh chỉ đỗ bảng nhãn thôi.

Biết chuyện này nho sỹ Kinh Bắc tỏ ý không bằng lòng nên vẫn chê Giản Thanh là "mạo trạng nguyên", nghĩa là "trạng nguyên mặt", vì đẹp trai mà được đỗ trạng, cũng có nghĩa là trạng giả mạo, không xứng đáng.

Chuyện Nguyễn Giản Thanh và Hứa Tam Tỉnh còn được dân gian giải thích rằng: Trước kia thầy địa

lý Tả Ao từng xem đất nhà Tam Tỉnh và nói rằng đây là đất phát trạng nguyên. Đến khi Tả Ao tiên sinh qua bên quê Nguyễn Giản Thanh thấy ngôi mộ tổ nhà Giản Thanh thì lại nói: "Đất ngôi này cũng phát trạng".

Người ta lấy làm lạ bèn hỏi Tả Ao:

- Lẽ nào một khoa lại có hai trạng nguyên?

Tả Ao bèn nói rằng:

- *Trạng Me dè trạng Ngọt.*

(Làng Me là quê Nguyễn Giản Thanh, làng Ngọt là quê Hứa Tam Tỉnh). Bấy giờ người ta không ai tin, đến lúc đó mới thấy là đúng (!).

Nói thêm chuyện Hứa Tam Tỉnh, thuở nhỏ học rất giỏi nhưng phải cái gia cảnh nghèo nàn, vóc người thấp lùn đen xấu. Có một lần Tam Tỉnh thấy một tiểu thư xinh đẹp được vống trẩy qua. Ham sắc cô, Tam Tỉnh nằn nì với người phu vống xin gánh hộ cốt để được thỏa nhìn người đẹp. Biết đó là tiểu thư con quan nhưng quá yêu, Tam Tỉnh đòi mẹ phải đến xin cho cô về làm vợ mình. Viên quan cũng yêu tài ông, nên đồng ý lưu trong dinh ăn học và hứa gả con gái cho, nếu ông thi đỗ. Năm sau đó Tam Tỉnh thi Hương và đỗ đầu, nên được quan y hẹn cho làm lễ thành hôn.

Tiểu thư thấy ông xấu người, lại biết đây chính là chàng khiêng vống cho mình thuở trước, có ý chưa chịu. Nàng cho đưa đến Tam Tỉnh một vế đối, hẹn

quan tân khoa đối được mới chịu cho động phòng. Câu ra là: *Ốc lậu nguyệt xuyên, hình kê noãn, tam tam tứ tứ* (nghĩa là: nhà thủng, bóng trăng rọi xuống lổm đổm giống như trứng gà - ý chê nhà chú rể nghèo).

Hứa Tam Tỉnh nghĩ mãi không sao đối lại được, vừa thẹn, vừa bực mình bỏ ra ngoài lang thang giả bộ đi chơi mát. Chợt ông thấy bóng trăng trải trên mặt sông, sóng dồn gió lộng, gợi lên những ánh bạc giống như vẩy rồng bỗng nghĩ ra tứ thơ liền quay về đối:

Giang trường phong lộng, tạt long lân, điệp điệp trùng trùng khiến tiểu thư phải chịu hay.

Hứa Tam Tỉnh không đồ trạng nguyên nhưng người đời vẫn gọi ông là Trạng Ngọt.

TRẠNG TRÌNH

Chính quê ở làng Trung An, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương (nay thuộc ngoại thành thành phố Hải Phòng). Trạng Trình tên thực là Nguyễn Bình Khiêm. Lúc nhỏ có tên là Văn Đạt, con ông Nguyễn Văn Định và bà Nhữ Thị Thục. Năm Ất Mùi (1535) đồ trạng nguyên dưới triều vua Mạc Đăng Doanh, Nguyễn Bình Khiêm ra làm quan được ít lâu rồi về ở

ẩn ở am Bạch Vân, dựng quán Trung Tân làm nơi dạy học trò và đàm đạo với các bô lão, các thức giả. Tuy ở ẩn, ông vẫn được triều đình chú ý, thường hỏi han ý kiến về chính trị, có lần còn được mời ra theo nhà vua hành quân, tham dự vào các cuộc chiến trận. Ông nổi tiếng là một bậc tôn sư đạo cao đức trọng, được cả nước kính nể. Lúc này nước ta đang gặp cảnh loạn lạc, nhiều phe phái tranh giành ảnh hưởng, tìm cách tồn tại và thôn tính lẫn nhau: họ Mạc, nhà Lê, họ Trịnh, họ Nguyễn v.v... Song phe phái nào cũng xem ông như bậc thầy, tìm đến hỏi han kế sách. Uy tín của ông càng thêm lớn. Ông sẵn sàng giúp đỡ ý kiến cho họ, giữ đúng tư cách của mình và luôn luôn thể hiện được tấm lòng ưu ái đối với nhân dân, lòng tha thiết với cảnh thái bình, phản đối chiến tranh, xung đột. Về mặt văn chương học thuật, ông cũng vượt lên trên những người cùng thời đại. Ông tinh thông lý học, làm nhiều thơ nôm.

Vì cuộc đời thực trong hoàn cảnh xã hội như vậy, với vị trí và thanh danh như vậy, Nguyễn Bình Khiêm đã để lại khá nhiều mẫu chuyện đặc sắc trong kho tàng giai thoại Việt Nam. Phần lớn những giai thoại - có thể do đời sau hư cấu bịa đặt - đều nhằm chứng minh cái tài đặc biệt của Nguyễn Bình Khiêm: tài tiên đoán, biết việc năm trăm năm về trước, năm trăm năm

về sau. Ngoài thơ ca, luận thuyết, chung quanh Trạng Trình có cả một kho "sấm" bí truyền để báo trước việc tương lai như dưới đây sẽ nói.

1- NGƯỜI MẸ KHÓ TÍNH

Bà Nhữ Thị Thục, con gái quan thượng Nhữ Văn Lan, kết duyên cùng Nguyễn Văn Định, sinh được cậu bé đầu lòng là Nguyễn Bình Khiêm. Cậu bé mới lên năm đã tỏ ra thông minh, mẫn tiệp. Hai vợ chồng ông Định đều kỳ vọng ở đứa con trai, nhưng mỗi người có một mơ ước khác nhau. Văn Định chỉ mong con sau này học hành thành đạt, chiếm được bảng vàng bia đá. Bù cho số phận của ông lao đao trường ốc thi cử mãi mà cũng chỉ được đến cái chân giám sinh. Bà Nhữ Nương vợ ông lại nghĩ khác, bà vốn có học hành, đọc sách nhiều lại rất tin vào lý số, có ý thức tự cao đến gần dờ, luôn luôn nghĩ mình phải ở địa vị trù lên thiên hạ. Nhưng trót không được làm hoàng hậu, thì cố rèn cho con được làm vua làm chúa, mình cũng sẽ trở thành quốc thái mầu nghi! Mơ ước trái ngược nhau như vậy đã khiến cho gia đình thường không hòa thuận. Bà luôn luôn gây chuyện, bực bội với chồng.

Một lần bà đi chợ vắng, Văn Định ngồi chơi với con, lấy dây tre làm đàn, kéo lên kéo xuống, đặt câu

vẫn về để đùa với con:

- *Nguyệt treo cùng, nguyệt treo cùng...*

Không ngờ cậu bé Khiêm bất giác ứng khẩu tiếp một câu liền vẫn với câu hát của bố:

- *Vịn tay tiện, nhẹ nhẹ rung.*

Văn Định trở mắt nhìn con, ngạc nhiên hết sức. Không ngờ mà thằng bé lên năm đã mẫn tiệp đến thế này. Ông mua quà thưởng cho con, rồi chiều về mách lại với vợ. Tưởng bà cũng hưởng ứng với niềm vui có đứa con thông tuệ, không ngờ Nhữ Nương lại nghiêm nét mặt trách chồng:

- Sao lại đem chuyện tầm thường như vậy mà dạy con? Nguyệt là biểu tượng của bầu trời. Trăng sáng được là nhờ mặt trời chứ! Sao không lấy ngay biểu tượng nhật mà dạy nó? Nuôi con, muốn cho nó thành vua, thành chúa, chứ làm kẻ bề tôi thì nói làm gì!

Một lần khác, bà Nhữ Nương dạy cho con thuộc lòng một câu do bà đặt ra, rồi quảy gánh đi chợ. Văn Định ở nhà trông con, thấy thằng bé vừa chạy quanh sân vừa ngâm nga:

Bống bống bang bang

Ngày sau con lớn

Con tựa ngai vàng.

Văn Định giật nảy mình nhìn quanh nhìn quẩn,

may không có người lạ đến, cũng không có người nào giúp việc ở trong nhà. Trẻ con mà hát như thế có chết người không! Đòi tựa ngai vàng thì chỉ muốn cướp ngôi, giành thiên hạ với nhà vua bây giờ chứ còn gì nữa, Ông vội gọi cậu Khiêm, bày cho con hát lại:

... Ngày sau con lớn

Con vịn ngai vàng

Sửa đi một chữ cái ý ngông nghênh, phản nghịch mất hẳn. Như thế, Văn Định cũng tỏ ra một con người thông thạo văn từ. Nhưng lại cũng vì thế mà chiều đến, hai vợ chồng xung đột với nhau. Nghe con hát khác câu của mình đã dạy, Nhữ Nương bực bội với chồng:

- Lại cứ cái lối dạy con làm kẻ bề tôi! Sao mà ông kém cỏi đến thế.

Mâu thuẫn vu vơ như vậy mà càng ngày càng sâu sắc. Nhữ Nương vẫn không bao giờ chịu từ bỏ cái mơ ước ngông cuồng của mình. Mà Văn Định cũng thấy khó lòng chịu đựng được với những lời châm biếm nhiều phần cay độc, thái độ trịch thượng của vợ. Chuyện phải xảy ra đã xảy ra. Họ lặng lẽ chia tay nhau. Nhữ Nương bỏ đi⁽¹⁾ còn Văn Định chịu cảnh gà trống nuôi con cho đến khi Nguyễn Bình Khiêm khôn

(1) Truyền thuyết và dã sử nói là sau đó Nhữ Nương kết hôn với một người là thân phụ Phùng Khắc Khoan. Mẹ đẻ ông Khoan mất sớm, bà thành mẹ nuôi, và Phùng Khắc Khoan được xem là em khác cha của Nguyễn Bình Khiêm.

lớn, được gửi sang trọ học nhà hoàng giáp Dương Đức Nhan. Sau đó, Khiêm kết hôn với cô Dương Thị Diệu, con gái vị hoàng giáp này.

2 - THƠ TRÁCH HỌC TRÒ LƯỜI

Khi ở quán Trung Tân hay ở am Bạch Vân, Trạng Trình dạy học và làm khá nhiều thơ, nhất là thơ nôm. Cả tập Bạch Vân quốc ngữ thì có đến gần một ngàn bài, phần lớn là những bài ca ngợi thú ẩn dật, truyền bá đạo lý và chỉ trích thói đời. Ông cũng có một ít bài dùng lời lẽ trào phúng châm biếm, như bài sau đây: Trách học trò lười:

*Có thân có của chẳng hay lo
Chẳng học ai hồ trút chữ cho
Ngày vắng giống lòng ngồi lặng lặng
Đêm thanh ngựa thịt ngựa pho pho
Làm văn rỗng quạc như mông ngựa
Thấy gái đi qua ghéch cổ cò
Bẽ mặt kia sao mà chẳng hổ
Ai có con mà hổ gả cho.*

Dư luận đồn rằng bài thơ vui mà nghiêm khắc đã có tác dụng trong lớp mô sinh của Trạng Trình. Về mặt tiểu xảo, Trạng đã dụng công đưa vào trong bài:

- Nhiều tiếng chỉ các bộ phận trong cơ thể con người: Thân, lòng, thịt, mông, cổ, mặt, mào.

- Nhiều tiếng chỉ các loài cầm thú, hồ (con cáo), quạc, cò, ngựa, hổ v...v...

Những tiểu xảo ấy nhằm lưu ý học trò của ông phải chăm học hành rèn luyện, không nên trở thành hạng giá áo túi cơm thiệt thân mà còn ế...vợ!

3- NHỮNG LỜI TIÊN TRI VỀ CÁC ĐƯỜNG ĐI NƯỚC BƯỚC

Thời đại Nguyễn Bình Khiêm đang sống là thời đại tranh chấp giữa nhiều thế lực. Các phe phái Lê, Mạc, Trịnh, Nguyễn hăm hè đấu trí đấu sức để diệt nhau, mưu sự thịnh vượng cho mình. Nhưng phe nào cũng chưa dám chắc là tương lai có thuộc về họ không. Lớp văn nhân võ sỹ lúc này cũng lúng túng. Có kẻ loay hoay không chọn được đường đi, không biết nên phò tá triều đại nào, dòng họ nào là có nhiều hứa hẹn hơn cả. Giữa lúc ấy thì trên am Bạch Vân, Nguyễn Bình Khiêm nổi lên như một bậc thầy siêu việt. Họ tin rằng ông có thể chỉ vẽ cho họ con đường đúng nhất để tồn tại và phát huy hết khả năng của mình. Ai cũng muốn tìm lên am Bạch Vân để hỏi ý kiến ông. Vì thế, đã lưu truyền nhiều câu chuyện:

a) Nhà Lê được các bề tôi phò tá, đã chạy vào lập căn cứ ở Thanh Hóa, có cái thế trung hưng. Các danh sỹ ở đất Bắc đều hướng vào vùng đất này, luôn luôn cân nhắc xem nên theo Lê hay ở lại với nhà Mạc. Trong số những con người đi tìm đường chọn chúa ấy, có cả Phùng Khắc Khoan, người em, con nuôi của bà mẹ Nguyễn Bình Khiêm. Chuyện kể rằng, một ngày, Phùng Khắc Khoan tìm đến quán Bạch Vân, trò chuyện với anh để hỏi han sự thế. Suốt cả buổi, khi ngồi đàm đạo tình hình đất nước, khi ăn cơm uống rượu với nhau. Nguyễn Bình Khiêm không hề bảo cho Phùng Khắc Khoan là nên định hướng thế nào. Ông Khoan hơi băn khoăn, nằm trần trọc mãi khuya mới chợp mắt. Vào lúc trời chưa sáng rõ, Nguyễn Bình Khiêm đến cạnh buồng, đập cửa, nói vọng vào:

- Gà đã gáy rồi, sao không dậy? Còn ngủ gì nữa.

Ông Khoan giật mình thức giấc. Ông ngẫm hiểu ý của Trạng Trình. Phải chăng ông anh muốn bảo mình là đã đến lúc có thể vào Thanh Hóa với nhà Lê. Phùng Khắc Khoan vội vàng dậy, sắp đặt hành lý rồi đến chào từ biệt anh, Trạng Trình vẫn không nói gì, đợi lúc ông Khoan quay gót, liền cuốn một chiếc chiếu ngắn ném theo. Nghe tiếng chiếc chiếu rơi phịch cạnh bước chân mình, Phùng Khắc Khoan hiểu thêm ý của Trạng ông quay đầu lại chào anh một lần nữa, rồi rào bước nhanh ra đường thiên lý, nhìn hướng Tam Điệp

mà vượt núi băng sông, Trạng Trình đã có ý giục ông: Phải hành động nhanh như cuốn chiếu, chứ đừng chần chờ gì nữa.

Quả nhiên vào Thanh, Phùng Khắc Khoan nhanh chóng được trọng dụng. Thái sư Trịnh Kiểm rất tin tưởng người phụ tá này, việc gì quan trọng cũng hỏi ý kiến. Có một việc trọng đại nhất là khi Lê Trung Tông mất (1556), Trịnh Kiểm muốn nhân dịp này để nhà Trịnh thay thế hẳn nhà Lê, vì thực chất sự nghiệp trung hưng, công lao và khả năng đều ở họ Trịnh mà nên cả. Trịnh Kiểm hỏi ý Phùng Khắc Khoan. Trạng Bùng lúng túng không biết trả lời thế nào, xin khất để cho người bí mật ra hỏi ý kiến Trạng Trình. Người được cử đi kể lại:

- Quan trạng không bảo ban gì cả. Những câu hỏi trong thư không được ngài trả lời.

- Thế ông được tiếp đãi và trò chuyện ra sao? Hoặc khi tiếp chuyện ông, ngài có nói câu gì với ai không?

- Dạ, ngài tiếp đãi rất chu đáo, nhưng không ứng đáp cho một lời nào. Nhưng tôi có được nghe, giữa lúc nhấp chén trà với tôi, người có bảo với người nhà một câu không ăn nhập gì vào câu chuyện cả: "Năm nay thóc giống không tốt, chúng bay nên tìm thóc cũ mà gieo mạ".

Phùng Khắc Khoan gật đầu:

- Đó chính là lời trạng nói với chúng ta đấy. Ông cố nhớ xem Trạng có nói thêm gì nữa không?

- Dạ nếu thế thì còn có mẩu chuyện này. Vừa cạn tuần trà, Trạng đứng dậy xin ra chùa thắp hương. Tội giữ lễ xin phép đi theo ngài. Đến cửa chùa, nhà sư ra đón. Trạng bảo nhà sư: "giữ chùa, thờ phật, thì ăn oản".

Phùng Khắc Khoan lại gật đầu rồi vội vàng đội khăn mặc áo vào báo lại với Trịnh Kiểm. Thái sư họ Trịnh hiểu ngay ý của trạng dặn phải tôn Lê thì mới hưởng phúc lâu dài. Nhờ câu chuyện khuyên bảo này mà họ Trịnh phải cố tìm cho được Lê Duy Bang phò lên ngôi, tức là Lê Anh Tông.

b) Còn có câu chuyện, Nguyễn Hoàng tìm đến Trạng Trình, xin bày cho con đường tránh âm mưu ám hại của họ Trịnh. Nguyên là sau khi Nguyễn Kim mất, binh quyền về tay con rể là Trịnh kiểm. Hai người con ông, em vợ Trịnh Kiểm, tuy còn ít tuổi nhưng đã bộc lộ tài năng xuất sắc hơn đời. Trịnh Kiểm có ý dè chừng mấy cậu sau này có thể tranh giành địa vị với mình, nên đã ngầm ngăn trở. Nhân một dịp thuận tiện, Nguyễn Uông phạm lỗi phải chịu phép gia hình, Nguyễn Hoàng lo cho số phận của mình, cho người kín đáo lên hỏi Trạng Trình. Trạng không trả lời cụ thể, chỉ đứng ngắm đàn kiến bò trên hòn non bộ trước

sân nhà và thốt lên một câu: *Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân*. Câu nói được kể lại nguyên văn, và Nguyễn Hoàng hiểu rằng Trạng Trình đã bày cho kế đi vào phương Nam lập nghiệp. Ông vội vàng đến nói riêng với bà chị, lựa lời xin cho ông vào trấn đất Thuận Hóa. Nhờ thế mà lập nên cơ nghiệp của họ Nguyễn ở Đường Trong.

Cũng vào loại thành ngữ có dụng ý khuyên răn này, còn có câu chuyện trạng bày vẽ cho nhà Mạc, vào khoảng cuối năm Ất Dậu (1585), tình hình nhà Mạc đã quá suy yếu mà Trạng Trình cũng đang cơn ốm nặng, gần đất xa trời. Mạc Mậu Hợp cho người về Bạch Vân vấn an Trạng, luôn thể hỏi thăm tình thế sau này, vạn nhất gặp nhiều biến cố thì nên xử trí ra sao. Nghe nói, Trạng đã bảo nhỏ viên khâm sai: "*Cao Bằng luy tiểu, khả dung số thế*". Quả nhiên, khi bị nhà Lê đánh bại, họ Mạc đã rút lên Cao Bằng, và còn tồn tại ở đó thêm mấy đời vương triều nữa.

4- NHỮNG HUYỀN THOẠI BÍ TRUYỀN SAU KHI TRẠNG MẤT

a) Cứu người thoát nạn đổ nhà.

Người đời kể rằng, con cháu Trạng Trình mấy chục

năm sau (hay mấy trăm năm, mỗi người nói một cách), cũng lâm cảnh đói nghèo sa sút. Nhưng gia đình vẫn giữ nguyên được một phong thư kín, Trạng giao cho dặn không được mở ra, mà để đến đúng giờ ấy ngày tháng năm ấy thì mang trình tận tay quan sở tại, mà phải gấp cho được quan để quan đích thân mở thư ra. Con cháu giữ đúng như lời Trạng dạy, tìm đến công đường, nằng nặc xin được yết kiến viên quan. Lúc ấy giữa trưa, viên quan đang nằm nghỉ. Nghe tin con cháu cụ Trạng Trình mang thư đến gấp, quan rất ngạc nhiên không biết vì sao, lồm cồm bò dậy để ra cửa, ông vừa bước khỏi giường nằm được mấy bước thì bỗng râm một cái: Chiếc thượng lương không biết bị một ăn lũng tự bao giờ, rơi ịch xuống chính giữa giường ông làm gãy đôi mấy chiếc thang giường! Thật là hú vía. Ông mà không kịp dậy nhận thư trạng, cứ nằm ỳ như mọi hôm thì tan xác chứ còn gì! Cả bọn người nhà và lính tráng chạy vào, ai cũng lè lưỡi, lắc đầu, chúc cho hồng phúc của quan thật là to lớn. Viên quan hoàn hồn mới mở thư Trạng ra xem. Thư chỉ có hai câu:

Ngã giải nhĩ thượng lương chi ách

Nhĩ cứu ngã tử tôn chi bản

(Cứu người thoát nạn đổ nhà

Người nên cứu cháu con ta đói nghèo)

Chưa hết ngạc nhiên vì chiếc thượng lương rơi xuống, cả đám đều kinh hoàng về lá thư! Sao mà Trạng Trình tài giỏi đến mức ấy. Chết cách đây hàng trăm năm mà Trạng lại biết được rõ ràng ngày này, giờ này thì cái thượng lương của nhà ông quan này bị đổ. Đúng là không có người nhà Trạng đến thì quan lớn còn chi là đời! Tài tiên tri của Trạng là như thế đó.

b) Phá đền rồi lại làm đền:

Vào khoảng năm 1834, tiếng đồn về đến kinh thành Huế rằng ở vùng đất Hải Dương đang có âm mưu nổi loạn. Tin mật báo lại cho biết có thể bọn gây loạn hoặc là con cháu Trạng Trình, hoặc đang cần xin Trạng Trình ứng mộng bảo ban gì đấy... Triều đình bí mật tin cho Tổng đốc Hải Dương lúc này là Nguyễn Công Trứ phải đi tra xét, và ngăn cản không cho dân chúng dựa vào tiếng tăm, uy thế của Trạng Trình, Nguyễn Công Trứ vâng mệnh, kéo quân đến Vĩnh Bảo, bắt triệt hạ ngôi đền thờ Trạng.

Lính tráng cứ theo lệnh mà làm. Họ vào khuôn các đồ thờ phụng ra, rồi cho đánh đổ các bức tường, hạ những cây cột xuống. Từ trên chỗ đầu giao của một vì kèo, bỗng rơi xuống một cái hộp nhỏ. Nguyễn Công Trứ mở cái hộp ra. Ông choáng người vì trong hộp chỉ có mảnh giấy ghi sẵn mấy chữ:

Minh Mệnh thập tứ⁽¹⁾

Thằng Trứ phá đền

Phá đền rồi lại làm đền

Nào ai cướp đất tranh quyền được ai !

Thế là lập tức Nguyễn Công Trứ thảo sớ về kinh, xin bãi bỏ lệnh phá đền. Ông cũng cho dựng lại cột, xây lại tường như cũ. Lại thêm một câu chuyện ly kỳ nữa về cái tài tiên tri của trạng⁽²⁾.

TRẠNG KẾ

Trạng Kế tên thật là Giáp Hải vốn người làng Dĩnh Kế huyện Phượng Nhãn tỉnh Bắc Ninh cũ. Ông đỗ Trạng lúc 23 tuổi khoa Mậu Tuất, niên hiệu Đại Chính nhà Mạc (1538). Khi ông vinh quy bái tổ, dân làng Dĩnh Kế phải phục dịch nặng nề nên kêu ca rằng:

- Chẳng biết anh này ở đâu đến đây đỗ đạt khiến cả làng phải một phen khó nhọc.

(1) Tức là niên hiệu Minh Mệnh thứ 14, theo dương lịch là 1834.

(2) Tất nhiên, chuyện này cũng như chuyện trên đều là hư cấu, người đời sau đã cố sáng tạo ra những chuyện huyền hoặc cốt minh họa cái tài tiên tri của Trạng để khẳng định sự suy tôn, chứ không phải là chuyện tuyên truyền điều mê tín.

Giáp Hải nghe được lời ấy nên bần khoản. Những tưởng lâu nay mình sinh trưởng tại làng này, giờ nghe dân chúng kháo nhau thì hóa ra không phải. Ông bèn để tâm tìm hỏi, được một cụ già cho hay, quả ông không phải người làng. Ông họ Giáp mà Giáp Hải vẫn gọi là cha chỉ là bố nuôi mà thôi. Biết thế ông xin vua nghỉ thêm một tháng đi tìm mẹ.

Một ngày, ông đi qua làng Công Tuận thuộc huyện Văn Giang. Hôm ấy trời nắng to, ông bèn nghỉ tại một quán nước cạnh bến đò có bà chủ hàng là một cụ già đầu bạc. Giáp Hải ngồi trên ghế, tréo chân quạt để hờ cả bàn chân, bà hàng cứ ngắm mãi chân ông, tự dung mũi lòng và khóc nức nở. Giáp Hải lấy làm lạ hỏi, bà cụ sợ không dám nói, chỉ khóc hoài, mãi hồi lâu gạn gùng, bà hàng mới thưa:

- Chúng tôi sợ, nói ra có tội với quan lớn.

Giáp Hải nói:

- Bà cứ nói, không việc gì đâu.

Bà cụ liền thưa rằng:

- Chồng tôi mất sớm, có để lại một đứa con trai mới lên hai tuổi, dưới chân có nốt ruồi đỏ. Không may một ngày nọ, tôi chạy đi đâu đó, con tôi ngã chết dưới sông, không tìm thấy xác, đến nỗi ngày nay tôi phải bơ vơ. Tình cờ gặp ngài lại thấy quan ngài cũng có nốt ruồi giống con tôi nên chợt nhớ mà thương khóc.

Giáp Hải trước đã nghe ông cụ hàng xóm nói chuyện, cũng biết xưa kia cha mình buôn bán qua lại quãng này, nên hỏi rõ đầu đuôi, lần lần theo dấu vết cuối cùng biết chắc bà hàng chính là mẹ đẻ, bèn đón về phụng dưỡng. Thì ra, ông họ Giáp người làng Dĩnh Kế trước kia làm lái buôn trên đoạn sông này. Ông ta không có con, nên một lần gặp Giáp Hải lặn chằm bên bến sông không có ai trông nom, bèn bế trộm lên thuyền đem về quê nuôi như con đẻ.

Giáp Hải được nuôi nấng chăm sóc tốt, lại không có ai kể lại chuyện xưa, nên yên chí ông họ Giáp ấy là bố đẻ của mình, chỉ chuyên tâm ăn học. Nay nhận được mẹ đẻ rồi, nhưng vẫn hàm ơn cha nuôi nên cứ theo họ Giáp.

Giáp Hải làm quan, trước sau năm lần giữ ấn thượng thư, ông lại có tài ngoại giao, nhiều lần tiếp sứ nhà Minh (Trung Quốc) khiến chúng phải phục không dám sách nhiễu.

Chuyện kể một lần nhà Minh sai sứ sang hạch sách nhà Mạc sau đó cử hai tướng là Mao Bá Ôn và Cừ Loan đem quân vào cửa Nam Quan "hỏi tội" Việt Nam. Mao Bá Ôn láo xược gửi sang một bài thơ có tên là *Vịnh bè* như sau:

*Cao sâu theo nước mọc im lìm
· Nông nổi xưa nay vốn khó dìm*

*Ngon gốc đã trơ không lá lẫu
Cối cành sào lại cả gan tim
Coi thường tàu nát khi thường tụ
Biết lúc lênh đênh chẳng biết chìm
Vì gặp tung trời cơn gió táp
Cuốn theo về biển khó đâu tìm⁽¹⁾*

Bài thơ có ý khinh dân ta hèn kém như giống bèo, chỉ cần một trận đánh là tan tác như bèo gặp gió táp mưa sa.

Giáp Hải được bài thơ lập tức họa ngay, gửi lại:

*Sin sít hoa thêu cần mũi khâu
Mấy tầng gốc rễ vẫn xen nhau
Ganh cùng mây bạc trên làn sóng
Đâu để vắng hồng lợt đáy sâu
Nước vô vô sao cho vỡ được
Gió to to mấy có chìm đâu
Biết bao rồng cá nằm trong đó
Cụ Lã đừng hồng thả lưới câu⁽²⁾*

Bài họa ngụ ý nói sự đoàn kết chặt chẽ của dân

(1) Bài thơ xướng, họa nguyên văn chữ Hán, ở đây ghi lại bản dịch của cụ Trần Văn Giáp.

(2) Bài thơ xướng, họa nguyên văn chữ Hán, ở đây ghi lại bản dịch của cụ Trần Văn Giáp.

Việt, không sợ ngoại xâm khẳng định nhân tài, tài nguyên ta nhiều kẻ địch dù giỏi mấy cũng không làm gì được.

Họ Mao và họ Cừ xem bài họa, không dám tiến quân vào nước ta nữa.

BẢNG TRẠNG THI TÀI

Đời nhà Mạc có 2 người học trò, một tên là Đỗ Uông người ở xã Đoàn Lâm, một người nữa là Phạm Trấn ở xã Lam Kiền cùng thuộc trấn Gia Phúc cả. Cả hai người này đều nổi tiếng học giỏi nhưng trong các kỳ bình văn, thường Đỗ Uông được khen nhiều hơn. Đỗ Uông tin chắc mười phần đến kỳ thi, mình sẽ đỗ cao hơn Phạm Trấn.

Năm Quang Bửu thời Mạc Phúc Nguyên (1554 - 1561) gặp khoa thi hội Bính Thìn, cả Đỗ Uông lẫn Phạm Trấn đồng tuổi 31, lại đến đồng bảng. Đến hôm thi Đình ông Uông ông Trấn lại cùng thi.

Thật không may, trong lúc mọi người viết văn bài, ông Đỗ Uông tự dưng bị đau bụng mất một lát. Đến khi khỏi, gượng cầm bút thì sức văn hơi bị sút đi, vì thế đến ngày xướng danh, ông Uông chỉ đỗ thứ nhì, tức Bảng nhãn còn ông Trấn được lấy đỗ Trạng. Ông

Trấn hoan hỉ lắm, nói ra miệng là phen này đã đề được Đỗ Uông, làm cho ông Uông tức bực vô cùng.

Hôm hai người về vinh quy bái tổ, ông Uông vẫn đóng ngựa đi ngang hàng ông Trấn không chịu nhường. Người bên đường biết tiếng hai ông đổ ra đón rước rồi xin hai ông vịnh thơ kỷ niệm nhân làng ấy vừa dựng xong một chiếc cầu 10 gian. Hai người thấy dân sở tại xin thơ bèn giao hẹn với nhau rằng: ai đi qua được 7 gian cầu mà làm xong trước thì người đó thắng và người thua sẽ phải nhường đường. Thỏa thuận xong hai người cùng giục ngựa đi, bỗng ông Trấn đọc luôn một lúc tám câu thơ khiến cho ai nấy đều kính phục. Chỉ duy có ông Uông thì bảo rằng đó là thơ ông Trấn làm sẵn rồi, chứ làm sao có thể nhanh như vậy được! Nói rồi cũng chẳng chịu nhường bạn.

Khi qua xã Đoàn Lâm, ở đấy có một cây cầu nữa, gọi là cầu Cốc, lại có cô gái tên Loan bán hàng cạnh cầu, hai ông lại thách nhau làm thơ quốc âm, luật đường về đề tài ấy, tức là đề tài "Cô Loan bán hàng cầu Cốc". Vì đầu đề có tên hai giống chim: Loan, Cốc nên họ hẹn nhau mỗi câu phải ghép được tên hai giống chim và qua được cầu cũng phải xong. Ông Trấn lại ngồi trên ngựa đọc luôn:

Quai Vạc đôi bên cánh Phượng phong

Dở Dang bán chác tựa đồ Công

*Xanh Le mở khếp nem Hồng mới
Bạc ác phô phanh rượu vịt nông*

...

... (Thiếu 2 câu).

*Yến Anh đón rước vừa ban tối
Ông mổ bà, bà lại Quạc ông*

Bài thơ thật là hài hước mà cũng rất tao nhã, đúng với yêu cầu. Nghe ông Trấn ngâm xong, ông Ưông mới gật nẩy mình. Từ đấy mới nhường ông Trấn đi trước.

TRÒ TRẠNG NGUYÊN - THẦY BẢNG NHÃN

Phạm Duy Trĩ, người làng Hùng Khê, huyện Chí Linh (Hải Dương) mồ côi cha từ khi còn thơ ấu. Bà mẹ ông ở vậy nuôi con quyết sao cho con được nên người. Nghe bên xã Thanh Duy có thầy đồ Nguyễn Khắc Kính nổi danh, bà mẹ Phạm Duy Trĩ tìm đến xin cho con học.

- Thưa thầy, thiếp tôi có đứa con nhỏ muốn cho nhập học, xin thầy cho biết lễ vật thế nào?

Thầy đồ cười:

- Cái đó xin bà tùy tâm, chứ không có lệ nào cả.

Bà mẹ thưa:

- Việc nhập học là rất quan trọng, mà nhà tôi chỉ có một thứ đáng giá nhất là con trâu cày. Không biết tôi xin mổ trâu để tạ tiên sư thì có được không ạ?

Thầy đáp:

- Thế thì hậu quá, hậu quá! Xin bà giảm nhẹ thôi!

Bà mẹ thấy thầy đã nhận lời, vui mừng trở về giết trâu đem đến lễ thánh. Lễ xong, bà xin thầy đặt tên chữ cho con và nói luôn tên họ con trai để thầy lựa ý.

Nguyên trước đó thầy đồ nhiều lần nằm mơ thấy mình thi đỗ, song trông lên bảng thì lại thấy tên người thứ nhất là Phạm Duy Trĩ. Giấc mơ gặp lại nhiều lần khiến ông nhớ rõ cái tên này. Nhưng ông lại nghĩ thầm rằng: " Bao nhiêu văn sỹ ngày nay mà mình quen biết không ai có tên như vậy". Cho nên ông mượn nghề dạy học để đi đây đó tìm xem có ai tên như vậy không. Đến nay tự dưng gặp cậu bé này ông vô cùng kinh ngạc. Nguyễn Khắc Kính tự nghĩ:

Thế hóa ra mình sẽ đỗ đồng khoa với học trò à? Mà nếu vậy thì ắt là còn lâu, vì cậu bé này còn chưa biết chữ!

Nghĩ vậy, nhưng ông cũng nhận lễ thầy trò. Đến khi dạy Phạm Duy Trĩ, thầy trò tỏ ra thông tuệ, trác việt, thầy mới đổi lo sang mừng. Ông đã biết cái ngày đăng khoa của mình sẽ chẳng muộn mấy.

Quả nhiên mấy năm sau đó, giữa khoa Nhâm Tuất (1562) niên hiệu Quang Bửu nhà Mạc. Cả hai thầy trò cùng đậu cử nhân, lúc ấy thầy Nguyễn Khắc Kính tuổi đã cao nhưng khí vẫn còn mạnh nên vẫn quyết tranh khôi đoạt giáp, cho nên cả hai thầy trò lại cùng thi Đình. Kết quả cũng bất ngờ: Phạm Duy Trĩ là trò thì đỗ trạng nguyên. Còn thầy là Nguyễn Khắc Kính thì trúng bảng nhãn. Đúng như giấc mơ mà Nguyễn Khắc Kính đã gặp ngày xưa (!).

TRẠNG BỪNG

Gọi là trạng, song thực ra ông không đậu trạng nguyên. Tuy không mang học vị trạng nguyên, nhưng về khoa bảng ông cũng có thành tựu rất cao. Năm Canh Thìn (1580) đang làm quan thời Lê Trung Hưng vẫn đi dự thi, đỗ nhị giáp tiến sỹ (tức là hoàng giáp) lúc ấy đã 52 tuổi. Sau đó, mãi năm 70 tuổi, đi sứ nhà Minh, rất được ca ngợi. Từ cuộc đi sứ thành công này nhân dân bắt đầu lưu truyền ông là Lương Quốc Trạng Nguyên. Vì quê ở làng Phùng Xá, huyện Thạch Thất (Hà Sơn Bình) nên gọi là Trạng Bùng, nổi tiếng là văn võ toàn tài, lại giỏi cả các mặt canh nông, thủ công nghiệp. Ông sinh năm 1520, mất năm 1613. Cuộc đời

ông rất dồi dào giai thoại, có đôi chỗ đậm màu truyền thuyết⁽¹⁾.

Tương truyền rằng bà mẹ của Phùng Khắc Khoan vốn người họ Nhữ, quê ở Hải Dương. Con gái một gia đình chữ nghĩa, bà không những được học hành chu đáo, mà riêng bản thân lại có một ước vọng khác thường, tự thấy mình phải trở thành một bậc mẫu nghi trong thiên hạ. Nghe nói bà đã có lần gặp Mạc Đăng Dung, nhưng vì trở ngại gì đó mà duyên lứa không thành, đành kết duyên với người khác. Sinh được một con trai, tức là Nguyễn Bỉnh Khiêm (xem lại chuyện Trạng Trình). Không nhất trí với chồng về việc dạy dỗ con, người phụ nữ này bỏ đi xây dựng cuộc đời mới. Đến vùng Từ Sơn, Kinh Bắc, bà gặp ông bố Phùng Khắc Khoan. Ông này đậu Thái học sinh triều Lê rất giỏi nghề địa lý, đỗ làm quan nhưng không phục nhà Mạc, nên đi ngao du sơn thủy, tìm đất tốt. Hai người trò chuyện tương đắc, rồi thành vợ chồng, mặc dù ông đã có vợ cả ở nhà.

Họ cũng sống ở vùng Sơn Tây, sau một năm thì sinh con trai. Tướng mạo khác thường đó là Phùng

(1) Trong sách này đúng theo thể tài văn nghệ dân gian, chúng tôi chỉ chép các giai thoại, chứ không đi theo phương pháp viết lịch sử hành trạng. Những điểm hư cấu tự nó có thể hiện ra để bạn đọc nhận xét được.

Khắc Khoan⁽¹⁾. Ông bố đem hết sở học bình sinh của mình ra dạy cậu con, ngày càng tấn tới nhưng bà mẹ đẻ của Phùng Khắc Khoan không được thọ. Bà mất năm cậu Khoan còn bé, chỉ kịp dặn lại chồng: "con chúng ta bản chất tốt, không phải hạng tầm thường, ông cần dạy dỗ nó chu đáo, sau này có thể giúp đất nước lúc cùng đường, thiên hạ lúc nghiêng đổ, thì mới thỏa chí của thiếp ở dưới suối vàng". Bà mẹ này vẫn theo dõi đứa con riêng của mình là Nguyễn Bình Khiêm, lúc này đã lớn và nổi tiếng ở đất Hải Dương, nên cũng có dặn chồng, cần phải cho Phùng Khắc Khoan sang học với ông Nguyễn. Lời dặn ấy đã được bố Phùng Khắc Khoan thực hiện.

Không rõ, bà mẹ này có kể câu chuyện con riêng con tư với chồng, và đôi anh em cùng mẹ khác cha ấy có biết nhau không. Có lẽ là không. Vì có câu chuyện một lần Nguyễn Bình Khiêm đi chơi ở một sân đình nào đó. Phùng Khắc Khoan mới có bảy, tám tuổi cứ nhìn ông chằm chằm. Ông Nguyễn hỏi:

- Sao em lại nhìn ta như vậy?

Chú bé Khoan trả lời:

- Tôi thấy ông hơi lạ. Nếu là quan thì sao không

(1) Có tài liệu nói bà chỉ là dì nuôi. Phùng Khắc Khoan là con vợ cả, bà này mất sớm.

có người hầu? Nếu là dân thì sao tay chân lại không như tay chân của thợ cày thợ cuốc?

Nguyễn Bình Khiêm không trả lời, cười lớn mà đi. Đến năm 15, 16 tuổi Phùng Khắc Khoan sang học với Nguyễn Bình Khiêm. Bạn đồng vong lúc này là Nguyễn Dữ, Lương Hữu Khánh. Sau những ngày học tập và cả đến khi Phùng Khắc Khoan ra phò tá nhà Lê. Giữa hai thầy trò anh em này đã diễn ra nhiều cuộc giao thiệp trao đổi có nội dung tiên tri dự báo như ta đã biết (xem chuyện Trạng trình).

Phùng Khắc Khoan học giỏi cả tuổi thanh niên sống dưới triều nhà Mạc, đến năm Nhâm Tý (1552) chỉ đỗ có tam trường. Sau đêm mà Nguyễn Bình Khiêm tới gõ cửa phòng, bảo với chàng thanh niên là gà đã gáy. Phùng Khắc Khoan khăn gói tìm đường vào Thanh Hóa. Nguyễn Bình Khiêm còn cuốn chiếu ném theo. Ông Khoan đến xứ Thanh vào những năm Sùng Khang đời nhà Mạc(?).

Ở nơi đất khách quê người Phùng Khắc Khoan chưa có điều kiện làm cho mọi người biết tài năng, sở học của mình, nên đã phải sống một thời gian cô đơn và thiếu thốn. Ông tìm đến tạm trú ở một làng thuộc huyện Hoàng Hóa mở lớp dạy kiếm ăn, và đã phải tìm cách để tranh học trò với một cụ đồ địa phương. Câu chuyện rất buồn cười lý thú:

Lớp học của ông đồ già đã mở khá lâu. Nhà trọ của Phùng Khắc Khoan ở ngay bên cạnh. Vì chưa có ai biết đến ông, nên lớp học của ông vắng vẻ, lèo tèo vài đứa nhóc. Ngồi nghe lời giảng của cụ đồ vọng qua tấm liếp, Phùng Khắc Khoan buồn cười vì chữ nghĩa ông ta chẳng có gì, giảng sai kiến thức rất nhiều. Thế mà con em cứ kéo nhau đến học, còn như mình chữ nghĩa giỏi giang lại chẳng ai đoái hoài. Ông liền làm một bài thơ dán ngoài cửa:

Đô đô bình trượng ngã

Đệ tử mãn đường hạ

Úc úc hồ văn tai

Đệ tử bất kiến lai

Bài thơ này là một bài châm biếm, phải biết mặt và biết nghĩa chữ Hán thì mới thấy ý trào phúng của tác giả. Nguyên trong sách *Luận ngữ* có câu *Úc úc hồ văn tai* là: Văn chương rục rở thay. Thầy đồ vì dốt đọc chữ này ra chữ khác, vì mặt chữ tương tự như nhau. Thầy đọc lầm:

Úc ra chữ độ

Chữ hồ ra chữ bình

Chữ văn thành chữ trượng

Chữ tai thành chữ ngã

làm cho câu văn chẳng ra nghĩa lý gì nữa. Cả bài có

thể hiệu là:

Cái ông đọc câu vô nghĩa: Đò đò bình trượng ngã, thì học sinh đến học đông đúc.

Còn người dạy đúng sách vở, đọc câu: Úc úc hồ văn tai thì chẳng thấy có cậu học trò nào đến cả.

Bài thơ dán lên ít lâu, thì học sinh kéo nhau sang học với Phùng Khắc Khoan, làm cho lớp cụ đồ rời rã. Cụ đồ tức lắm, làm đơn kiện. Lẳng nhằng lên đến quan huyện. Quan cho đòi cả hai người đến, phân xử. Thấy không ai chịu ai, quan liền chỉ một cái vỏ trai dùng làm nghiên mực, bảo mỗi người làm một bài thơ. Phùng Khắc Khoan làm ngay một bài đường luật 8 câu chữ Hán, đại ý nói con trai ngậm ngọc, mang áo giáp, nuốt sóng, nhả mây, tung hoành nơi biển cả.⁽¹⁾ Cụ đồ già loay hoay mãi, không làm nổi thơ chữ Hán, chỉ viết mấy câu nôm na:

Hùm hụp vừa bằng bàn tay doạng

Hỏi nó cái chi, ấy cái bạng

Vỏ làm nghiên, chấp sử chấp kinh

Ruột nấu cháo, bổ tâm bổ tạng

Ông Khoan nghe thơ cụ, phì cười, nghĩ bụng thơ văn thế thì chẳng ra thể thống gì cả. Chắc chắn quan

(1) Bài thơ chữ Hán chúng tôi không chép. Chuyện này có dị bản: Ông Khoan là tác giả cả hai bài.

huyện phải phục tài xử cho mình thắng cuộc mà thôi. Không ngờ quan huyện xem hai bài thơ xong, liền phán:

- Thơ cụ đồ như vậy, chứng tỏ là cụ học hành chắc chắn, bạc đầu ra mới làm nổi. Chữ nghĩa của anh làm sao địch được với vị tiền bối này.

Rồi quan xử cho bọn học trò trở về với cụ đồ già. Cụ sung sướng, tạ quan:

- Nhờ quan lớn nhìn xa trông rộng, nếu không tôi đến bỏ nghề.

Cụ đồ hào hứng rời chân. Phùng Khắc Khoan thì ngơ ngác, bực bội. Ông ngao ngán quay ra. Nhưng quan huyện đã ngăn ông lại, mời ông vào phòng riêng sai người dọn rượu để cho ông cùng quan nói chuyện. Quan nói:

Tôi đã rõ tài năng, chí hướng tiên sinh. Nhưng xin được bàn với tiên sinh một câu. Con sư tử nó vô được cả con hùm con beo, nhưng khi nó vô con thỏ mà nó dốc toàn lực là nó đại, tiên sinh há lại cần tranh thắng với cụ đồ già ấy ư? Để cho cụ già nua lặn cận loay hoay kiếm ăn như vậy, còn tiên sinh phải dành tâm lực vào những việc lớn kia mà!

Phùng Khắc Khoan cảm động trước lời khuyên sâu sắc ấy. Ông còn khâm phục và biết ơn hơn khi được quan huyện biểu riêng mười lạng bạc nói là giúp

cho ông qua cơn túng thiếu, và bảo ông cần tìm cách tiến thân⁽¹⁾. Phùng Khắc Khoan rời đất Hoàng Hóa, lên ở vùng Vĩnh Lộc, Yên Định. Năm 30 tuổi (1557) ông dự khoa thi hương mở ở xã Đa Lộc, huyện Yên Định và được đỗ thủ khoa. Trịnh Kiểm biết tài ông và dùng ngay ông làm quan ở nhiều cương vị đáng kể. Ông cũng đã khuyên Trịnh Kiểm đi hỏi Trạng Trình về việc tìm kiếm con cháu nhà Lê, mà lập vua Anh Tông. Riêng về thâm tâm Phùng Khắc Khoan, ông phục vụ tuân theo mọi sự điều hành của chúa Trịnh, nhưng vẫn trung thành, tha thiết với nhà Lê. Có câu ca dao lưu truyền ở Thanh Hóa, như muốn nói lên tâm sự riêng tư ấy của ông:

Chớ khinh chùa tích không thờ

Mà đem xôi, oản cúng thờ gốc cây

Chùa tích là chùa xưa, tức là trở vào cơ đồ triều đại nhà Lê có hai trăm năm lịch sử đến lúc này, dù thế lực bị suy vợi vì bị nhà Mạc lật đổ. Xôi oản là nhắc đến câu nói của Nguyễn Bình Khiêm: giữ chùa, thờ phật thì ăn oản. Phùng Khắc Khoan có lẽ đã theo lời dân gian như vậy để mượn uy tín của Trạng Trình, mà dẹp mưu cướp ngôi Lê của họ Trịnh hồi bấy giờ.

(1). Nghe nói vị quan này, sau cũng giúp nhà Lê trong cuộc trung hưng, nhưng không truyền lại tên tuổi và hành trạng.

Khi triều đình Lê Trịnh được trở về Thăng Long, Phùng Khắc Khoan giữ nhiều chức vụ quan trọng, đó là dịp cho ông biểu lộ nhiều tài năng xuất sắc của mình, cả về mặt chính trị, quân sự và ngoại giao. Chung quanh câu chuyện ngoại giao này, có rất nhiều giai thoại.

Có lần, bên Lê Trịnh thấy ở đằng trong họ Nguyễn cát cứ xưng hùng, tỏ ý không thần phục triều đình, nên muốn cất quân vào đánh. Nhưng cân nhắc kỹ, phía Trịnh muốn trước hết dùng thủ đoạn mua chuộc. Họ cử một phái đoàn sứ giả mang sắc vào phong cho chúa Nguyễn. Lúc này Đào Duy Từ làm quân sư cho họ Nguyễn đã bày kế cho mang một mâm lễ vật ra cống triều đình. Sứ giả dâng lễ rồi, tìm cách trốn về không đợi đón đưa gì cả. Vua quan Lê Trịnh xem lại cái mâm, bốc các tầng ra thì thấy ở tầng cuối cùng có mảnh thiếp viết bốn câu:

Mâu nhi vô địch

Mịch phi kiến tích

Ái lạc tâm trường

Lịch lai tương địch

Đọc đi đọc lại, chẳng ai hiểu thế nào. Phải tìm đến Phùng Khắc Khoan. Ông giải nghĩa ngay cho họ biết, đây chỉ là mấy câu chiết tự:

- Mâu nhi vô địch, nghĩa là chữ *mâu* không có nét

phấy, thành chữ *du*.

- Mịch phi kiến tích, là chữ *mịch* không có dấu vết chữ *kiến*, thành chữ *bất*.

- Ái lạc tâm trường, là chữ *ái* rơi mất chữ *tâm*, thành chữ *thụ*.

- Lục lai tương địch là hai chữ *lục* và *lai* đấu nhau thành chữ *sắc*.

Thế nghĩa gộp bốn chữ ấy với nhau, thành câu *Du bất thụ sắc*, nghĩa là: Ta không phân sắc. Ai nấy đều phục tài ông Khoan.

Lại một lần nhà Minh cho sứ sang ta, chỉ gửi đến triều đình một tấm vóc trên đề hai chữ *Thanh Thủy*. Không ai hiểu mô tê gì, lại phải mời đến Phùng Khắc Khoan, đúng vào cái lúc ông đang phạm cái lỗi gì đó, phải về nghỉ nhà. Ông khoan xem, thùng thẳng giải đáp:

Đây là họ muốn triều đình đến tháng mười hai thì cất quân cùng họ, đánh Mạc ở biên giới. Vua Lê chúa Trịnh ngạc nhiên:

- Sao chỉ có hai chữ mà lại giảng ra được như vậy?

Ông Khoan cười:

- Đây chỉ là chuyện triết tự: chữ *Thanh* là ghép ba chữ: *thập*, *nhị*, *nguyệt*.

Chữ *Thủy* là ghép hai chữ: *Vũ*, *tốt*.

Vậy cả câu: *Thập, nhị, nguyệt, vũ, tốt* có nghĩa là tháng 12 ra quân.

Do có tài năng như vậy, triều đình đã cử Phùng Khắc Khoan làm chánh sứ đi Trung Quốc. Chuyến đi này vào năm Đinh Dậu (1597). Ông Phùng vừa đúng 70 tuổi. Sử sách chỉ nói ông bộc lộ được tài năng trước triều thần nhà Minh, vua quan đều kính phục. Truyền thuyết dân gian kể thêm là đúng vào lúc này ông được vua Minh phong là Lương quốc trạng nguyên, và từ đó nhân dân gọi ông là Trạng Bùng. Nhiều câu chuyện chứng minh học vấn uyên bác và tinh thần dân tộc rất cao của ông. Cùng với nhiều quan lại, văn nhân tài tử ở Trung Quốc và một số nước khác như Triều Tiên, Phùng Khắc Khoan đã xướng họa thơ ca, bàn bạc trao đổi về văn học, về chính trị. Ông đã giới thiệu sơ qua những nét đặc biệt của đất nước ta, để mọi người biết văn hóa, phong tục, thiên nhiên Việt Nam không kém gì nước ngoài. Dịp triều đình nhà Minh tổ chức chúc thọ đầu xuân vua Minh Thần Tông, Phùng Khắc Khoan đã làm một loạt ba mươi bài thơ vịnh thọ khánh tiết, làm cho mọi người khâm phục. Vua Minh lập tức ra lệnh cho in ngay tập thơ này, nhờ đó mà tên tuổi Phùng Khắc Khoan nổi bật lên giữa kinh đô nhà Minh lúc ấy. Vua Minh đặc cách phong ông làm Trạng nguyên, tặng một đồng tiền vạn lịch bằng vàng.

Chuyện kể rằng, Trạng Bùng dù được vinh quang như vậy, song ông vẫn không vừa lòng, vì mục đích chuyến đi sứ của ông là đòi cho vua Lê được phong vương. Nhà Minh còn lẩn cán về quan hệ với nhà Mạc, lại cũng muốn tỏ thái độ trịch thượng, chỉ mới chịu phong vua Lê là Đô Thống mà thôi. Bất bình vì chuyện này, Phùng Khắc Khoan ném đồng tiền vàng xuống đất, toan lấy chân dẫm lên. Phó sứ Nguyễn Nhân Thiệm hoảng sợ, vội vàng can ông:

- Xin bác nguôi giận. Bác làm thế rất nguy hiểm trong lúc này. Bác không nhận thì để tôi cầm cho, xem như một vật kỷ niệm chuyến đi Tàu.

Thời gian Phùng Khắc Khoan ở Trung Quốc, không những ông đã nỗ lực hoạt động văn học, ngoại giao, mà còn để ý đến lĩnh vực kinh tế nữa. Ông thăm những nơi người Tàu dệt vải, dệt lĩnh và lưu tâm đến những kỹ thuật đặc sắc của họ. sau này, khi về quê nghỉ, ông mới đem những kinh nghiệm thu thập được phổ biến cho dân làng. Làng Bùng vì thế mà sản xuất được một thứ lụa đẹp nổi tiếng trong nước gọi là lụa Bùng. Ông cũng thấy một số giống ngô, giống đậu ở Trung Quốc khác với bên ta, nên tìm cách đưa về một ít. Chuyện kể rằng, những đoàn sứ bộ của ta ở Trung Quốc về đều bị khám xét rất ngặt, họ không cho đưa những thứ gì mà họ muốn giữ riêng, kể cả sách vở. Đây là một sự thực. Ở một bản tàu trình, tường thuật

sau này Lê Quý Đôn đã báo cáo với chúa Trịnh là ông đưa về những bộ sách gì mà bọn quan chức Tàu cứ lằng nhằng cấm đoán, giữ riết lấy không cho lưu thông. Việc Phùng Khắc Khoan mang giống ngô giống đậu về cũng vậy. Ông đã phải giả vờ lâm bệnh, không thể ăn được cơm, phải dùng thứ cháo ngô ấy mới hợp với phủ tạng, cho nên xin được phép mang đi đường như khẩu phần lương thực. Ông đã là quan Trạng của nước Trung Hoa, thì triều đình có nhiệm vụ chăm sóc điều dưỡng cho ông. Nhờ thế, mà có giống ngô mới - do ông tiết kiệm khi ăn uống - mang về. Lại có chuyện kể một cách hài hước rằng, do sự cấm đoán mà ông Trạng Bùng phải kín đáo giấu vài ba hạt ngô sau hậu môn của mình, mới đi thoát được. Sau này khi cúng đơm, không ai dùng ngô để làm cỗ cúng là vì như thế!

Trạng Bùng còn có một giai thoại khá ly kỳ và... lãng mạn! Ông đã được gặp gỡ nàng tiên Quỳnh Hoa tức là chúa Liễu Hạnh. Cũng lạ, buổi gặp gỡ bắt đầu từ hôm ông đi sứ Tàu về đến đất Lạng Sơn. Liễu Hạnh, như ta đã biết là một cô gái trẻ trung, xinh xắn, đã hai ba lần từ trên tiên giới xuống đầu thai dưới cõi trần gian, vì không thể sống mà không có hạnh phúc cả mấy lần ấy, người có diễm phúc được gặp gỡ Quỳnh Hoa tiên nữ đều là những thanh niên tuấn tú, trẻ trung. Thế mà lần này, tiên nữ lại đến với một già

bảy mươi đầu bạc! Câu chuyện chỉ là chuyện văn chương chữ nghĩa lắt léo tinh vi, nhưng cuộc tao ngộ thì thật là thú vị. Chuyện kể như sau:

Trạng Bùng ở Trung Quốc về đến Lạng Sơn, trên đường đi qua một ngôi chùa, trước sân có ba cây thông, một cô gái xinh đẹp ngồi đó tự bao giờ, vừa đàn vừa hát. Trạng lên tiếng ghẹo:

Tam mộc xâm đình, tọa trước hảo hê nữ tử

(ba cây che sân, một cô gái đẹp ngồi đó).

Câu này rõ nghĩa, song cái lắt léo là ở lối chiết tự. Tam mộc là ba chữ *mộc* ghép lại thành chữ *xâm*. Chữ *nữ* chữ *tử* ghép lại thành chữ *hảo*.

Không ngờ cô gái lại đối ngay:

Trùng sơn xuất lộ, tẩu lại sứ giả lại nhân

(núi non mở đường, người sứ giả đi,

đó là một vị quan)

Câu đối lại cũng chiết tự tài tình không kém: Trùng sơn là hai chữ *sơn*, ghép lại thành chữ *xuất*, chữ *lại* và chữ *nhân* ghép lại thành chữ *sứ*. Trạng Bùng hết sức ngạc nhiên ông đọc luôn câu khác:

- *Sơn nhân bằng nhất kỷ, mạc phi tiên nữ lam phàm* Phùng Khắc Khoan vẫn dùng lối chiết tự: *Sơn* và *nhân* ghép lại thành chữ *tiên*: chữ *bằng* có bộ *kỷ*. *Nhất* và *kỷ* ghép lại thành chữ *phàm*. Cả câu có nghĩa:

cô gái miền núi ngồi trên ghế, phải chăng là nàng tiên giáng trần!

Cô gái cũng đáp lại ngay:

- *Văn tử đối trường cân, bất thị học sinh thị trưởng.*

Lối chơi chữ là chữ *văn* và chữ *tử* ghép thành chữ *học* dưới có chữ *đối* có bộ *cân*. Chữ *trường* và chữ *cân* là chữ *trưởng*. Cả câu có nghĩa: chàng văn nhân chút khản dài, chính là cậu học sinh nhìn vào màn đầy chăng.

Hết sức khâm phục người đẹp. Trạng Bùng lại gần cô, cúi đầu thi lễ. Ngẩng đầu lên ông chẳng thấy ai, cô gái đã biến đi đâu mất. Trên cây gỗ bên cạnh đường có viết bốn chữ: *Mão khẩu công chúa*; và liền đó còn có tám biển đề 4 chữ: *Bằng mã dĩ tấu*.

Phái đoàn tùy tùng của Trạng, chẳng ai hiểu mấy chữ ấy nghĩa thế nào. Trạng Bùng trầm ngâm giây lát rồi bảo mọi người:

- Trên cây viết chữ *mão*, *mộc* là cây. Thêm chữ *mão* là chữ *Liểu*, thêm chữ *khẩu* là chữ *Hạnh*. Vậy cô gái vừa rồi là Liễu Hạnh công chúa đấy.

Mọi người lại hỏi:

- Thế còn 4 chữ trên tám biển kia?

Trạng đáp:

- Chữ *mã* có bộ *băng* chính là họ *Phùng* của ta. Rõ

ràng là tiên chúa Liễu Hạnh có biết đến ta chăng. Còn hai chữ *đĩ tẩu*, chính là chữ *khởi*. Khởi là dựng mở. Chắc công chúa muốn ta dựng lại ngôi chùa này.

Trạng Bùng đã làm đúng như điều ông nghĩ để tỏ tâm tình tri ngộ với người tiên. Ông cho tu sửa lại ngôi chùa, treo trước chùa một tấm hoành phi có 7 chữ: "*Tùng lâm tịch mịch phất nhân gia*" nghĩa là rừng thông vắng vẻ, không phải nhà người bình thường! không phải nhà người thường, thế là nhà của tiên, của phật! Trong mấy chữ ấy, Trạng Bùng cũng dùng phép tu từ lộng ngữ: *Phất* và *nhân*, hai chữ ghép với nhau thành chữ *Phật*!

Trạng Bùng còn được gặp Liễu Hạnh một lần nữa. Lần này, cuộc gặp gỡ diễn ra ở Hồ Tây. Ông cùng hai bạn là Ngô và Lý đi chơi hồ. Một quán rượu được dựng bên bờ Hồ Tây, có biển đề: Tây Hồ phong nguyệt. Trong quán có đề thơ. Ba ông đọc thơ, cũng dùng lối chiết tự để đoán rằng nội dung bài thơ là lời mời tha thiết: "*Quán đương vắng, được buổi đẹp, khách có lòng, mời vào chơi*". Một cô gái hầu thướt tha đi lại, bưng ra một cái khay, trên khay có tấm thiếp đề câu thơ:

Tây Hồ biệt chiếm nhất hồ thiên

(Hồ Tây riêng chiếm một bầu trời).

Cả ba nhà văn biết ý chủ nhân mời làm thơ, nên

hào hứng ngồi xuống, cùng theo câu đó, mỗi người lần lượt làm tiếp hai câu, theo lối liên cú. Làm đến câu thứ 39, thì bỗng từ nhà trong vang ra một giọng ngâm trong trẻo: Ngâm một câu thơ như để kết thúc cả bài:

Đắc Nguyệt ưng tri ngô thị tiên.

Bài thơ ấy được đặt tên là *Tây Hồ quan ngự*. Tiếng ngâm vọng ra cùng với mùi hương thoang thoảng. Nhưng vẫn không thấy xuất hiện con người. Cả ba ông ra về trong một tâm trạng lằng lằng khó nói. Ít lâu sau, họ lại tìm đến một lần nữa. Nhưng quán hàng đã không còn, chỉ thấy một cây cao bên bến nước. Trên thân cây, có 4 câu:

Vân tác y thường phong tác xa

Tiên du Đâu suốt, mộ yên hà

Thế nhân dục thức ngô danh tính

Nhất đại sơn nhân Ngọc Quỳnh hoa

Có nghĩa là:

Lấy mây làm xiêm áo, lấy gió làm xe

Buổi sáng chơi ở vùng trời Đâu suốt, buổi chiều
lẩn vào mây khói

- Người đời muốn biết tên họ ta

Ta là vị thiên tiên, tinh hoa Ngọc Quỳnh.

Câu chuyện Trạng Bùng gặp tiên, chỉ thấy ghi có
thế.

TRẠNG NGUYỆT ÁNG

Làng Nguyệt Áng huyện Thanh Trì (nay thuộc ngoại thành Hà Nội) có gia đình họ Nguyễn, hoàn cảnh bần bách. Người con trai là Nguyễn Quốc Trinh lập chí ăn học, tìm sang làng bên cạnh học với một thầy đồ. Hàng tháng bà chị gái cố gắng tần tiện, mang tiền gạo đến chu cấp cho em.

Một hôm chị đến thăm, chẳng thấy cậu Trinh học hành gì cả mà đang chơi thả diều giấy ngoài đồng. Chị lôi cậu em vào trình với thầy học. Thầy nhìn cậu nghiêm nghị:

- Tội anh đáng đòn. Nhân tiện có bà chị anh sang đây, ta cũng muốn để gia đình biết được sức học của anh. Nay thấy ra một vẻ đối, nếu đối được thì tha, đối không được ta sẽ đuổi về luôn.

Nói rồi thầy đọc:

Mê chơi, chẳng học, quên lời chị

Nguyễn Quốc Trinh không cần nghĩ ngợi, đối ngay:

Thi đỗ cao khoa, nức tiếng thầy⁽¹⁾

(1) Nguyên văn chữ Hán:

Bất học hiếu du, vì tỉ giáo

Đăng khoa cập đệ, trọng sư danh.

Tất nhiên là cả thầy cả chị đều vui vẻ. Quả thực sau này Nguyễn Quốc Trinh thực hiện đúng lời đối của mình. Ông đỗ trạng nguyên khoa Kỷ Hợi (1659) triều Lê Thần Tông sau làm quan đến thượng thư.

Cuộc đời làm quan của trạng nguyên Nguyễn Quốc Trinh có nhiều mẫu chuyện đặc sắc nhưng nổi tiếng nhất là câu chuyện chung quanh một lời phát biểu của ông, trở thành danh ngôn hồi đó. Nhà Lê vào thế kỷ XVII trở đi chỉ là hư vị, mọi việc đều do họ Trịnh chấp chính. Nhưng nhiều ông chúa Trịnh vẫn còn nuôi ý định cướp ngôi Lê. Chúa Dương Vương là Trịnh Tạc muốn thử xem lòng người có phục không, đã sai quân lính đắp một cái đài ở Thăng Long, đặt tên là đài Thu Thiên. Đài đã được dựng cột đào móng, hình thành nên cái khung có vẻ quy mô bề thế. Chúa đến tận nơi xem xét, đem cả Nguyễn Quốc Trinh đi theo. Nhìn quang cảnh đầy triển vọng nguy nga, chúa hỏi:

Thế nào? Ý ông ra sao?

- Khái chúa thượng⁽¹⁾ xây đắp thế nào chẳng được, nhưng lòng thiên hạ không vui đâu.

Chúa tái mặt hỏi lại:

- Thiên hạ trăm nghìn người, một mình ông làm

(1). Thời Lê Trịnh, nói với vua thì "tâu", với chúa thì khải.

sao biết được trăm nghìn bụng?

Nguyễn Quốc Trinh ung dung đáp:

- Thiên hạ là tôi đây: Lòng tôi không vui thì biết lòng thiên hạ.

Chúa nín lặng, không nói gì lên kiệu về cung. Tối hôm ấy một cơn bão nổi lên, sét đánh gãy mấy cây cột dài. Trịnh Tạc đành bỏ không cho dựng nữa.

TRẠNG BÌU

Nguyễn Đăng Đạo khi chưa thành đạt đã nổi tiếng vừa nghịch ngợm lại vừa thông minh, chẳng là từ nhỏ ông đã nhiễm phải cái tính ngang tàng của người bác ruột thám hoa tên là Nguyễn Đăng Cảo.

Nguyễn Đăng Đạo chăm học từ nhỏ. Nhà ở cách kinh thành Thăng Long xa (làng Hoài Bảo - làng Bịu huyện Tiên Du, nay là Liên Bảo thuộc huyện Tiên Sơn), thế mà sáng nào Đăng Đạo cũng dậy sớm nấu ăn rồi ra kinh đô kịp nghe sách buổi sáng. Mãi sau này Đăng Đạo mới được phép cha cho vào trọ trong chùa Báo Thiên (tức là phố Nhà Thờ - Hà Nội ngày nay).

Một lần vào tiết nguyên tiêu (rằm tháng giêng) chùa Báo Thiên mở rộng cửa đón khách thập phương

vào lễ phật và xem hoa nở. Đăng Đạo cũng vừa đi nghe sách về thấy ngoài cổng chùa dừng lại một chiếc xe loan có một tiểu thư xinh đẹp cùng đám thị nữ vào tam bảo lễ phật. Đăng Đạo bèn đi theo. Khi tiểu thư xinh đẹp bước vào đứng lễ, Đăng Đạo cũng tiến lên đứng cạnh nàng và khấn to lên rằng:

- Nam mô a di đà phật! Cầu phật tổ phù hộ cho vợ chồng con bách niên giai lão.

Chuyện xảy ra đột ngột, bất ngờ, đám thị nữ cả sợ bèn thi nhau xỉa xối, mắng nhiếc Đăng Đạo là vô lễ. May mắn tiểu thư biết đây là trò nghịch của đám học trò, nên không giận, lại sẽ sàng nói với đám con hầu:

- Ngày xuân lễ phật, người ta đùa, các em đừng nặng lời như thế.

Nói rồi nàng lên xe về phủ.

Đăng Đạo thấy cô gái đã đẹp, lại ăn nói trang nghiêm nên mê mẩn tâm thần, lẻo đẻo theo sau xe, quyết tìm cho rõ nàng ở đâu để tìm cách gặp lại.

Khi biết tiểu thư ấy là con một viên quan lớn nhà ở chỗ kia, chỗ nọ, đêm ấy Đăng Đạo khăn áo chỉnh tề đi vòng ra ngõ sau dinh tìm cách vượt tường vào phủ, ngồi ở một chỗ khuất gần phòng tiểu thư.

Một người thị nữ thoáng thấy bóng người vội báo cho tiểu thư biết. Tiểu thư ra, Đăng Đạo đứng lên chấp tay nói luôn:

- Tôi là danh sỹ Kinh Bắc đến xin quan lớn cho vào làm rể!

Tiểu thư hoảng sợ vô cùng vội bảo thị nữ lấy vàng bạc ra tạ Đãng Đạo và nói rằng:

- Thôi, đây có chút quà giúp thầy ăn học, thầy nên ra ngay kẻo cha tôi biết được thì nguy đến tính mạng của thầy.

Nhưng Đãng Đạo vẫn không chịu trở chân, vẫn ung dung nói:

- Thưa tiểu thư, tôi đến đây để xin cầu hôn chứ không xin vàng lụa.

Tiếng nói của Đãng Đạo vang vang làm cho cả phủ đều giật mình. Thân phụ tiểu thư vốn là Đề lĩnh quân vụ (quan chỉ huy quân nội thành) nghe chuyện hăm hăm tức giận thét lính trói Đãng Đạo lại chờ đến sáng sớm sẽ khai đao. Đám lính quát mắng ồn ào nên kinh động cả quan tham tụng Phạm Công Trứ ở kề đó. Phạm Công Trứ bèn cùng lính sách đèn sang thì được Đề lĩnh kể lại sự việc trên.

Phạm Công Trứ nghe chuyện cả cười, nói với Đề lĩnh:

- Việc khác thường chắc người cũng khác thường. Xin ngài hãy cho tôi hỏi y vài câu cho rõ đã.

Đề lĩnh chấp nhận cho giải Đãng Đạo vào. Phạm Công Trứ hỏi:

- Anh xưng là danh sỹ Kinh Bắc vậy thử làm bài phú mới ra ở trường Giám hôm nay xem thế nào.

Ông sai cỡi trời và đưa đầu bài, giấy bút cho Đăng Đạo. Đăng Đạo đọc đề dưới trăng, lập tức cầm bút mài mực viết một lèo. Viết xong trao cho lính cầm vào, đoạn quảng bút bảo đám lính:

- Các anh vào mời tiểu thư ra đón tân lang đi chứ!

Cả bọn lính cười ồ, cho Đăng Đạo là điên. Trong khi ấy Phạm Công Trứ mở bài soi đọc thì thấy quả là văn tài, bèn nói chuyện với Đề lĩnh rằng:

- Nếu ngài có ý kén rể hiền thì có lẽ khó ai có thể hơn gã này được. Văn này không đồ trạng nguyên thì cũng đồ bảng nhãn chứ chẳng thường.

Đề lĩnh nghe lời, đổi giận làm mừng, gọi Đăng Đạo tới bảo:

- Ta bằng lòng nhận anh làm rể nhưng nhà ta hiếm hoi chỉ có một đứa con gái ấy thôi. Ành bây giờ đang chân trắng mà con ta lại đang chịu tang, ta cho anh vào ở trong dinh học hành nhưng phải đại đẳng khoa (thi đỗ) đỗ rồi mới có thể tiểu đẳng khoa (lấy vợ) được.

Đăng Đạo hơn hở vui mừng về chùa Báo Thiên đem hành lý sách vở vào ở dinh Đề lĩnh.

Một năm sau, Đăng Đạo thi hương, đỗ đầu. Đến năm Chính hòa thứ tư (1683) thi Đình, đỗ trạng nguyên.

Đặng Đạo làm quan đầu thời Lê Trung Hưng, nhiều lần dẫn sứ bộ sang Trung Quốc giao thiệp với vua Thanh, có một đợt, suốt mấy ngày ròng sứ bộ ta phải nằm dài ở công quán (nhà khách) vì bọn nhà Thanh cố tình gây những chuyện khó dễ không cho triều yết vua. Đêm hôm ấy sáng trăng, Đặng Đạo đang đi lại nơi tiền sảnh bỗng thấy một thiếu nữ xinh đẹp đến trước sân cắm một cái biển có đề chữ *nguyệt* (trăng), vái ba vái rồi bỏ ra về. Đặng Đạo nghi hoặc chưa hiểu ý tứ gì nhưng thấy cử chỉ của thiếu nữ dưới trăng có vẻ lạ nên tức cảnh sinh tình nghĩ luôn ra một bài thơ, rồi một bài phú với đầu đề "Vịnh sáng trăng" và "Bái nguyệt đình phú"... Sáng hôm sau, sứ bộ được yết kiến vua Thanh. Buổi tiếp sứ này còn có cả sứ thần của các nước khác nữa. Vua Thanh ra cho các sứ một bài phú thử tài, đề ra là "Bái nguyệt đình phú", đúng với đề mà Đặng Đạo đã nghĩ hôm qua. Trong khi sứ các nước đang ngẫm nghĩ cân nhắc từng câu thì Đặng Đạo ung dung viết những nét rồng bay phượng múa. Bài phú của Đặng Đạo làm xong trước dâng lên. Cả đám vua quan triều Thanh đều hết sức kinh ngạc.

Do văn tài của Đặng Đạo mà đến khi hai bên bàn việc biên giới, triều đình Mãn Thanh giảm được phần nào thái độ kẻ cả, trịch thượng.

Đặng Đạo tính thẳng lại hiểu biết nhiều được chúa Trịnh Căn rất tin dùng, nhưng không phải vì thế

mà Đấng Đạo không dám vạch những cái sai của chúa, có ý lấn át vua Lê. Y cứ định lệ, các ngày sóc, vọng (rằm, mồng một) là các quan phải mặc áo mũ đại triều sau khi chào vua phải sang phủ chúa. Các quan đều theo, duy có Đấng Đạo bao giờ sau khi chào vua xong cũng quay về nhà cời bỏ triều phục rồi mới vào phủ chúa.

Trịnh Căn không bằng lòng, hạch tội Đấng Đạo. Ông khẳng khái thưa:

- Mũ áo triều đình là dùng châu thiên tử, nay nhà chúa cũng đòi trăm quan làm như thế với ngài, tôi e thiên hạ dị nghị là trái đạo vua tôi.

Trịnh Căn phải khen Đấng Đạo là Trung, thưởng bạc cho ông và ra lệnh bãi bỏ việc đó.

Tài liệu sưu tầm thực địa ở Hà Bắc, có tham khảo sách *Trạm Nghè Cống* của Tiên Đàm

TRẠNG GIÓNG

Trạng Gióng chính tên là Đặng Công Chất, người làng Phù Đổng huyện Tiên Du Hà Bắc, Tổ tiên Đặng Công Chất vốn họ Trần nhưng trong họ người tên là Trần Tuân cầm đầu nông dân khởi nghĩa thất bại, nên con cháu phải đổi họ tìm nơi lánh ẩn.

Đặng Công Chất là người thông minh, ông đỗ Trạng nguyên vào khoa Vĩnh Thọ thứ tư thời Lê Trung Hưng (1656) và làm đốc trấn Cao Bằng. Ông có tài văn học nên đã được vua cử cùng tiến sĩ, Hồ Sĩ Dương (người Nghệ An) soạn lại cuốn *Lam Sơn thực lục* là cuốn sử về cuộc kháng chiến chống giặc Minh của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn.

Tính Đặng Công Chất có phần nóng nảy, đặc biệt ông rất ghét những sự mê tín dị đoan, nhưng lại cũng rất biết phục thiện.

Hồi ông còn nghèo, đi học trọ thường ngày vẫn dậy sớm làm bài. Một hôm tình cờ ông trông thấy một người đàn bà phơi áo ngoài sân, một lúc có người khác cùng nhà ấy lấy đi mất. Tối lại người kia về tìm áo không thấy kêu ca và cãi lộn với người lấy áo. Nhưng người trộm áo không chịu nhận, lại còn kéo người mất đến một điện thờ nổi tiếng linh thiêng thề thốt. Ông Công Chất thấy vậy lấy giấy bút ghi ngày người nọ đi thề và để ý chờ. Vài ba tháng sau ông vẫn thấy người đàn bà ăn cắp nọ cứ sống nhàn, cũng không hề có bệnh tật hay đau ốm gì cả. Đặng Công Chất cười thầm lắm nhảm:

- Ôi đức thiêng của quỷ thần! Thế là ta biết cả rồi! Đêm ấy ông nằm ngẫm nghĩ chuyện trên rồi thiếp đi. Chợt chiêm bao thấy vị thần nọ đến lay ông, buồn rầu nói:

- Ông Trọng ơi, Ông Trọng. Về sau ông đi thi đỗ làm quan thì có thể vì chuyện người ăn trộm một cái áo mà hại đến tính mạng của họ không?

Đặng Công Chất giật mình choàng tỉnh⁽¹⁾. Ông ngấm nghĩ lời trong mộng thấy quả mình còn suy xét hẹp hòi. Từ đó về sau ông càng cố sống ngay thẳng. Khi đỗ Trọng, ra làm quan, trước bất cứ một điều gì ông cũng cẩn thận xét suy và ít khi phải ân hận.

(1). Giai thoại trên đây còn được ghép cho nhiều nhân vật khác (chẳng hạn như Tô Hiến Thành). Tài liệu này ghi theo thực tế điển dã ở làng Phù Đổng.

B. NHỮNG NGƯỜI MANG DANH HIỆU TRẠNG TRONG KHO TÀNG CỔ TÍCH - TIỂU LÂM

- | | |
|---------------|--------------------|
| 1. Trạng Gầu | 6. Trạng Bờ Ao |
| 2. Trạng Quét | 7. Trạng Tư Thiên |
| 3. Trạng Lợn | 8. Trạng Trịnh |
| 4. Trạng Vật | 9. Trạng Khiếu |
| 5. Trạng Cờ | 10. Trạng Quỳnh(*) |

(*) Cổ tích, tiểu lâm Việt Nam còn lưu hành một số chuyện về Trạng Nôi, Trạng Hít, Trạng Cạn, Trạng Ếch, Trạng Chuối v.v...chúng tôi không chép vì các chuyện này thường lẫn lộn, trùng lặp nhau. Có trường hợp tên khác, song vẫn là một truyện như Trạng Bói và Trạng Lợn, Trạng Ăn và Trạng Com. Chuyện Trạng Hít (dân tộc Việt) và chuyện Thấy Khoàng (Tày), Y Lóa (ÊĐê) có nhiều tình tiết tương tự.

- Truyện Trạng Quỳnh lẽ ra phải có trong tập sách này, song vì đã in ấn và phát hành khá rộng rãi nên chúng tôi không đưa vào, mà chỉ ghi trong danh mục.

TRẠNG GẦU

Tên nôm của làng An Cầu, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc huyện Kim Động tỉnh Hải Hưng). Vốn gọi là làng Gầu, nhân dân hàng bao đời nay truyền tụng rằng đây là quê hương của một vị Trạng nguyên đầu tiên ở nước ta. Thời điểm ra đời của quan Trạng không ai khẳng định được. Người thì cho trạng sống đời tiền Lý (504 - 608). Người lại nói Trạng đỗ đời Trần Thái Tông (1225 - 1258). Đối chiếu với sổ sách từ xưa thì các tài liệu đều không khớp nhau⁽¹⁾

(1) Tiện đây chúng tôi ghi thêm vài tư liệu giúp cho các nhà nghiên cứu khi cần có thể tham khảo.

.....

a) Sách tam sử tập biên của Vũ Văn Lập (Cao Xuân Duệ đề tựa) ký hiệu TVKH A12 có chép chuyện Tống Trân:

"Tống Trân người ở Phù Dung, Vống Phan, đời Trần Thái Tông tám tuổi thì đỗ Trạng Nguyên. Đi sứ nhà Nguyên gặp hổ giữa đường. Ông bèn làm bài hịch kể tội. Hổ sợ bỏ trốn dân nhờ đó được yên. Lấy Cúc Hoa làm vợ là một người rất hiếu nghĩa. Hiện nay ở Vống Phan còn có hai tòa miếu: miếu thờ ông và miếu đối diện là thờ Cúc Hoa"..

(*Nam sử tập biên quyển 2*)

Nhưng câu chuyện được kể lại khá thống nhất về đại thể và lại được một tác giả khuyết danh dựng lại trong một chuyện nôm lục bát (cũng không biết ra đời vào giai đoạn nào), đó là chuyện Tống Trân. Tống Trân là tên thực của Trạng Gầu. Tống Trân được quen thuộc với toàn thể nhân dân Việt Nam. Các đồng bào dân tộc ít người cũng biết đến Tống Trân. Bà con Tày ở Cao Bằng, Bắc Cạn có tập Tống Trân hay Tống Tông viết bằng chữ nôm Tày.

Truyện Trạng Gầu theo nhân dân kể lại và truyện Tống Trân của tác giả khuyết danh đều thống nhất đầu

b) Bản thân tích tình Hưng Yên (ký hiệu Q4018/12) lại chép rõ: "Tống Trân là con ông Tống Triệu và bà Đào Thị Quang, sinh vào năm Bính Ngọ, giờ Dần, tháng 11 đời vua Lý Nam Đế. Tống Trân lớn lên theo học ông Lý Đường, 7 tuổi thi khoa hiền lương phương chính, đỗ trạng nguyên, sang xứ Trung Quốc, nhận chức ở châu Yên Kinh, có tham gia đánh Đông Ngô Bắc Ngụy trong 10 năm đem lại được thái bình. Ở nhà bố vợ bất nằng Cúc Hoa gả chồng khác, ông trở về bắt tội giáng phục một năm. Khi ấy vua Lý Bôn đã mất giao quyền lại cho Triệu Quang Phục, Triệu Quang Phục lại sai một sứ thần là Nguyễn Khắc Hổ, đến điệu ông về giúp việc chính sự... Đến năm Tân Hợi ngày mùng 5 tháng 5, ông bị chứng mã đao mà chết.

c) Tại đền thờ Tống Trân ở làng An Cầu (nay gọi là xã Tống Trân) có nhiều câu đối xin trích vài câu:

Nôm: *Trạng nguyên tám tuổi thơm trời Việt*
 Sử sự mười năm khét đất Ngô

Hán: *Nhất gia hiếu nghĩa sinh tiền Lý*
 Lưỡng quốc huân danh mộng hậu Ngô.

đuôi như sau:

Xưa kia, làng Gâu huyện Phù Hoa, có hai vợ chồng một ông lão mãi đến năm 60 tuổi mới sinh được một mụn con trai đặt tên là Tống Trân. Lên ba tuổi, cha mất, hai mẹ con phải dắt nhau đi ăn mày.

Một ngày kia, hai mẹ con lên tỉnh Sơn Tây, vào nhà một trưởng giả. Con gái trưởng giả là Cúc Hoa cảm thương cảnh ngộ, mới lấy một đấu gạo đem cho. Không ngờ trưởng giả về thấy vậy nổi giận lôi đình, bắt Tống Trân vào hỏi lai lịch, rồi buộc Cúc Hoa phải lấy làm chồng, dù Tống Trân mới tám tuổi, Cúc Hoa mười ba tuổi bị bố đuổi ra khỏi nhà, nhưng được mẹ thương, lén cho con một ít tiền, Cúc Hoa nuôi thầy dạy học cho chồng. Ngày Tống Trân đi thi, nhà cửa sạch không, Cúc Hoa đã toan bán yếm, nhưng Tống Trân ngăn lại, tự mình tay không đi hành khất dọc đường để lên kinh. Cúc Hoa tìm đến nhà trưởng giả xin giúp đỡ nhưng bị cự tuyệt.

Tống Trân phải nhiều phen gian khổ, tủi nhục trên bước đường đi, nhưng vừa thi thì chàng đã đỗ ngay trạng nguyên, được ban mũ áo. Vua ngỏ ý muốn gả con gái cho trạng, nhưng trạng từ chối. Vua phải cho về vinh quy. Lúc bấy giờ lão trưởng giả lại chạy đến, xun xoe nhận con, nhận rể.

Ở kinh đô, nàng công chúa bị Tống Trân từ hôn,

liền ton hót với vua cha, xin bắt trạng đem đi đày. Nhà vua nghe lời, mới xuống chiếu cử Tống Trân đi sứ mười năm. Tống Trân đành để mẹ già vợ trẻ khóc lóc thảm sầu, rút lòng tuân theo chiếu chỉ.

Hồi bấy giờ, Trung Quốc do nhà Tần thống trị, 18 nước cùng có sứ giả sang thông hiếu, Tống Trân phải bước vào một cuộc đấu trí để bảo vệ danh dự nước nhà, mà cũng để tự vệ. Đầu tiên vua Tần sai đào hố giữa đường, trải chiếu hoa lên mời các sứ giả đi. Tống Trân biết mưu đi sang lẻ đường, nên vào thẳng được sân rồng trong khi sứ các nước đều ngã lăn xuống hố. Vua Tần lại sai đem trạng vào hãm ở trong một ngôi chùa, mười ngày không cho ăn uống gì cả. Trạng nhìn thấy trên bệ có ba ông bụt thết vàng, lại có ba ấm nước bày sẵn, chàng bèn ngã bụt xuống ăn, thì hóa ra bụt đắp toàn bằng chè lam. Mười ngày sau vua gọi ra thấy Trạng vẫn còn sống. Hỏi đến bụt trạng thưa bụt đã nhập tâm rồi. Vua rất khen ngợi, lại muốn gả con gái cho Trạng nhưng Trạng cũng từ chối.

Nhà vua mến Trạng, cho làm nhà ở kề một bên. Trạng vừa châu vua, vừa đọc sách. Ngày ngày Trạng lại xử đoán một số vụ kiện tụng và do đó lại càng tỏ ra là một con người có tài năng. Đặc biệt có hai vụ. Một là xử vụ người đàn bà giết chồng. Trạng chỉ cần nghe tiếng khóc mà biết người này thật lòng thương chồng hay dối trá. Trạng cầm kéo cắt mái tóc chị ta đi, phát

hiện được một chiếc kim sào để chứng minh rằng: “Kim sào ấy thực là dao giết chồng”.

Vụ án thứ hai là vụ án xử kiện càn đa. Có người lái buôn kiếm được số tiền sau những ngày lặn lội, không đưa tiền về nhà mà lại giấu ở một cây đa rồi mới về nhà, chắc anh ta để phòng việc cướp bóc. Đêm ấy, anh ta kể chuyện cho vợ nghe, không ngờ tên nhân tình của vợ là xã trưởng mò đến nghe lỏm được liền ra lấy mất. Người lái buôn chặt càn đa mang đến kiện với Trạng rằng cây đa biển thủ, không giữ của cho mình. Trạng lập mẹo điều tra bắt được thủ phạm, uy tín của Trạng càng rộng lớn trong triều ngoại nội⁽¹⁾.

Trong khi Tống Trân ở nước Tần, trưởng giả ở nhà sinh lòng phản trắc. Suốt bảy năm không nghe tin tức gì, hần liền gọi Cúc Hoa về bàn định cho nàng tái giá. Cúc Hoa không chịu. Hần liền bắt mẹ chồng nàng

(1). Về câu chuyện này, Nguyễn Thúc Khiêm trong bài *Dã sử quan*. Trạng Gấu đăng ở báo *Nam Phong* số 159 kể khác với truyện nôm Tống Trân. Nguyễn Thúc Khiêm không nói là Trạng tìm ra thủ phạm mà chỉ ra lệnh tra tấn càn đa. Nhưng trước khi xử, Trạng cho loan báo để dân chúng ai muốn xem xử kiện lạ lùng, thì phải bỏ một đồng tiền mới được vào dự, chỉ có một đồng tiền mà thấy điều lạ, ai cũng tìm đến. Trạng đem tiền ấy cho người lái buôn và bảo với bà con: Ta làm vậy để giúp anh chàng tội nghiệp này thôi, chứ tiền treo càn đa thì biết mất lúc nào mà hỏi. Đánh cây đa thế nào nó cũng chẳng làm sao mà nói được như người. Ai nấy biết mắc mưu Trạng, nhưng vẫn thấy hể hả mà không phản nản lại khen Trạng thông minh.

giam vào chuồng trâu, giữ Cúc Hoa trong buồng đóng ba lần cửa, đánh đập không tiếc tay. Cúc Hoa đang tìm cách trốn lên núi Ba Vì. Đến đây, nàng được Sơn Tinh giúp đỡ, bảo nàng viết thư cho chồng rồi thân hóa phép mang thư đến cho Tống Trân, lại đưa thư trả lời về.

Trưởng giả cho người tìm kiếm, lòng bắt được Cúc Hoa, nhất quyết gả chồng ngay cho yên việc. Một tên Đình Trưởng đến cầu hôn. Trưởng giả nhận lời bắt phải ở rể ba năm. Hết hạn, chúng tổ chức đám cưới linh đình nhộn nhịp, cả thôn xóm đều phải đóng góp. Ai cũng phải đến dự lễ cưới này, nếu không đến thì phạt vạ.

Tống Trân tiếp thư vợ, đem lên trình vua Tần. Nhà vua cảm động thương Cúc Hoa, giảm thời gian lưu sứ cho Tống Trân về sớm ba tháng.

Tống Trân đem quân về nước, đóng tạm trên sông Hồng. Trạng một mình cải trang làm người ăn mày về dò tình hình đám cưới. Trạng thấy Cúc Hoa than khóc, đem sách và áo cũ của chồng ra đốt đi, thắp cổ hương khấn vái: Trưởng giả sai đem lễ cưới đến. Cúc Hoa không ăn, nhờ mấy cô nữ tỳ đem xuống chuồng trâu cho mẹ chồng, lại gửi thêm 8 nén vàng cho bà lo bề hậu sự, vì nàng đã quyết chết theo chồng. Bọn người hầu đem lòng gian manh chỉ đưa cỗ, còn vàng thì chúng chia nhau. Nhưng đàn chuột đã lấy cắp đưa về

cho Trọng. Trọng mới phong cho chuột chức hương cống. Cái tên chuột cống vì thế mới ra đời.

Biết lòng dạ vợ rồi, Trọng quay vào đám cưới xin ăn. Đình trưởng chỉ cho miếng xương trâu. Trọng bằng lòng nhận. Có hai người chị vợ nhìn thấy Trọng nghi nghi hoặc hoặc, tưởng nhớ đến Tống Trân, nên thương hại cho đem xôi thịt, liền bị họ hàng chửi mắng. Trọng xuống chuồng trâu thử mẹ, giả làm thầy bói báo trước cho bà biết chỉ nay mai là con bà về. Sau đó Trọng lại giả vờ ngồi bên đường, hát nghêu ngao chúc cho Đình trưởng quan sang vợ đẹp. Đình trưởng nở mũi, gọi trọng vào khen ngợi. Nhưng Trưởng giả lại quát mắng đuổi ra.

Trọng trở ra trút lột ăn mày, đem quân vây bắt. Cả đám cưới hốt hoảng chạy tán loạn. Vợ chồng trưởng giả ra xin chịu tội, tìm cách chối quanh. Trọng ra lệnh phá nhà tên Đình trưởng, bắt hấn cạp khúc xương trâu suốt ba ngày, bố vợ thì hạ phục, chỉ để tang một năm. Làng nước ai tham gia vụ cưới đều bị phạt vạ. Họ kêu nài van vỉ Trọng mới tha cho. Mẹ con vợ chồng Tống Trân lại được vui vầy sung sướng.

Trọng làm quan được vua yêu mến. Nhân hoàng hậu bị bệnh, vua sai trọng đi săn hươu kiếm thuốc. Nhờ vậy, Trọng mới gặp được công chúa Bạch Hoa. Nguyên nàng công chúa này, từ ngày chàng về nước rất là thương nhớ, nàng nặc xin vua cha cho vượt biển

theo chàng, không ngờ thuyền ra đến biển gặp bão, công chúa bị dạt vào rừng, ngày ngày nhờ hươu nai kiếm quả nuôi sống. Trạng săn hươu, gập nàng, đem về trình bày mọi chuyện với vua. Vua cho vợ chồng đoàn tụ. Cúc Hoa và Bách Hoa nhường nhau, không ai chịu làm vợ cả. Tống Trân phải mở cuộc thi. Đầu tiên thì may áo, rồi thi làm bánh, hai nàng đều không ai chịu kém ai. Trạng lại bày cuộc thi nấu cơm. Bây giờ họ mới bị lúng túng. Trạng đi qua liền nhắc Cúc Hoa kinh nghiệm nấu ăn hồi xưa nuôi mẹ nuôi thầy. Cúc Hoa nấu cơm chín trước, được giữ địa vị chính thất. Gia đình từ đấy thuận hòa vui vẻ.

Câu chuyện Tống Trân theo lời kể trong nhân dân và theo chuyện nôm chỉ có thế. Nhưng sách *Thần tích* còn chép thêm: Cúc Hoa không có con đau bụng chết ngày 3 tháng 3. Tống Trân chôn cất vợ rồi ở nhà không làm quan nữa, mở trường dạy học, sau bị chứng mã đao mất ngày mừng 5 tháng 5 năm Tân Hợi. Vua sai quan là Nguyễn Đình Hy đưa sắc về làng, tôn là thượng đẳng tối linh phụ quốc hầu nam Tống Trân đại vương hàng năm tháng 2, tháng 8 đều tế lễ. Các năm Tự Đức thứ 3, rồi thứ 33, đồng khánh thứ 2, Duy Tân thứ 3, Khải Định thứ 9 đều có sắc phong.

TRẠNG QUÉT

Ở vùng Phủ Lý Trung thuộc huyện Thiệu Hóa (Thanh Hóa) ngày ấy có một gia đình nghèo, chỉ sinh được mỗi một cậu con trai. Đứa trẻ mồ côi cha từ nhỏ, ở với mẹ. Hai mẹ con ruộng nương không có, trâu bò cũng không, lại yếu đuối, đành làm nghề quét chợ sinh sống, nên người ta vẫn gọi là mẹ con bà Quét. Cậu bé quét làm lụng rất chăm chỉ, tính nết cũng hiền lành, lại do gia cảnh nghèo nàn, nên nhiều khi tỏ ra rụt rè, dại dột. Quanh năm suốt tháng mẹ con cậu làm những công việc nặng nhọc, mà áo quần vẫn chẳng đủ che thân. Bởi thế cậu Quét lại càng ít đi lại, chuyện trò cùng ai. Vả chăng thời bấy giờ người ta xem loại nghề như quét là nghề hèn hạ, nên mẹ con bà cũng bị khinh khi, coi rẻ. Hai mẹ con tự biết phận mình, không lấy đó làm điều.

Trong vùng ấy, có một viên quan lớn nổi tiếng là gia đạo phong nghiêm. Quan có một tiểu thư vừa độ gả chồng rất là xinh đẹp. Đã có nhiều vương tôn công tử mang lễ vật đến dạm hỏi, nhưng quan đang muốn đợi giá ngọc lành, chờ nơi xứng đáng nên chưa nhận lời ai. Một đôi người đồng liêu với quan, cũng là

những nhà danh giá ngỏ ý thông gia, quan đã có ý xuôi, nhưng tiểu thư vẫn chưa ưng thuận.

Một ngày ấy cô tiểu thư đi chợ. Bọn trai trẻ trong làng, nhất là mấy công tử gần đấy thoáng bóng dài đào đã lập tức theo ngay, hòng tìm cách đưa đón làm quen, nhưng tiểu thư tỏ thái độ nghiêm trang, khiến các chàng đều tẽn. Họ không làm gì được liền xoay ra cách gây chuyện trò cười. Họ kéo anh chàng Quét đi theo và xui anh ta đến tiểu thư xin trầu, xin thuốc. Vốn thật thà, chàng Quét nghe lời đến gần tiểu thư lúng túng mấy câu, xin miếng trầu cay. Đàng xa đám trai làng cứ đứng chỉ chỉ, trỏ trỏ, chúng đang mong cô gái mắng Quét một trận để cười.

Cô gái biết trò tình nghịch của chúng, lại thấy anh Quét chợ chất phác hiền lành, mặt mũi cũng chẳng đến nỗi khó coi, nghĩ thương hại! Cô lại muốn làm cho bề mặt bọn con trai ác độc, nên vui vẻ mở túi đưa trầu cho anh ta, làm cho bọn trai làng cứ chung hừng cả lên.

Không may cho tiểu thư là liên lúc đó quan ông ở đâu về, vén màn kiệu nhìn ra, bắt gặp cảnh con gái mình trao miếng trầu tận tay cho anh chàng khố rách, quan bực tức vô cùng. Kiệu vừa về đến nhà, lập tức quan nổi giận lôi đình, gọi tiểu thư ra mắng nhiếc nặng nề:

- Sách có chữ "nam nữ thụ thụ bất thân"⁽¹⁾, sao mày dám bày trò đĩ thò. Tưởng mày kén cá chọn canh thế nào chứ, lại phải lòng thằng quét chợ nghèo hèn! Thế thì cho mày đi với nó! Đi ngay! Từ rày tao cấm cửa!

Quan khăng khăng quyết đuổi con gái, mặc dù không ít người liệu mình xin hộ, can ngăn. Tiểu thư cũng không ngờ cha đối xử hết nước hết cái với mình đành khóc mà bước ra khỏi cửa. Bà mẹ quá thương xót, giấu chồng cho con ít lạng vàng và vài chiếc quần áo. Tiểu thư ra đi, nghĩ không biết đi đâu, đành liệu ra chợ tìm mẹ con anh Quét.

- Chỉ vì tôi cho anh miếng trâu, để anh khỏi bế mặt trước mọi người, mà bố mẹ đuổi tôi bơ vơ khổ sở. Âu cũng là do cái duyên, cái phận. Thôi anh cho tôi về hầu mẹ, hầu anh.

Từ đó tiểu thư ở lại nhà anh Quét. Cô và bà mẹ lo việc quét chợ, chạy ngược chạy xuôi, buôn bán kiếm ăn. Có ít vốn đem theo, cô cố khuyên chồng chịu khó học hành và gửi anh sang tận làng có thầy đồ mở lớp. Tháng tháng cô lo đủ gạo tiền ăn học cho anh. Nhưng anh Quét học hành rất tối. Ông đồ dạy mãi mà vẫn chẳng thuộc chữ nào, đến nỗi thầy phải gọi vợ Quét đến bảo.

(1). Theo luân lý nhà nho "nam nữ thụ thụ bất thân" nghĩa là trai gái tuyệt đối không được gần gũi thân mật với nhau.

- Tôi xin chịu chồng cô rồi đấy. Học trước quên sau, cả tháng không biết chữ nhất là một. Thôi chồng cô tôi lại giả cô.

Trên đường về, hai vợ chồng chẳng nói với nhau câu gì cả. Đến một gốc cây đa, thấy một ông già đang lúi húi mài một chiếc răng bừa. Người vợ dừng lại hỏi:

- Thừa cụ, cụ mài cái ấy để làm gì ạ ?

Ông cụ ngẩng lên, lau mồ hôi trán đáp:

- Lão phải làm cái kim để khâu áo. Kim nhà không có mà mua mãi không được.

Hai vợ chồng lại ra đi. Đến chỗ phải qua một chiếc cầu, người vợ cứ đứng lại nhìn dòng nước chảy. Anh chồng sốt ruột, giục vợ:

- Lạ gì nước chảy mà nhìn ngắm mãi! Thôi về kẻo sắp tối rồi.

- Tôi có ngắm gì đâu. Tôi đang nghĩ đấy chứ! Tại sao chỗ kia sắt mài được thành kim, chỗ này nước chảy đá mòn mà anh thì học mãi không được?

Anh Quét nghe lời vợ ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Tôi hiểu ý nhà rồi! Thôi, tôi không về nữa Tôi trở lại học đây.

Nói rồi chàng Quét chào vợ một câu, xăm xăm trở lại nhà thầy. Anh kể hết câu chuyện của hai vợ chồng và xin thầy cứ dạy nữa cho, anh sẽ khổ công gắng sức. Quả nhiên từ đó anh học rất tấn tới. Chẳng bao lâu

anh học cặn chữ của thầy. Lần này, thầy lại gọi vợ Quét tới bảo chị rằng:

- Thôi, lần này chồng cô lại giả cô! Tôi không còn đủ chữ để dạy nữa.

Chị vợ lại lo liệu mời thầy khác cho chồng học. Cuối cùng đến khoa thi, anh Quét thi một hội, liền đỗ luôn Trạng nguyên⁽¹⁾. Bà con vẫn gọi tên anh là Trạng Quét nhưng trong sổ bộ thì tên anh là Lê Quát, bạn xướng họa với Tao Đàn chủ sớ (Vua Lê Thánh Tông).

TRẠNG LỘN

Chung Nhi là con một nhà hàng thịt, nhưng cậu không thích cái nghề của gia đình, chỉ sớm nghĩ đến chuyện nổi danh. Được một cái là tướng mạo cậu rất tuấn tú, khôi ngô, nói năng hoạt bát nên bố mẹ rất yêu quý. Ngày bảy giờ ở quê cậu có một ông trạng nguyên, một ông bảng nhãn mới đỗ, về vinh quy, người người kéo nhau đi xem như trẩy hội. Vợ chồng

(1). Thật ra thì Lê Quát chỉ đỗ tiến sĩ. Tiểu sử của ông cũng không có những chi tiết như đã được kể trên, song người địa phương vẫn truyền tụng xem như câu chuyện có thực.

ông hàng thịt cũng nghỉ việc buôn bán để đưa anh em Chung Nhi đi xem.

Chung Nhi trông thấy tàn quạt rợp trời, trống chiêng dậy đất và đám người rồng rắn rước hai ông áo gấm xanh xang, mũ áo nghiêm trang với cờ biển, với kẻ hầu người hạ uy nghi nên thích lắm, mới hỏi cha rằng:

- Ông này là ông gì? Ông kia là ông gì?

Cha chỉ tay nói:

- Ông này là ông Trạng, còn ông kia là ông Bảng.

- Thế các ông ấy làm gì mà được thế ?

- Các ông ấy học hay chữ, đi thi nên được vua ban thưởng chứ sao!

- Thế hai ông, ông nào hơn ông nào?

- Trạng nguyên hơn bảng nhãn.

- Vậy thì mai sau con cũng là trạng nguyên.

Bố mẹ Chung Nhi bật cười:

- Thằng bé dở hơi! Chưa đi học ai cho thành trạng.

- Vậy thì cha cho con đi học thôi! Khoảng mười ngày là thành trạng chứ mấy!

Bố bảo:

- Chớ có ăn nói hồ đồ, muốn thành trạng, thành bảng phải học hành thi cử suốt mồ hôi, chứ mày cứ

tưởng dễ như tao để mày ra ấy.

- Cha mẹ không tin, nhưng rồi con sẽ thành trạng cho mà xem.

Từ đó trở đi, cậu bé Chung Nhi cứ thức thì nhớ, mà ngủ thì mơ luôn luôn nghĩ mình là trạng. Khi chơi bời với bạn, cậu cũng rủ rê bày đặt cho chúng làm biển làm cờ, làm ngựa, tổ chức đám rước vinh quy y như chuyện được xem.

Có một lần đám rước trạng trẻ con âm ỉ vào nhà. Trong nhà có một ông khách thấy thế bèn nói bỡn:

Trạng dở chứ không phải trạng nguyên.

Ý của khách chế diễu Chung Nhi là trạng dở hơi, dở người!

Chung Nhi liền nhìn vào khách trả lời luôn:

- Khách quen chả hóa thành khách lạ.

Khách thấy chú bé buông lời một cách tự nhiên mà thành một vế đối, lấy làm lạ lắm, ngấm nghĩa cậu một hồi rồi khuyên bố mẹ Chung Nhi sớm cho đi học, biết đâu cậu sẽ nên danh phận.

Bố mẹ Chung Nhi cũng mong như vậy nên nói với con:

- Năm nay thầy mẹ sẽ cho con sang làng bên theo học thầy đồ.

Thấy nói đi học thầy đồ, Chung Nhi liền hỏi:

- Thầy đồ có hơn trạng không?

Mẹ nói:

Thằng này trẻ con! Thầy đồ sao hơn trạng.

- Thế thì trạng không học thầy đồ, trạng chỉ học trạng thôi.

Bố mẹ phải khuyên giải một hồi, trạng sợ không đi học thời dốt, không thành trạng được, nên rồi cũng ưng thuận. Hôm bố đưa Chung Nhi sang thầy làm lễ, phải lễ thánh rồi đến lễ thầy, Chung Nhi lại lục vấn một thôi:

- Thánh là ai có hơn trạng không đã.

Thầy đồ nói:

- Nhất thánh nhì trạng.

Bấy giờ Chung Nhi mới quỳ.

Khi bố bắt lễ thầy đồ, Chung Nhi khăng khăng không chịu, vì đã biết thầy đồ không bằng trạng. Thấy đồ thấy thế bảo rằng:

- Tiên học lễ, hậu học văn.

Ông bố đỡ lời:

- Thừa thầy cháu ở nhà chỉ quen chơi đùa với trẻ, chưa được hiểu lễ phép. Xin trăm sự nhờ thầy bảo ban cho.

Thầy đồ lại nói:

- Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn. Phải có đòn thì mới vào khuôn phép được. Chung Nhi nghe thầy

nói thế lấy làm khó chịu, cứ đẩy đẩy kéo áo bố đòi về. Ông bố lại phải cố sức dỗ dành, mãi sau Chung Nhi mới chuyển, lại hỏi:

- Thế phải học mấy ngày thì thành thạo?

Thầy đồ buồn cười nên cũng nói xuôi:

- Cố học lấy dăm bữa, nửa tháng thì thành thạo thôi.

Chung Nhi bằng lòng.

- Bài học khai tâm thầy dạy Chung Nhi chỉ có tám chữ: *Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng* mà Chung Nhi học suốt năm bảy hôm liền lại thành ra: *Thiên tích thông minh, thánh nằm chổng gọng*, làm cho thầy đồ bực mình bắt nằm đánh mấy roi. Chung Nhi sợ đòn nằm chổng cẳng lên trời, chân tay giãy giụa, mồm miệng cuống quýt:

- Thiên tích thông minh, thánh nằm chổng gọng...! Thiên tích...

- Thầy đồ thấy ngộ nghĩnh quá, phì cười ném roi xuống tha.

Tính Chung Nhi rất mải chơi, nhưng lại tài biến báo. Những hôm vắng thầy, Chung Nhi lại bày trò rước trạng chơi với bạn bè. Một lần thấy bắt được cả bọn đang chơi, chúng sợ đòn, hốt hoảng bỏ chạy cả. Chỉ có Chung Nhi đứng trơ lại một mình. Thấy hỏi sao các trò lại đùa phá âm ỉ thế kia. Chung Nhi nhìn

thăng vào thấy, trả lời ráo hoảnh:

- Chúng con *tập lễ* ạ!

Thế là thầy không thể bắt bẻ được, lại tha.

Một lần khác, thầy giao nhà cho Chung Nhi coi. Có một ông khách đến hỏi thầy. Chung Nhi ngồi trong nhà đáp:

- Thầy đi vắng, chỉ có trạng ở nhà.

Ông khách nhòm vào, thấy có một đứa bé con, bèn hỏi;

- Trạng đâu?

- Trạng đây chứ đâu nữa!

Ông khách ngạc nhiên.

- Ô Trạng đấy ư? Trạng học đến đâu rồi?

- Trạng thông suốt trời, đất.

- Vậy trời là gì, đất là gì?

Trạng vỗ tay cười âm lên:

- Ông khách này không chịu đi học rồi! Trời là *thiên*, đất là *địa* thế mà cũng phải hỏi.

- Ông khách bực mình:

- Thằng này trẻ con thực!

- Thế ông là người lớn thì tôi đổ ông biết trên trời có gì, dưới đất có gì?

- Trời có trăng sao, đất có núi sông chứ gì!

- Ô! Thế thì đúng là ông chưa đi học. Trên trời có hai người, còn dưới đất có một học trò.

- Ai bảo thế?

- Thánh bảo chứ ai bảo. Chữ nghĩa thánh hiền *thiên* là *nhị nhân*, *địa* là *sĩ dã* còn gì.

Ông khách thấy Chung Nhi nói năng linh hoạt, biện thuyết tài tình, cũng có vẻ hay hay, chẳng là chữ *thiên* (trời) tựa như chữ *nhị* (hai) ghép với chữ *nhân* (người).

Còn chữ *địa* (đất) gồm chữ *thổ* ghép với chữ *dã* nhưng chữ *thổ* lại gần giống chữ *sĩ* (học trò) cũng có thể chấp nhận được - bèn hỏi tiếp:

- Thế hai người trên trời là ai? Còn người dưới đất là ai?

- Hai người là ông trời và bà trời. Còn người học trò dưới đất là tôi chứ còn ai!

Ông khách đành chịu không hỏi nữa.

Chung Nhi học với thầy đồ vừa hết quyển "Tam tự kinh", đinh ninh là đã học hết sách, bèn bỏ về đòi cha mẹ cho đi thi. Bố mẹ cố tìm hết cách khuyên ngăn bắt quay lại nhà thầy học tiếp, nhưng Chung Nhi cứ nhơn nhơn tự đắc tưởng như mình đã nắm chắc trạng nguyên, nên không chịu nghe lời. Ông hàng thịt thấy con không chịu học, rất buồn thầm nghĩ đúng là "giỏ

nhà ai, quai nhà nấy", đành cam phận. Từ đấy ông lại bắt Chung Nhi đi theo học việc với mình.

Chung Nhi theo bố đi làm hàng được thoải mái tự do, coi bộ thích thú lắm. Chỉ mới một vài ngày mà tất cả những sự làm ăn, mua bán, chào mời, pha thịt, chộc tiết đều mau chóng thành thực, tinh thông.

Một lần Chung Nhi theo bố sang làng bên, đến nhà một ông quan trí sở mua lợn. Bà quan đi vắng, chỉ có mình ông quan đương ngủ ở trong nhà. Nghe có người ồn ào, ông quan tỉnh giấc, mắt nhắm mắt mở quay ra hỏi. Biết là có người đến mua lợn, nhưng vì vừa ngủ dậy nên quan cũng chẳng mặn mà. Ông ta đứng dậy ngáp dài, đưa tay dụi mắt rồi vuốt từ mặt xuống cằm, rẽ chòm râu ra làm đôi, lại búi mớ tóc xoắn tung cho gọn, chẳng nói chẳng rằng lững thững vào nhà trong.

Trông thấy thế, Chung Nhi liền bảo bố rằng:

- Quan lớn bán rồi đấy!

Bố hỏi lại:

- Sao mà biết?

- Thế thấy không thấy à? Quan thấy ta là dân hèn, khinh không thèm nói chỉ ra hiệu là lợn giá 18 quan. Mua được thì vào chuồng mà bắt.

Ông bố bán tén bán nghi, nhưng trạng cứ giục, nên xếp sẵn 18 quan tiền ra sân rồi vào bắt lợn. Bỗng

bà quan ở đâu sùng sục về, thấy thế hỏi:

- Ai bán lợn cho anh mà bắt đấy?

- Bẩm bà, quan lớn bán ạ.

- Quan bán bao nhiêu?

- Bẩm, quan lớn truyền 18 quan. Chúng con đã chôn tiền đủ ạ.

Bà quan nghe nói vội chạy vào hỏi ông:

- Sao lợn từng ấy mà ông bán có 18 quan?

- Nào ai có bán chắc gì cho nó!

Bố con Chung Nhi bị gọi vào mắng, nhưng Chung Nhi đã lễ phép thưa:

- Bẩm, chúng con thấy rõ ràng là quan lớn lấy tay vuốt ngang mặt lại vuốt xuống dưới, lại rẽ râu làm đôi, rành rành là chữ thập bát. Quan còn búi tóc rồi trở vào thì đúng là bảo chúng con thuận thì cứ vào chuồng mà trói lợn, nên mới dám bắt đấy ạ.

Ông quan ngó cả người nhưng thấy cậu bé biện bác giỏi, nên bèn nói với quan bà, hai ông bà cùng đồng ý bán lợn cho.

Theo nghề với bố được 2 năm thì bố đau nặng, qua đời, từ đó chàng đau khổ, chán chường bê trễ cả công việc. Hàng ngày Chung Nhi rủ bạn bè đến uống rượu giải khuây. Bà mẹ vốn hiền lành thấy con xót thương cha, nên không muốn làm con đau khổ. Nhưng

anh ruột và chị dâu thì có ý không hài lòng. Chung Nhi cũng biết thế, nhưng giả như không. Mãi đến một hôm, cả anh, cả chị mới lựa lời khuyên bảo:

- Thôi cha đã không may về sớm, chú thời chưa có vợ con, mà lại không chịu sửa mình cho mẹ già yên dạ. Hãy chịu khó cùng anh chị buôn bán làm ăn đừng quá ham chơi bời, mà hoài công mẹ cha, thiệt mất một đời thông minh!

Chung Nhi ngật ngưỡng đáp lại:

- Xin anh chị đừng bận tâm chi lắm thế. Chỉ mai mốt là em sẽ làm nên, lúc ấy khối vợ, khối tiền. Mẹ và anh chị sẽ được sung sướng.

Người anh thấy em ngông nghênh quá, phát gât:

- Chú thì làm nên được cái gì! Làm nghề pha thịt còn chưa nên nữa là!

- Anh tưởng em không trở nên trạng đó chắc?

Chị dâu cười:

Trạng ngữ, trạng nghĩa thời chưa, còn trạng rượu, trạng thịt thì chú làm lâu nay rồi!

- Anh chị đã nói thế, thì mai kia em làm trạng cho mà biết!

Nói xong, bực lắm bỏ đi luôn. Sáng hôm sau lại thấy "trạng" mò về. Chị dâu bèn chào cợt:

- Chú đã đi về rồi đấy à? Sao đỗ trạng mà không

thấy vỗng lòng?

Chung Nhi nghe nói ức lên tận cổ, không biết nói lại thế nào! Một lát, vào trong nhà, tấm tức với mẹ:

- Lạy mẹ! Con là con trai mà chưa lo báo đền cha mẹ, lại để cái lo cho mẹ, cho anh chị thế này. Thôi thì xin mẹ cho con đi, bao giờ làm nên con sẽ trở về, bằng không xin mẹ tha cho con tội bất hiếu! Nói rồi lạy mẹ, chào anh chị gạt nước mắt ra đi.

Vì buồn bực nên Chung Nhi không cần biết đi hướng nào, đường nào, nhưng đi mãi thì hóa ra gặp đường thiên lý. Đang chưa biết đi xuôi hay ngược, bỗng Chung Nhi nhìn thấy mấy người có vẻ học trò, dáng bộ đạo mạo đi đứng tử tế bèn tiến lại vái chào làm quen:

- Chẳng hay các ngài đi đâu, mà thấy thấy tớ tớ như vậy?

- Chúng tôi thấy kình đi thi. Thế còn thầy đi đâu?

- Thưa, tôi cũng thấy kình.

- Nếu vậy xin mời thầy đi cùng cho vui vẻ.

Ba người kết làm bạn, ngày đi đêm nghỉ và rất vui vẻ tương đắc. Một hôm trời về chiều, họ cùng dừng lại trọ ở một quán hàng. Ở đây vẫn hay có quân trộm cướp lai vãng. Đêm ấy cả mấy người đều mệt, lăn ra ngủ say như chết. Chung Nhi cũng vậy nhưng lại nằm mơ, đột nhiên choàng dậy thét to:

- Bắt lấy nó! Trói lại, chọc tiết!

Tiếng hét oang oang làm cả nhà giật mình tỉnh dậy hết. Tên kẻ trộm đang rình dưới phản tường bị lộ vội vàng chui ra, lạy xin tha. Kiểm lại hành trang, cả đám khách trọ chưa ai mất gì, ai nấy đều rối rít cảm ơn Chung Nhi. Còn hai anh bạn đồng hành thì quý mến Chung Nhi vô cùng, gắn bó như anh em.

Lại một hôm mấy chàng đi vào một làng tìm chỗ trọ. Cột cổng làng có viết ba chữ to "Thủ chư dư" nghĩa là "lấy theo quẻ Dư". Trạng không đọc, chỉ nghe bạn nói loáng thoáng chữ "thủ" chữ "trư" nên hiểu là đầu lợn, bèn bảo hai người kia rằng.

- Tối nay ta được ăn thủ lợn.

Hai người kia tưởng Chung Nhi đùa không tin nhưng Chung Nhi vẫn nói như đinh đóng cột:

- Thế nào cũng được ăn.

Tối ấy, thế nào họ lại trọ đúng vào nhà cụ tiên chỉ. Gặp tuần tế xuân của làng, cụ tiên chỉ được biếu một thủ lợn, thấy có khách bèn đem ra thết luôn. Hai thầy khóa cùng đi phục tài sát đất. Chung Nhi chỉ thủng thủng cười:

- Trạng thì có gì mà không biết trước đâu.

Chiều hôm sau họ lại đi tới một làng. Cả ba người định cùng vào xin trọ. Bất đồ, lúc qua đình, Chung Nhi lại giục mọi người rào chân nhanh.

- Đi mau trọ chỗ khác. Làng này bất yên!

Hai người bạn ngạc nhiên. Chung Nhi chỉ tay vào tấm bia trước đình. Ở đây khắc hai chữ "hạ mã" (nghĩa là "xuống ngựa"). Các bạn thấy Chung Nhi đọc nhầm định cười, nhưng bị Chung Nhi quyết lời đi đành theo. Vừa ra đến đồng, quả nhiên thấy trong làng phát hỏa. Từ đấy họ càng phục, cho là có thần linh báo trước, chứ không thì làm sao người có học như trạng mà lại nhìn "hạ mã" thành "bất yên"?

Một lần khác họ trông thấy một cảnh chùa thâm nghiêm tĩnh mịch, bèn rủ nhau vào thăm. Đến nơi trời vừa tối, trăng lên, phong cảnh càng nên quyến rũ. Nhà sư mời đón cả bọn đưa đi xem khắp mọi nơi. Đến một chỗ vườn cây xum xuê tốt tươi, có hồ sen, có liễu, trúc vô cùng thoáng đãng khiến các chàng đều vô cùng thích thú. Nhà sư đưa bút giấy mời các thầy đề họa. Hai người kia, một người làm thơ, một người đề chữ. Chữ rằng "Phong nguyệt vô biên". Chung Nhi cũng nhận giấy bút, song không biết làm thơ, chợt nhớ luôn mấy tiếng lóng của nhà hàng thịt bèn viết luôn bốn chữ "Thâm tình lập lá". May sao, do nhớ nhầm mặt chữ nên chữ "lập" viết thành chữ "huyền", chữ lá chệch ra chữ "lý" (chữ Hán tự dạng gần giống nhau) hóa ra được bốn chữ là "Thâm tình huyền lý" nghĩa là "tinh thông sâu sắc, lẽ đạo huyền diệu" thật là hợp nghĩa, hợp cảnh nhà chùa. Nên chị nhà sư vô cùng hân

hoan. Cả bốn người cùng nhau phẩm bình, ngâm ngợi mãi đến nỗi Chung Nhi cũng nhập tâm tất cả thơ chữ của hai bạn mình.

Sáng hôm sau ba chàng từ biệt nhà sư ra đi, lại gặp một trang trại đông vui sầm uất. Nhìn vào, Chung Nhi nhác thấy một cô gái vô cùng yếu điệu đang ở trong vườn hái hoa, bèn rủ hai người kia cùng vào coi mặt. Nhưng khi đã vào vườn thì chẳng thấy bóng ai! Cả ba đều tiếc nuối, nhưng không dám đường đột, đành trở ra đi tiếp. Chỉ có Chung Nhi trong lòng vẫn quyến luyến, nên đi được một quãng sực nghĩ ra một mẹo, nên bảo hai người kia rằng:

- Hình như ở làng gần đây tôi có một người bà con nên muốn ghé thăm. Giá như hai bác cùng đi cho vui thì hay lắm. Chẳng biết hai bác có thuận chăng?

Hai người bạn đường ngại sự phiền hà đều lấy có kỳ thi sắp tới, sợ quá vui lỡ bước, nên từ chối cả. Thế là Chung Nhi tạm biệt hai người, hẹn sẽ gặp sau.

Trở lại tìm người đẹp, Chung Nhi lân la dò hỏi, biết vườn hoa kia là của quan tướng họ Bùi cùng ở với con gái cấm cung. Chung Nhi mừng lắm, nên xăm xăm trở lại vào vườn trông ngó. Bất đồ khi ấy, Bùi tướng công cũng đang vắn vợ dạo cảnh, thấy một nho sinh cũng thơ thẩn ngắm hoa. Mặt mũi chàng rất khôi ngô, khiến tướng công thấy cũng cảm tình bèn gọi hỏi tử tế:

- Nhà người đi đâu mà lạc vườn ta?

Chung Nhi thưa;

- Chúng tôi thấy kinh thư, nhân qua đây thấy vương cảnh của tướng công đẹp lắm, nên mạo muội vào xem. Không ngờ ngài bắt gặp, xin ngài thứ lỗi. Bui tướng công nghe nói từ tốn lễ phép nên trọng lắm, mời Chung Nhi đi dạo xem khắp vườn, lại dẫn đến nhà thủy đình sai người đặt rượu, làm tiệc đãi. Nhà thủy đình vốn là nơi tướng công đặt ra làm nơi kén rể. Nhưng chưa có đám nào vừa ý cả cha con. Nay thấy Chung Nhi có vẻ nho phong, nên tướng công mời vào đây có ý thử tài. Chung Nhi vì chưa rõ ẩn ý nên rất tự nhiên, cùng Bui tướng công uống rượu, thưởng hoa, lại cùng ngâm vịnh. Bao nhiêu thơ của hai bạn đường chàng nhớ được đều đem ra đọc dong dóc như ngọc rụng, châu sa. Bui tướng công đẹp ý vô cùng bèn ướm ý muốn gả con cho.

Chung Nhi nghe sướng như mở cờ trong bụng, nhưng vẫn lập nghiêm đứng dậy thưa rằng:

Bẩm tướng công, tôi tài hèn đức mỏng, sợ chưa được xứng đáng. Nhưng tướng công đã gạt đi mà rằng;

- Đừng nói khiêm nhường mà phụ lòng ta.

Chung Nhi biết Bui công thực tình, nhưng vẫn tìm lời làm ông thêm đẹp bụng:

- Thưa vâng, ngài đã có lòng yêu, con đâu dám

trái lệnh. Nhưng nay khoa kỳ gần tới, xin cho con được cố giành lấy một bông hoa vườn ngự để về cắm ở vườn nhà. Vả chăng, con trên còn mẹ già, nghĩ mình chữ danh chưa thành, mà đã quyến ái thê nhi như vậy sợ chưa phải nhẽ.

Ở trong rèm tiểu thư đã trông, nghe mọi chuyện thấy Chung Nhi quả là người đức độ nghiêm trang, rất lấy làm mừng. Bùi tướng công cũng thấy Chung Nhi ngỏ được lời hay, rất đẹp ý nên càng quý trọng, không ép phải thành thân vội vã.

Canh khuya tan cuộc, trạng được đưa vào phòng sách nghỉ ngơi. Phòng sách này vốn là chỗ tập viết, xem sách của tiểu thư. Trên vách có một tờ giấy, một bên đề chữ sẵn "Bát đao phân mẽ phẩn", còn một bên đang trống hàng. Đó là một vế thách đối nhằm thử tài những tài tử và văn nhân đến cầu hôn, nhưng chưa ai đối được. Chung Nhi vào đến đấy ngó thấy dòng chữ, đọc lướt thấy chữ "phẩn" biết đấy là tên tiểu thư. Nhìn mé bên thấy tờ giấy có chỗ lưu không bèn cầm bút đề luôn tên mình là "Chung" bên cạnh. Xong, quẳng bút nằm ngủ liền.

Quả là số gặp may! Chữ "Chung" vốn là do các chữ: *Thiên, lý, trọng, kim* ghép lại, mà chữ "Phẩn" là do các chữ: *Bát, đao, phân, mẽ* hợp thành. Tự nhiên vế thách đối là *Bát đao phân mẽ phẩn* được đối với *Thiên*

lý trọng kim chung thành một câu đối hoàn chỉnh cả luật, cả chữ lẫn nghĩa. (Dịch là Tám con dao chia một hạt gạo đối với Nghìn xóm làng trọng quả chuông vàng).

Tiểu thư vốn đã chín phần ưng, nay qua cửa nhác thấy chữ của Chung Nhi đồ, càng lấy làm xứng ý.

Hôm sau trở dậy, Chung Nhi thầm nghĩ phải gấp xin đi, sợ tướng công lại bắt làm văn, đề thi thì chẳng có bao lâu chữ nghĩa! Cầm giữ mãi không được, cả tướng công lẫn Phấn Khanh đành đặt tiệc tiễn chàng. Trước khi lên đường Phấn Khanh cố nèo Chung Nhi đề nốt cho xong vế câu đối (bởi trước mới viết có một chữ). Nhưng Chung Nhi nói:

Thôi, tôi tưởng như vậy cũng là đủ. Bất tất phải đề thêm. Và bây giờ người tuy ở đây, nhưng chí ở nơi khác, nếu muốn đề nốt xin thông thả để sau.

Chung Nhi nói có lý quá chừng, nên tiểu thư càng lấy làm tôn trọng.

Từ biệt Bùi Công và người yêu, Chung Nhi vui vẻ nhằm hướng kinh đô thẳng bước. Nhưng vì quá hân hoan thành lạc mất đường. May thế nào tìm mãi chàng mới gặp một cụ già, hỏi thăm. Cụ già vốn là người hiểu biết rộng, thường đi khắp đó đây nên biết khá rõ tình hình dân chúng và triều đình, nghe Chung Nhi nói là định đi thi, bèn kéo lại cùng đàm đạo. Tính

Chung Nhi hay chuyện, gặp được người đạo cốt tiên phong, thích lắm. Qua câu chuyện Chung Nhi mang máng biết trong triều nhà vua thánh thể bất an bèn ghi nhớ rồi theo chỉ dẫn của cụ già từ biệt mà tiến kinh.

Ra đến kẻ Chợ, vì chưa đến kỳ thi, Chung Nhi phải tìm cách sinh nhai độ nhật, bèn thuê một căn lầu mở hàng xem bói kiếm tiền. Vốn là người miệng lưỡi linh hoạt, quyết đoán nhanh, nên mười điều nói ra cũng trúng vài bốn chỗ. Thành thử khách đến khá đông. Tình cờ thế nào hai anh bạn đường nghe tiếng cũng tìm vào, nhớ mấy chữ "Thâm tình huyền lý" mà trạng viết ở chùa đạo nọ, cùng những lần ứng nghiệm nào xơi thủ lợn, nào "hạ mã bất yên" bèn nhờ Chung Nhi đoán xem ai đỗ ai trượt.

Chung Nhi cười:

- Các ông năm nay chẳng ai trượt mà cũng không ai đỗ.

Hai người ngạc nhiên không hiểu làm sao.

Chung Nhi nói:

- Tôi lên đây cũng định giật chơi lấy cái trạng nguyên. Nhưng vừa mới bói một quẻ "Lục hào cân động" xem ra khoa này tất hoãn.

Hai người hỏi:

- Sao thế?

Chung Nhi nói:

- Không có đâu.

Hai người càng không hiểu mô tê, mới hỏi lại trạng bèn ghé tai:

- Bề trên thánh thể không an.

Hai người nọ ngẫm ra Chung Nhi nói "không có đâu" ắt bởi chữ "quần long vô chủ" là chữ dùng ở quẻ Càn của kinh Dịch!

Tuy nhiên trong bụng họ vẫn nửa tin nửa ngờ. Dem khảo chuyện cùng sĩ tử bạn bè, ai cũng cho là nói láo, không tin. Bỗng mấy hôm sau tại Nhà học (Quốc tử giám) có chỉ giáng niệm, thì đúng như lời Chung Nhi nói trước. Đám học trò đều lè lưỡi, lắc đầu khen thầy bói đoán tài.

Từ đó tiếng đồn về ông Trạng Bói nổi khắp gần xa, ai ai cũng ca ngợi. Vào khi ấy có một viên quan thượng bị mất một con ngựa quý. Ngài tiếc vô cùng, đã cho người đi tìm nã khắp nơi, song vẫn không sao thấy lại. Nghe tiếng Trạng Bói đoán tài, bèn cho người tới xem.

Vừa gieo quẻ trạng đã hỏi liền:

- Mất trộm phải không? Những tên trộm ta đã biết cả. Nhưng quẻ này thì phải nhiều tiền. Sáng mai đem đến đây ta sẽ chỉ cho.

Nói về tên trộm, đã bắt được ngựa giấu đi rồi nhưng

vì quan thượng cho người đi tìm gấu quá, chưa dám bán, bây giờ lại nghe quan đi nhờ trạng Bối nên cũng hoảng. Hắn bèn tìm đến nhà trạng Bối nấp sẵn một chỗ để thăm dò. Đêm ấy, trạng cũng thức nghĩ kế cho sáng mai nhưng chưa biết làm sao cho đẹp, bỗng sực nhớ đến bài trong sách "Tam tự kinh" ngày trước có nói đến chữ "mã" (ngựa) nên buột đọc lên: "Nhân sở tự, mã ngư dương, thử lục súc". Cứ thế lầm nhảm mãi⁽¹⁾. Thằng trộm ấy, vô phúc lại có tên là Sở, mà tên chứa ngựa là thằng Lục. Cậu trộm đứng ngoài nghe loáng thoáng trạng đọc nào Sở, nào Lục, nào mã ngữ là trạng đã biết tên mình, hết cả hồn vội lách cửa chui vào. Trạng thấy động, giật mình ngó ra thấy bóng người bèn thét lớn:

A! Trộm! Trộm.

Anh kia thấy trạng gọi đích thị càng hoảng, vội sụp lạy như tể sao, kêu xin trạng thương cho. Trạng cũng vừa hoàn hồn, kịp trấn tĩnh hỏi han cận kề. Tên trộm khai hết mọi nhẽ, chỉ mong trạng tha.

Sáng hôm sau trạng đem tất cả những điều tên trộm khai, nói ra vanh vách. Ông quan tìm được ngựa

(1) Nguyên câu trong "Tam tự kinh" là "Mã ngư dương", khuyến thử thử lục súc nhân sở tự" nghĩa là người ta nuôi sáu con vậy là ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn", Trạng nhớ cũng không hết chỉ đọc được như trên.

quý, phục trạng vô cùng.

Trạng còn làm cách này thêm một lần nữa khi bói tìm đôi vòng ngọc quý cho công chúa, chỉ đích tên thằng Quýt, thằng Cam vốn là kẻ hầu người hạ trong nhà phò mã lấy trộm. Từ đấy lại càng nổi tiếng hơn, nhờ vậy mà kiếm sống dễ dàng.

Ở kinh kỳ lâu ngày trạng cũng kết thân với mấy người bạn. Mấy ông bạn này mỗi người có một tài riêng và đều tự xưng trạng như Chung Nhi. Đó là Trạng Ăn, Trạng Vật và Trạng Cờ. Họ thường gặp nhau chuyện trò, ngắm cảnh và luận bàn thời thế.

Một lần cả bốn trạng đi chơi khuya ở phía ngoại thành, đến canh ba bỗng thấy phía nội thành nhốn nháo. Trong thành có đám cháy lớn, lửa bốc mù trời. Cả bốn trạng kéo nhau chạy tới xem, bỗng thấy một người, mặc áo thêu rồng từ cửa thành đang xông vừa thoát ra cuống quýt chạy, vừa kêu cứu mạng.

Trạng Bói cùng các trạng chạy đến lập tức ghé vai cõng luôn người này đem trốn giấu ở một chùa xa. Sáng ngày yên ổn hỏi ra, cả bốn người mới hay là họ cứu được vua chạy nạn. Thì ra trong triều đang có cuộc tiếm vị, một hoàng thân chiếm được ngôi vua, nên vị vua này phải đi trốn.

Vị hoàng thân nọ tự lập làm vua, nhưng không được lòng dân, nên chỉ ít bữa sau đã bị một số trung

thần tìm cách đánh đuổi, phải bỏ chạy. Triều đình cử người đi dò la tìm tung tích của vị Hoàng đế mà các trạng đang cư mang. Bấy giờ trạng Bối mới nhận tin để triều đình đón Hoàng đế về lập vua mới.

Vua lên ngôi xong, nhớ những kẻ có công bèn giáng chỉ phong tặng. Đến lượt Chung Nhi, Chung Nhi không chịu nhận chức gì, vua nhớ ơn cứu mạng, gắng hỏi thiết tha, cuối cùng Chung Nhi chỉ xin được vua ban cho hai chữ trạng nguyên để lấy tiếng. Vua bằng lòng lập tức giáng chỉ phong ngay.

Có người tâu với vua rằng:

- Trạng nguyên là để đãi những người khôi giáp. Quan tước là để đãi người có công. Có lẽ đâu không đỗ, không thi mà lại gọi là trạng được?

Vua không nói gì, nhưng một lần ngự chơi chùa, nhân lên gác thấy có một quả chuông to và nặng bèn đọc một câu rằng:

- Thiên lý trọng kim chung.

Rồi ngài ngoảnh lại hỏi các quan đối với gì thì hay. Các quan nghĩ chưa kịp thì trạng nhân nhớ tới câu "Bát đao phân mễ phấn" ngay nọ bèn tiếp lời vua đọc ngay lên. Các quan người nào người nấy đều ngẩn mặt ra cả.

Vua bèn hỏi:

- Như câu ấy đã đúng là trạng chưa?

Các quan đều chịu là hay. Liền đó, vua lại hỏi:

- Trẫm ngày trước thoát khỏi hoạn nạn đã được lánh tại chùa này, bây giờ trẫm muốn tu bổ, đặt lại tên chùa để ghi nhớ về sau, nhưng chưa biết đặt thế nào cho phải?

Trạng lại tâu luôn:

- Muôn tâu, xin đặt là chùa thánh chúa.

Vua nghe, càng lấy làm bằng lòng, khen:

- Ủ, thế thì đúng là trạng rồi!

Ngài về triều, lập tức phê ba chữ "Chân trạng nguyên" (trạng nguyên thật sự) cho trạng về vinh quy.

Thấy trạng được vua yêu, có một vị quan thái sư trong triều. Họ Dương thân thế, muốn kết thân với trạng cho thêm vây cánh, nên ngỏ tin sẵn lòng gả con gái cho. Trạng vốn nghe thái sư là người gian xảo, nên khẳng khăng từ chối, lấy cớ là đồng họ và đã có vợ tao khang không thể phụ tình. Thái sư bị bề mặt nên để tâm, tìm cách hãm hại trạng.

Trạng vinh quy bái tổ, đến Bùi, trạng xin đưa Phấn Khanh về lạy mẹ để thành hôn. Cả mẹ, cả anh chị lẫn hàng xóm thấy trạng đã nên người đều vui mừng khen là người có chí.

Gia đình vợ chồng anh em Trạng đang vui vầy đầm ấm. Bỗng Trạng được chiếu chỉ triệu gấp về kinh. Cả Bùi tướng công bố vợ của Trạng cũng được triệu

hồi. Thì ra chuyện do một tay Dương Thái sư mà ra cả.

Chẳng là trước Dương Thái sư đã có hiềm cùng Bùi tướng công. Bấy giờ lại nghe nói trạng lấy con gái họ Bùi, mà không nhận lấy con mình nên y thù cả bố vợ lẫn con rể. Gặp luôn được cơ hội biên cương có giặc quấy nhiễu phương nam, nên Thái sư tìm kế tâu vua, đẩy cha con Trạng ra chống giữ. Cha con Trạng đều biết ý xấu của Thái sư nhưng đều lấy việc nước nhà làm trọng, vâng chỉ. Trạng được cử làm tham tán quân vụ còn Bùi Công làm khâm sai kinh lược có quyền chém trước tâu sau.

Trạng về đặt tiệc mời bạn bè, cử Trạng Vật làm tiên phong, Còn trạng Ân, Trạng Cờ đều làm bộ tướng cho mình. Bấy giờ trong quân có một võ sĩ khỏe mạnh to lớn thấy Trạng Vật nhỏ bé mà được lĩnh ấn tiên phong, nên ngấm ngấm không phục đòi xin Trạng cho thử sức xem sao. Trạng Vật nghe vậy cũng rất bực mình. Thế là hai bên đều xin đấu thử, Trạng xin vua cho phép, nhưng giao hẹn chỉ được đấu sức chứ không được đấu gươm. Khi vào cuộc, Trạng Vật thấp người dùng miếng nằm bò, người võ sĩ kia dùng miếng không được bị Trạng vật xông vào gạt mạnh ngã chổng cẳng. Tả hữu hai bên đều reo âm cả lên. Vua lập tức phong Trạng Vật là "Giao trật trạng nguyên"⁽¹⁾ lĩnh ấn tiên phong cho đi tiên đạo.

(1). Xem thêm truyện Trạng Vật.

Quân lương đã sẵn sàng đầy đủ. Trạng vào tạ vua lên đường. Nàng Phấn Khanh cũng xin được theo chồng, Trạng cũng chấp nhận.

Bùi tướng công tin vào tài con rể, nên mọi việc đánh dẹp đều giao cả cho Trạng tự quyền. Quân của trạng mạnh lại có khí thế, nên đi đến đâu giặc đều bỏ chạy cả. Nhưng cũng có nhiều lần trạng gặp phải sức kháng cự rất căng. Quân giặc ở vùng rừng núi, có tài thuần dưỡng voi, hễ lúc nào bí là lừa voi ra trận. Những lúc như vậy quân của Trạng lại phải chạy dài. Thành thử đánh chác mãi mà vẫn bình định không xong. Trạng buồn rầu nhưng nghĩ không ra kế. Nàng Phấn Khanh bàn với chồng chia quân thành từng toán nhỏ, sắp sẵn câu liêm, búa sắt, hỏa hổ (một thứ thuốc nổ) phục theo đường hẻm, lại đào đường thành hố, phủ cỏ lên trên, cho một ít quân giả tải lương thực, trâu dê tản mạn kéo đi. Quân giặc vốn tham lam thấy bên Trạng ít người, nên ùa ra tranh cướp. Bấy giờ Trạng mới phát lệnh cho đánh rất khiến cho chúng bị một trận kinh hồn, quân chết, voi sa không biết bao nhiêu mà kể. Giặc bị một trận thua lớn, không dám đánh nữa, cứ củng cố thành cao hào sâu hoãn binh làm cho quân Trạng sinh ra chán nản, trễ tràng. Phấn Khanh lại bàn với chồng nhân kế giặc mà làm kế mình. Sáng hôm sau Trạng truyền lệnh đi các doanh trại phải chia quân thay nhau vào rừng chặt củi, phát

cỏ cấy trồng lương thực. Sau một tháng, củi bị chặt đã khô rang, lúa đổ đã lên xanh thì trạng truyền lệnh lui quân.

Quân do thám của giặc tướng thật về báo lại. Chúng họp bàn quyết tung quân chặn đánh quân trạng một trận toại bời. Không ngờ, đấy chỉ là một mẹo lừa. Quân giặc bỏ trại ra thì quân trạng đã vòng đường tắt chiếm mất. Trạng chia quân hai đầu ập lại thành một trận đánh kinh hồn. Trạng nổi hỏa hiệu, quân Trạng đốt hết củi nỏ, cỏ khô thành một đám cháy lớn làm quân giặc hoàn toàn khiếp đảm. Trạng thừa thắng kéo quân một mạch xuống tận kinh đô giặc làm chúa giặc phải tự trời xin hàng. Từ đó trở đi cả hai nước đều yên. Trạng Lợn cho khải hoàn. Nhà vua gia phong thêm chức tước bổng lộc cho tất cả tướng sĩ.

Lại nói về Dương thái sư vì tư thù mà xúi bẩy để cha con trạng phải một phen vất vả. Ý những tướng họ đều phải bỏ mạng ngoài trận, nhưng không ngờ Trạng lại thắng trận trở về nên trong lòng càng tức tối, tìm đủ cách dèm pha. Nhưng thật bất ngờ đám giặc bị trạng đánh tan sợ tội với vua, nên dâng thư tố cáo là chính Thái sư đã xúi bẩy họ làm loạn để ăn cánh với tên hoàng thân chiếm ngôi đạo nào. May vì Thái sư cũng còn có chút quan hệ họ hàng riêng tây với nhà vua, nên chỉ bị cách hết quan tước bỏ ngục mà không bị xử chém.

Đất nước trở lại thái bình, dân cư yên ổn, vua rất vui mừng nên sai sứ sang sửa lễ giao hảo với Tàu. Tàu cũng cho người sang đáp lễ. Sứ Tàu sang bên ta lại muốn đấu trí để thử tài người Nam trước hết là sứ đòi đấu cờ, vì sứ Tàu cao cờ lắm. Nhà vua vốn cờ thấp có ý lo mới hỏi trạng. Trạng tâu:

- Xin đức vua cứ phúc thư trả lời định ngày hội đấu, thần sẽ có cách để bệ hạ thắng được.

Ngày hội cờ, Trạng đã chuẩn bị cẩn thận, đưa Trạng Cờ vào che lọng cho vua. Trên tán lọng, Trạng đã dùi lỗ để bóng nắng xuyên qua, lại vì đấu ở giữa sân rộng, nên hễ Trạng Cờ xoay lọng đi bóng nắng đến chỗ nào là vua đi đúng ngay nước ấy. Quả nhiên chỉ cần mỗi ván vài bốn nước là sứ Tàu bị vào nước chiếu dòn ngôi ngấn mặt ngay râu, chịu thua cuộc. Vua liền gia phong ngay cho Trạng Cờ danh hiệu trạng nguyên cờ⁽¹⁾.

Sứ Tàu thua một lần nhưng vẫn chưa chịu, y sai lấy một cây gỗ như thế...như thế...bào nhẵn cho bằng đầu bằng đuôi rồi quét sơn kín lên, đề vào đó ba chữ "Hồ bất thực" rồi đem hỏi đó là cây gì ? Chưa ai ngẫm nghĩ ra thì Trạng đã nói:

- Hồ bất thực là cáo chẳng ăn. Cáo chẳng ăn thì cáo đói. Cáo đói thì cáo gầy, cáo gầy là cây gạo! Chẳng

(1). Xem thêm truyện Trạng Cờ

tin cứ bỏ ra xem.

Sứ Tàu chịu tài, vì đó quả là cây gạo thực. Từ đó không dám thử gì nữa.

Triều thần thấy trạng có tài nên đến kỳ đi sứ Trung Hoa, tất cả mọi người đều nhất lòng đề cử trạng. Vua chuẩn tâu và cho phép Trạng chọn lấy phó sứ cho mình. Nguyên Trạng Ân⁽¹⁾ vốn dĩ là ông Trạng văn chương chữ nghĩa tiếng tăm, lại là người cùng cánh với Trạng, nên Trạng tin tưởng hơn liền dâng biểu xin chọn ông ta đi cùng. Vua cũng chuẩn tâu. Hai Trạng lên đường.

Khi đi đến cửa Nam Quan, quân giữ ải không chịu mở cửa. Chúng xì xồ xì xồ một chốc rồi trưng ra một cái biển đề chữ "thập" và lấy tay chỉ bốn hướng nam bắc đông tây. Ý của chúng muốn thách sứ ta có đối được mới chịu mở cổng thành. Trạng không hiểu chúng muốn nói là chữ "*Tung hoành vũ trụ*" nhưng thấy động tác cử chỉ ngang dọc có vẻ phách lối, thì sai người làm một cái vòng giơ lên. Quân giữ ải tán ra rằng, vòng tròn thấu tóm cả trời đất, thế là ý "*bao quát càn khôn*" chịu rằng trạng giỏi chữ, nên lập tức mở cửa nghênh tiếp.

Đoàn sứ bộ tiếp tục hành trình được một đôi đường thấy một người con gái vạch quần tiểu tiện không

(1). Xem truyện Trạng Ân.

ý tứ gì cả, Trạng phì cười, chỉ tay đùa với phó sứ rằng: *Nong tay dí bẹn đỏ hăm hăm.*

Nói xong cùng cười âm cả lên. Lệ đi sứ, hễ chánh sứ nói câu gì thì phó sứ phải ghi câu ấy. Trạng ta nói Nôm, phó sứ lại ghi bằng chữ Hán nên chệch ra là: *Đông tây chí biện đỏ hân hân.*

Khi đoàn đến Biện Kinh là kinh đô của Trung Quốc cũ, viên quan địa phương nghênh tiếp lại cũng muốn lấy chữ để thử sứ Nam liền đọc một vế đối là: *Nam bắc lai triều da tổ tổ* (nghĩa là người phương Nam người phương bắc đến triều rất rầm rộ).

Vừa đọc khỏi miệng, Trạng ngoảnh lại ông phó mà rằng;

Kìa cái câu bữa trước đâu, ngài đem mà đối đi, phó sứ cứ sẵn thế đưa ra thì quả nhiên thành một vế rất chỉnh. (*Đông tây chí biện đỏ hân hân* nghĩa là người miền đông, người miền tây đi đến Biện Kinh thấy cảnh rất vui).

Quan Tàu thấy thế phụng sứ Nam có tài thần thông nên khoản đãi rất trọng hậu.

Sang đến đất Yên Kinh, sứ bộ châu yết vua Tàu. Vua Tàu đã sai một số người trang hoàng nơi công quán rất lịch sự, nhưng ở giữa bày một đôi sập quý cao ngất, bên trên đề hai chữ "kinh thiên" còn chung quanh bày những nghi vệ rất sang trọng để xem ý trạng

thế nào.

Chánh sứ và phó sứ được mời đi xem khắp đó đây, khi sắp đến buổi đãi yến mới được dẫn tới gian giữa ấy. Tới nơi, Trạng leo phất lên chỗ cao nhất bày sẵn ngời, trong khi ông phó sứ có vẻ hoang mang đưa mắt chỉ cho Trạng trông thấy hai chữ "*kính thiên*"⁽¹⁾ Bấy giờ trạng mới ngửa mặt nhìn, nhưng lại thùng thình bảo với phó sứ:

- Đó chẳng phải họ mời ta ngời là gì. Xin ngài cứ lên đi kéo đi mãi cũng đã rồi.

Ông phó sứ thấy Trạng bình tĩnh, bạo dạn nên cũng lên ngời theo, dù chưa thật hiểu ý Trạng thế nào. Trạng thì vẫn cứ thản nhiên cười nói ung dung lắm. Bỗng một viên quan Tàu ra, chỉ tay lên chữ hạch sứ:

- Cớ sao sứ Nam dám ngược ngạo vô lễ như vậy?

Sao không xem đây là chỗ nào mà dám lên ngời?

Trạng nói;

- Dám thưa, đại thần ghép tôi vào tội gì mà gọi là ngạo mạn? Chúng tôi thấy chữ đề là "*kính nhị nhân*" mới biết là quý quốc đem cái ngời này mà đãi sứ nơi xa. Không ngờ ở đây câu chữ của thánh hiền "đãi

(1). "Thiên" là trời. Vua Tàu tự xưng mình là thiên tử, tức con trời. Nghĩa hai chữ trên là *Kính trời* hoặc *kính thiên tử* nhưng Trạng lại hiểu chữ trời là *nhị nhân* "hai người" như hồi còn học Tam tự kinh.

người phương xa cốt lấy bụng thực" lại được dùng vào việc tri xảo thế.

Quan Tàu thấy Trọng biện bác như vậy thì hồ thẹn, vội vàng vái tạ mà xin lỗi. Rồi lập tức sai bụng cổ ra mời.

Trọng thấy họ đặt trước mặt mỗi người mỗi cỗ xôi, một con lợn rồi truyền chỉ ban yến. Hai ông bái mạng xong rồi lại lên ngồi ăn. Ban cỗ yến này, người Tàu cũng dụng ý thử sức ta, nên lợn cứ để cả con, không chặt, xem thử cách ăn của người Nam như thế nào? Họ đâu biết rằng Trọng vốn con nhà hàng thịt xuất thân nên cách mổ, cách pha Trọng đã biết hết. Thế là Trọng lấy dao đầu tiên cắt thử, rồi rạch chia thân làm đôi, rồi lại pha làm tư... từng đoạn, từng đoạn chặt rất là phải phép. Các quan Tàu cứ tròn mắt lên mà trông. Ông phó sứ vốn là Trọng ăn, "thùng bát chi thành". Tiệc hôm ấy ông cũng trở thân oai ăn như rồng bay gió cuốn ăn một chốc cả hai cỗ hết sạch sành sanh. Các quan Tàu thấy thế đều lắc đầu khâm phục.

Một hôm, vua Tàu hội sứ cùng chơi hoa, ngắm cảnh. Đến một nơi thủy tọa, cảnh vật hữu tình. Vua Tàu trở lên một bức hoành đề hai chữ "trùng nhị" hỏi các sứ có hiểu là thế nào không? Các sứ còn đang ngẫm nghĩ thì Trọng đã tâu

- Đây thực là *phong nguyệt vô biên* ạ!

Vua Tàu thấy Trạng ứng đối nhanh nhẹn và hiểu được hai chữ ấy, rất khen:

- Quả sứ Việt Nam thật là thông minh có một.

Hai chữ *trùng nhị* vốn lấy từ chữ *phong* và chữ *nguyệt* mà ra. Chữ *phong* và chữ *nguyệt* đều có hai nét bên ngoài bao lấy chữ *trùng* và chữ *nhị*. Bỏ hai nét bao bên ngoài tức là chữ *phong* và chữ *nguyệt* không có giới hạn (vô biên). Trạng không biết ý sâu như vậy nhưng thấy cảnh đây mát mẻ, nhớ đến cảnh ở chùa khi xưa nên tâm lên tán tụng mà thôi. May trúng được ý.

Thời gian đi sứ nước Tàu không may đại hạn, nắng mãi đến sáu bảy tháng mà không một giọt mưa. Cầu đảo thế nào cũng không được. Vua Tàu bèn hội sứ cắt lượt bắt đảo vũ. Trạng biết trời chưa mưa vì chưa thấy các dấu hiệu quen như cỏ gà điểm lang, rễ si mọc trắng nên lần lữa xin nhường trước cho các sứ, lấy cố nước mình nhỏ, xin được làm sau. Đến khi thấy có dấu hiệu báo mưa, Trạng mới xin đảo vũ.

Cũng bắt chước các thầy phù thủy, Trạng xỏ áo xoa tóc cầm gương lên đàn, tay bắt quyết, mồm khấn lung tung, toàn là *một tinh, thâm tinh, mục tinh, lái tinh, keo tinh, bát tinh, hấp tinh*, tức là những tiếng lóng nhà nghề lái lợn. Đọc một lúc như vậy, cuối cùng làm một câu *linh linh tinh* rồi dồn cả các bát nước trên đàn vẩy tứ tung.

Ở dưới đàn mọi người cứ nghe Trạng đọc các chữ tinh⁽¹⁾ cứ tưởng Trạng đang gọi tên các sao, nhưng không ai biết đó là những sao gì vẫn tỏ ý ngờ. Đến một lúc sau tự dưng thấy mây đen đổ dồn, rồi trời mưa một trận rất to, mọi người mới kinh hãi vì tài của Trạng.

Từ đó, học trò nước Tàu nghe tiếng Trạng, đua nhau đến xin theo học, đến mức Trạng cố từ mà cũng không xong. Mà Trạng thì cũng biết chữ nghĩa mình chẳng nhiều, thành ra nhiều lúc bí là cứ đọc bừa đầu bài, bắt trò chép về nhà làm. Một lần Trạng bí đề, không biết làm sao, bỗng nhìn quanh thấy trên bàn cúng tiên sư, bày nào bình hương, bình hoa, nào tiên cô thối sáo, đàn dê đứng nghe liền nói lái một mạch: *Sử tiên ban, sứ tiên cung, hựu hữu hường bình, kiến đề đụn, thỉnh cô tiên ca sáo thối*. (nói lái thành: bàn tiên cô, cúng tiên sư, bình hương, bình hoa, đàn dê, cô tiên thối sáo. Một vài chữ còn lại Trạng thêm vào: *kiến, thấy, thỉnh*. Nghe cho có vẻ chữ nghĩa).

Học trò đem về nhà không biết lấy sách nào để tìm, hỏi đến cả những bậc hay chữ nhất ở kinh đô mà cũng không ai biết. Đến cuối năm ấy bỗng biên ải dâng sớ về báo, một viên tướng tên là *Sử Tiên Ban* được một chiếc *cung tiên*, bắn đâu trúng đấy, nên đã

(1). "Tinh" nghĩa là rao.

dụ quân *Hường Nam*, *Hòa Nam* cùng vào quấy nhiễu nước Tàu. Ông trấn thủ vùng ấy là Tể Đan được một vị *cô tiên* bày kế chỉ cần hát một bài khiến giặc phải lui. Bấy giờ vua quan nước Tàu mới hiểu ra cái đầu bài của Trạng, càng ngợi khen và kính trọng Trạng hơn.

Trạng đã hết hạn sứ ba năm, nhưng vua vẫn không muốn cho Trạng về nước, vì muốn để Trạng dạy cho hoàng tử. Trạng biết vậy nên nghĩ cách để về, bèn xin vua lập một lầu cao, các hoàng tử leo trèo không quen, lên đến nơi là đứng thở. Thế là Trạng lập oai quát thẳng:

- Trò vô lễ thì còn dạy làm sao? *Tiên học lễ, hậu học văn* mà vào cửa không chào thầy thì dạy làm gì cho phí chữ.

Cứ thế Trạng cầm roi vụt vào các hoàng tử, miệng lại nhắc lại câu của thầy đồ xưa:

- *Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn!* Có đau thì mới nhớ!

Các hoàng tử bị đánh đau quá, sợ hãi quên cả lễ thầy, Trạng lại đòi đánh thêm, sau đó toàn giảng dụ những phép tắc đứng ngồi chào hỏi mà không dạy cho chữ nào.

Chuyện đến tai Hoàng hậu, bà này thương con, sợ con bị đòn nên lên tâu với vua rằng Trạng ở lâu, nhớ

nước cũng nên cho về, kéo Trạng vì nhớ quê mà nóng nảy sinh ra đánh đập các hoàng tử.

Vua nghe tâu, thấy có lý, lập tức giáng chỉ cho Trạng về nước(*).

TRẠNG VẬT

Võ Phong người làng Mộ Trạch trấn Hải Dương cũ là một người có vóc dáng đặc biệt. Người ông nhỏ

(*). Truyện Trạng Lợn dưới đây đã được công bố trong nhiều bản cũ chữ nôm và quốc ngữ, song chưa gặp một bản nào cổ nhất. Gần đây năm 1985. Hội văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh cho xuất bản cuốn *Truyện Trạng Lợn*. Những người dịch cho biết đã căn cứ vào một bản Nôm tên là *Trạng Dừa truyện tục*. Có lời tựa của Mộng Quế viết năm 1920. Sách này viết theo lối chương, hồi, mỗi hồi có hai câu thơ đối nhau dùng làm tiêu đề. Trong tập chuyện Trạng này, chúng tôi không chép theo nguyên bản cũng không theo hẳn một bản quốc ngữ nào trước đây, mà kể lại theo cách riêng, có lược bỏ một số chi tiết dị đoan xét ra không làm tôn được giá trị câu chuyện.

Về nhân vật Trạng Lợn cũng có thuyết cho là đã được hư cấu trên cơ sở một chuyện có thực. Sách *địa dư Bình lục*. Ngô Vi Liên coi Trạng Lợn là một danh nhân của huyện nhà, ở làng Mạnh Chư, bà con còn chỉ ra các di tích; Nền nhà thờ của Trạng. Tên của Trạng Lợn cũng mỗi người nói một cách: Lưu Công Đạo, hoặc Văn Công Dện, hoặc Dương Đình Chung. Trạng Lợn cũng được gọi theo nhiều tên nôm na khác: Trạng Bói (vì trạng bói giỏi), Trạng Dừa (làng Mạnh Chư có tên là làng Dừa).

thố, chân tay, tai mắt, miệng, mũi cả năm thứ đều ngắn, gọi là tướng ngũ đoản - nhưng được cái nhanh nhẹn, trí mưu và rất giỏi vật.

Triều vua Lê Thánh Tông, nhân một lần cùng bạn ra kinh đô Thăng Long gặp lúc vua đang ngự triều, ông thấy có viên đô lục sĩ vác chiếc chùy đồng đứng hầu có vẻ dương dương tự đắc, bèn quay hỏi bạn:

Các có biết người cầm chùy kia là ai, có tài cán gì mà có vẻ nghênh ngang như vậy?

Người bạn đáp:

- Đó là một võ sĩ sở trường về môn đấu vật, hiện thời không ai địch nổi đâu.

Võ Phong ngẫm nghĩ một lát, lại hỏi bạn rằng.

- Nếu tôi muốn cùng y so tài cao thấp thì liệu có được không?

Bạn nói:

- Bác muốn tìm cách tiến thân cũng phải song lẽ, người ta cao lớn thế kia mà bác thì bé lắt choắt như vậy, sợ khi vào cuộc lại làm trò cười cho thiên hạ thôi!

Võ Phong mỉm cười:

- Nếu bác thấy đó là một cách tiến thân phải lẽ thì xin bác đừng ngại, vì tôi đây, cũng phải tự biết mình chứ! Vả lại, từ trước tới nay chưa thua ai. Còn gã lục sĩ kia, chẳng qua chưa gặp địch thủ nên mới nổi danh đó thôi!

Nói xong Võ Phong mua luôn giấy mực viết luôn một bản tấu xin nhà vua cho cùng lực sĩ so tài.

Lê Thánh Tông xem tấu phán rằng:

- Lực sĩ của ta tuyển chọn trong muôn ngàn người mới được một. Nay anh kia tài nghệ ra sao lại dám to gan lớn mật thế này:

Phán thế nhưng vua cũng chuẩn tấu và định sẵn ngày giờ cuộc tỷ thí để ngài được cùng xem.

Hôm quyết đấu, mọi người nghe tin kéo về xem như lũ thác. Ai nấy đều thấy lạ vì giữa xối vạt một cảnh tượng có vẻ buồn cười: Hai lực sĩ, một anh cao to khổng lồ, còn anh kia bé lách chách cùng nhau vờn rất ngộ nghĩnh. Ai cũng nghĩ là anh bé (Võ Phong) cũng sẽ là người lấm lưng trắng bụng đầu tiên.

Nhưng trong lúc vờn nhau biểu diễn, thì Võ Phong đã giả quờ tay xuống đất nắm sẵn một ít cát, lúc hai võ sĩ xấp vào nhau thì nhanh như cắt, Võ Phong ném dứ nắm cát vô hình vào địch thủ của mình. Viên lực sĩ kia trước đó đã có đề phòng, những tưởng Võ Phong ném cát thật bèn nhắm mắt tránh. Võ Phong biết đối phương trúng mẹo liền nhanh như chớp dùng miếng *xuyên triều* một tay thọc nách, một chân đệm phía sau lưng, đẩy mạnh một cái khiến cho lực sĩ nọ mất đà nằm phơi bụng trên xối!

Thế là Võ Phong thắng cuộc một cách dễ dàng,

khán giả chung quanh hoan hô nhiệt liệt.

Nhà vua ở trên đài cao trông xuống thấy Võ Phong quật đồ võ sĩ một cách mau lẹ như vậy, ngài cũng tấm tắc khen là tay thần dũng liền phong cho ông chức "Giao trật Trạng nguyên" (Trạng nguyên vật), lấy ông làm cấm y thị vệ úy ti chỉ huy sứ. Ông nổi tiếng là người chính trực siêng năng^(*).

(*). Những chi tiết trên đây về Võ Phong, chép theo sách: *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề. Trong dân gian thì câu chuyện được tô vẽ theo một cách khác. Người ta cho rằng Trạng Vật là bạn thân của Trạng Lợn. Nhờ có tài bói toán, Trạng Lợn biết được việc Nghi Dân nổi loạn cướp ngôi, vua Lê phải bỏ chạy ra ngoài hoàng thành. Ông gọi người bạn có sức phi thường kia nấp sẵn một nơi, cống vua đi trốn. Khi bọn gây loạn đã bị diệt trừ, vua thưởng công cho mọi người, Trạng Lợn xin cho bạn ông cũng được trạng nguyên. Một số quan võ không nghe đòi thi vật, cuối cùng đều bị thua, vì thế ông này được phong là Trạng Vật.

...

Lại có nơi kể, Trạng Vật không phải là Võ Phong, mà là Nguyễn Doãn Nhâm. Ông này quê ở huyện Chí Linh, là đồ vật vô địch dưới triều nhà Mạc. Nhưng ông không chỉ là một lực sĩ, mà còn là một văn nhân. Ông đã đỗ tiến sĩ, làm quan được tước Nghiêm sơn hầu. Có lần khi đi về nhà, ông đi qua một xóm vật, thấy một đồ vật đã đánh ngã hàng chục đấu thủ, giật giải quần quần. Muốn thử chơi, ông cởi áo mũ, để mình trần xông vào, kết quả là anh đồ vật kia bị anh nhấc bóng ném qua hàng rào. Ông lại mặc áo đội mũ vào và bảo mọi người cứ cấp giải cho chàng lực sĩ kia rồi lên kiệu đi thắng.

TRẠNG CỜ

Ông Võ Huyền cũng người làng Mộ Trạch được vua ban danh hiệu là Trạng nguyên cờ. (Đấu Kỳ trạng nguyên) là do chuyện sau đây:

Thời ấy có viên sứ Tàu dương dương tự đắc là tay cao cờ. Mà quả là hần cao cờ thật. Lần nào đấu với các quan ta ở nhà công quán hần cũng thắng rất nhanh. Vì thế hần càng đắc ý. Có lần hần tuyên bố thách nhà vua cùng đấu với hần xem sao.

Nhà vua biết chuyện, muốn cho viên sứ Tàu khuất phục bèn sai người tìm tay cao cờ về giúp. Các quan biết rằng Võ Huyền nên tiến cử lên vua, vua cho người đấu thử với Võ Huyền thì thấy quả ông cao cờ thật. Liền đó vua hẹn cùng đấu với sứ giả vào một buổi trưa.

Ngày ấy nắng đẹp, vua giao hẹn với sứ Tàu, mỗi bên chỉ một tên che lọng, những người khác phải tránh hết ra ngoài. Cuộc đấu diễn ra ở giữa sân rồng. Sứ Tàu chấp nhận.

Thế là ông Võ Huyền cải trang thành tên lính vác lọng, trên lọng chọc sẵn một lỗ thủng có thể lọt được

ánh sáng mặt trời. Võ Huyền đứng xem, mỗi khi gặp nước hay sẽ di ánh nắng vào quân cờ để chỉ nước đi. Thành ra liên tiếp ba ván sù Tàu đều nhanh chóng bị hạ.

Từ đó trở đi, y không còn dám khoác lác huênh hoang nữa.

Người ta đồn rằng trên đỉnh đầu Võ Huyền có một ngó xương gồ lên giống như quân cờ vì vậy mà ông tinh thông môn này.

TRẠNG BỜ AO

Ông Vũ Đức Huyền người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân tỉnh Nghệ An, mồ côi cha từ nhỏ. Mẹ già mắc bệnh đau mắt sau bị lừa. Ông là người con hiếu thảo, đi khắp nơi để tìm thầy thuốc cứu chữa mắt cho mẹ. Sang Tàu học được nghề địa lý, ông về nước đi khắp nơi làm thầy lang chữa đau mắt và làm thầy địa lý. Người đương thời gọi ông là "thánh địa lý". Nhưng nhân dân vùng Nghệ An, Hà Tĩnh gọi ông là "Trạng Bờ Ao".

1. Để đất phát thọt cạo:

Có hôm ông Tả Ao đi qua một làng nọ, gặp ngày làng đang có đám. Cờ xí treo rợp cửa đình, người ra kẻ

vào lao xao, nhốn nháo. Các cụ quan viên thì chè chén lu bù, cười nói toang toang. Có một cụ kỳ mục biết mặt ông Tả Ao, liền cho mời ông vào xơi rượu.

Nể lòng ông cũng vào lễ thân, rồi cùng ngồi vào dự tiệc. Các cụ bô lão hơi men chệnh choáng, ê a nói:

- Thật tình chúng tôi nghe tiếng cụ đã từ lâu, bây giờ mới biết mặt, nhân thể có cụ qua đây, xin cụ đặt cho cái hướng.

Ông Tả Ao mỉm cười:

- Vậy các cụ muốn thế nào thì cho biết ý.

Một cụ chắc là tiên chỉ làng ấy, ra chiều kẻ cả, vuốt chòm râu bạc, rung đùi gật gù nói.

- Làng chúng tôi xưa nay chẳng ai học hành đỗ đạt gì mong sao kỳ thi này vợ được nhiều khoa mục, thì phục cụ là tài giỏi.

Một cụ khác tay vung lên giáng xuống, hào hứng nói oang oang:

- Đúng thế!... chúng tôi chỉ mong làm sao được phát quan to để đề đầu vít cổ thiên hạ thì mới hả.

Ông Tả Ao gật đầu đáp luôn:

- Bẩm vâng! Tôi xin giúp được như thế, cả làng ta sẽ được "đề đầu vít cổ thiên hạ".

Các cụ đệ lão đắc chí vỗ đùi, vỗ vế cười nói hoan hỉ hả hê.

- Ừ có thể chứ! Đã gặp cụ Tả đây, tất cả phải được đất chứ.

Tả Ao làm vẻ sốt sắng:

- Mời các cụ ta cùng ra đi cắm hương đình thôi.

Các cụ hương hào chúc dịch của làng khua lẹp kẹp các đôi guốc mộc, phe phẩy cái quạt giấy trên tay, miệng nhai trầu bồm bồm lục tục cùng ông Tả Ao đi tìm đất đặt hương đình.

Cắm đất xong ông cáo biệt, đi luôn.

Từ đấy các cụ đi đâu cũng khoe rầm lên rằng: đình làng mình được cụ Tả Ao cắm hương cho, chỉ nay mai là cả làng đề đầu vít cổ thiên hạ cho mà xem.

Ít lâu sau đất làng ấy phát thật. Nhiều người làng đi tha phương cầu thực, học được nghề thợ cạo, thấy làm ăn được, lại bỏ ít vốn để học nên trở về làng, dắt kéo nhau, anh dạy nghề cho em, bố truyền nghề cho con. Lúc đầu dăm bảy người, dần dần cả làng đi làm nghề thợ cạo. Dụng cụ đồ nghề chỉ là cái dao, cái kéo, bộ ngoáy tai để "đề đầu vít cổ thiên hạ" mà cắt tóc, cạo râu, cạo gáy, ngoáy tai.

Rõ thật là đề đầu vít cổ thiên hạ nhé!...

2. Để đất cho nghề đàn bô:

Chuyện kể rằng một tối nọ, Ông Tả Ao đi qua làng Đoài gặp lúc làng mở hội. Cảnh nhộn nhịp người làm ăn tứ xứ cũng lũ lượt kéo nhau về dự hội. Ông cũng lẫn trong đám đông xem hát chèo ở sân đình. Có một vị kỳ mục biết ông, lấy làm mừng rỡ sai người ra

mời ông vào nói chuyện. Ông từ chối, nhưng họ khẩn khoản mời bằng được. Bất đắc dĩ ông phải vào...

Làng dọn cỗ mời, buộc lòng ông phải ngồi vào mâm đĩa nâng chén. Có dịp quan sát, ông mới thấy rằng dân làng này có nhiều người giỏi xoay xỏa, lắm kẻ làm ăn không lương thiện. Bọn hương hào kỳ mục toàn là những tay anh chị, giàu có hợm của. Chuyện trò giữa ông và họ cứ rời rạc. Ngán quá, ông toan bỏ về. Nhưng họ cố giữ ông lại, nói:

- Chẳng mấy khi được gặp cụ, xin cụ nán lại cho sáng mai nhờ cắm đất cho... Kẻo cụ đã đi thì khó lòng tìm lại được.

Nài mãi ông mới chịu ở. Bấy giờ, các cụ kỳ mục hào lý mới nói:

- Xin cụ cắm đất cho dân làng được nhiều hiền đạt. Xưa nay chúng tôi ít chữ, mãi đi kiếm ăn, chỉ làm nghề xoàng xĩnh thôi.

Ông Tả Ao mỉm cười:

- Muốn thế chẳng khó gì, chỉ quay lại cái hướng đình là được.

Các ông kỳ mục thích chí, vỗ đùi đánh đét nói luôn:

- Xin cụ tận tâm cho. Chúng tôi chỉ xin nhiều người được làm quan to, đi đâu thì nghênh ngang, thiên hạ phải tránh xa. Như thế chúng tôi mới mãn nguyện.

Hôm sau, các ông hào lý đến sớm, mời ông đi cắm đất. Ông chỉ ngắm nghía một lúc, rồi cắm cho hướng đình chệch sang một chút về phía tây. Xong đó, ông cáo biệt ra đi.

Các ông kỳ mục họp bàn sức cho dân làng tiền đóng gạo góp để xoay lại hướng đình. Và, từ đó ai cũng yên chí rằng chỉ ngày một ngày hai nữa là phát quan to. Nhưng chờ mãi chẳng thấy quan to, làng có mấy anh học được cái nghề đan bồ, gánh đi bán, dần dần, dân làng bắt chước nhau, thành ra cả làng làm nghề đan bồ và bán bồ.

Chả là bồ to, gánh đi nghênh ngang trên đường ai gặp mà không phải tránh xa ra.

3. Để đất cho dân phò cối:

Ông Tả Ao nhớ độ đường vào ngủ nhờ ở một làng nọ.

Làng ấy, làm nghề hàng xay, xáo. Đàn bà lam lũ, quanh năm vất vả. Còn bọn đàn ông ngay lưng chơi dài, lại còn rượu chè be bét, cờ bạc thâu canh. Đã ăn bám vợ lại chơi bời đàng điếm, ông đâm ghét định bụng kiếm cho đám ấy một cái nghề ngỗng gì.

Nhân có các cụ kỳ mục biết tiếng ông, kéo nhau đến mời ông ở lại, nhờ xem kiểu đất. Đã chủ bụng, ông vui vẻ nhận lời. Ở lại mấy hôm được các cụ kỳ mục đưa đi mọi nơi, xem xét phong thổ của làng, nhờ vậy ông cũng được tai nghe mắt thấy, đời sống thường

ngày cơm tấm nước dưa của mọi nhà, mới biết có nhà cụ tiên chỉ làng đời sống có phần khá giả hơn chút ít là nhờ có nghề đóng cối, buôn cối. Ông nghĩ ngay nghề cho đám đàn ông ấy là đây chứ còn đi đâu xa nữa. Đến một cái gò đất ở cuối làng, ông dừng lại ngắm nghía rồi nói với các cụ kỳ mục rằng:

- Cái gò đất này không lợi cho làng các cụ mấy. Nó chẳng được phần đình lại kém cả phần phú, xin sửa cho một tý là lợi cả hai.

Các cụ kỳ mục thấy nói đúng thì nức nở khen:

"Ông Tả Ao là thánh địa lý". Nghe lời ông các cụ sai, tuân đình mang cuộc ra phát bớt hai phần đất ở hai đầu gò. Tức là theo ông phát bớt hai cái cánh con chim ung, cho còn lại cái hình tròn như cối xay. Và hai bên gò đất còn lại một ít như hai cái tai cối... Ấy là người đời sau tán ra thế.

Đặt đất xong, ông Tả Ao vội vàng ra đi. Mặc cho dân làng muốn giữ ông lại thế nào cũng không được, biểu tiền cũng không lấy.

Ít lâu sau, quả nhiên đất phát. Các bà vợ đẻ mần như vịt... cứ năm một, năm một, nên bận vào công việc chăm sóc bú mớm cho con nhỏ. Lại gặp lúc mất mùa, thóc cao gạo kém, đời sống trong các gia đình trở nên túng bấn, sa sút thậm tệ, cánh đàn ông hết cách bớt xén tiền đi chợ của vợ để sát phạt nhau, để

hút sái, rượu chè, đành xoay nghề kiếm cách sinh sống. Nhân nhà cụ tiên chỉ làng có nghề đóng cối, buôn cối, thuê nhiều thợ đóng cối đem đi bán, xem ra cũng chạy lắm.

Dân làng thấy lợi, đổ xô vào làm nghề ấy. Thế là từ đó về sau, làng ấy rất những anh phó cối^(*).

TRẠNG TƯ THIÊN

Ở vùng Cao Bằng, thời Mạc Kinh Cung chiếm cứ có một người tên là Bế Văn Phùng quê ở huyện Hòa

(*) Chung quanh Tả Ao có rất nhiều chuyện, phần lớn tập trung vào đề tài phong thủy địa lý. Kể cả chuyện Tả Ao di học bên Trung Quốc, Tả Ao để mả ở Hàm Rồng, và ngôi đất huyết thực khi ông mất v.v.. Những mẩu chuyện ấy vẫn có thể nghiên cứu phân tích theo nhiều hướng, chứ không phải là chuyện dị đoan nhảm để cao những việc hàm hồ mê tín. Song chúng tôi chỉ tập trung vào mấy ý nghĩa nổi bật nhất, mà nhân dân gửi gắm vào trong hệ thống truyện Tả Ao, để phê phán thói tham danh vụ lợi của người. Chúng ta sẽ có dịp nghiên cứu Tả Ao trong một dịp thích hợp hơn.

Về nhân vật Tả Ao, tài liệu cũng chưa đầy đủ. Những sách như *Công dư tiếp ký*, nhất là *Đăng khoa lục siêu giảng* (nói về chuyện mả mả rất nhiều) đều chép tên ông là Vũ Đức Huyền (có bản ghi Nguyễn Đức Huyền). Sách *lich triều hiến chương loại chí* lại ghép tên là Hoàng Chiêm. Ở làng Tả Ao, nay thuộc xã Xuân Giang ở sát huyện lỵ huyện Nghi Xuân (Nghệ Tĩnh) hiện nay không thấy chi họ nào nhận là dòng dõi của Trang Bờ Ao hay của Thánh Tả Ao cả.

An. Ông Bế Văn Phùng rất tài giỏi thông minh, nhưng không học hành đỗ đạt gì cả, song dân chúng quanh vùng đều biết tiếng tăm. Người ta gọi ông là Trạng Tư Thiên vì cho rằng ông có thể đoán biết được mọi việc sẽ xảy ra trên trời, dưới đất. Cũng ở vùng này còn có một người nữa là ông Quỳnh Vân nổi tiếng thi phú, lại có tài lặn xuống nước rất lâu nên người ta ví ông như con quạ khoang chuyên lặn cá trong các đoàn thuyền chài - tiếng ở vùng này gọi là Ca Đáng.

Tư Thiên và Ca Đáng sống xa nhau nhưng vẫn biết tiếng nhau. Cả hai người đều khao khát gặp nhau kết bạn. Đặc biệt ông Tư Thiên thường nghĩ:

Ở đây chắc chỉ có mình giỏi nhất nên được bà con gọi là "vua Ca Đáng"? Ta phải tìm gặp ông ta mới được.

Nghĩ vậy nên Tư Thiên quyết đi tìm Ca Đáng.

Một ngày khi đang nghỉ chân trên đỉnh đèo Mã Phục. Tư Thiên gặp một người lạ mặt đi ngược với mình. Hai người gặp nhau nhưng vì chưa quen, ông Tư Thiên bèn hỏi:

- Kính chào tiên sinh và xin hỏi tiên sinh đi đâu vậy?

Người kia cũng vái chào và trả lời:

- Tôi đang trên đường đến tìm người bạn là ông Tư Thiên.

Tư Thiên giật nảy vội hỏi thêm:

- Thế tiên sinh là bạn thâm giao với ông Tư Thiên

à, sao mà tôi chưa từng biết?

- Không! Tôi chỉ mới biết tiếng ông Tư Thiên chứ chưa gặp. Tôi là Ca Đáng ở bên Trùng Khánh mà.

Ông Tư Thiên vô cùng vui mừng, nói thật với vị khách:

- Thì ra tiên sinh là "vua Ca Đáng". Tôi cũng đang định đến tìm tiên sinh. Tôi đích thị là trạng Tư Thiên. Mà tiên sinh đi tìm đấy.

Thế là hai người cùng nhau trò chuyện hàn huyên. Họ định cùng nhau đi thăm thú một số nơi danh thắng nhưng bắt đầu câu chuyện lại là sự phân định ngôi thứ, xem ai là anh và ai sẽ là em. Người làm anh sẽ được chọn hướng đi trước.

Vua Ca Đáng xin thách trước bằng một vế đối:

- *Tứ nhân ky, tứ mã, kỵ mã quá Phục Sơn* nghĩa là: bốn người cưỡi bốn con ngựa qua núi Mã Phục.

Ông Tư Thiên nhìn xuống chân núi, thấy có mấy người đang cày ruộng, xuất khẩu đối rằng:

- *Tam ngựa canh tam lộ, canh đao lộ, cùng thủy* (tức là: ba trâu cày ba dọc, cây đến dọc có ruộng nước cuối cùng).

Vua Ca Đáng thấy trạng Tư Thiên ứng đối nhanh nhẹn, chấp nhận là tài song vẫn chưa chịu phục. Vua nghĩ thêm cách khác! Ông nhìn xuống phía Cao Xuyên thấy có hai con ngựa. Một con màu hồng, một

con màu xám đang tha thẩn ăn cỏ dưới một vạt ruộng, liền đổ Trạng rằng:

- Chúng ta thử đoán xem con nào lên bờ trước.

Ông Tư Thiên nghĩ một lát, nói rằng:

- Con xám sẽ lên bờ trước rồi con hồng mới nhảy lên sau.

Ngược lại, ông Ca Đáng lại cho rằng con hồng sẽ lên trước.

Hai người cùng dán mắt ngồi chờ. Một lúc sau thấy con hồng ngúc ngắc đầu, dậm chân. Vua Ca Đáng đã thấy mừng, nhưng bỗng con xám ngھn đầu hí vang lên một tiếng dài, làm cho con hồng quay trở lại. Con xám thủng thẳng bước lên bờ đầu vào đấy rồi con hồng mới lên theo.

Trạng Tư Thiên thắng cuộc vua Ca Đáng bần khoản bèn hỏi ông:

- Làm sao tiên sinh lại biết rõ con ngựa hồng lên sau?

Trạng đáp:

- Có khó gì đâu. Tiên sinh cứ nghĩ xem, mỗi khi chúng ta thổi lửa có phải ta thấy khói xám xám bốc lên trước, rồi ngọn lửa hồng mới bùng lên sau phải không nào!

Vua thấy Trạng trả lời như thế, biết ông chưa nói thật nên chưa chịu nhận làm em trạng. Vua còn định thử nhiều cái nữa, nhưng lúc ấy hai người bỗng thấy

một ngôi nhà bên đường bèn cùng nhau đến đấy xin nghỉ ngơi. Bên cạnh nhà có một vườn cam chín, cây nào quả cũng trĩu cành. Thấy vậy, vua liền chọn một cây sai quả nhất để hai người cùng đoán xem có bao nhiêu quả. Lần này đó là lần thứ ba, cho nên đây sẽ là lần quyết định thứ bậc. Thế là cả vua và Trạng đều cố gắng bấm toán, cuối cùng mỗi người ghi con số của mình trao lại cho nhau, rồi tìm đếm cam. Vua Ca Đáng cẩn thận tính đi tính lại, cuối cùng đưa ra số 344 quả cam, còn trạng Tư Thiên thì nói là 345 quả.

Ông chủ nhà được mời là người làm chứng đang băn khoăn không rõ nên đếm bằng cách nào cho hết số cam mà không lẫn không nhầm? Chả lẽ lại bứt hết chùm ấy quả xuống?! Trạng Tư Thiên cũng buột miệng:

- Chả nhẽ ta không có cách nào để đếm cho hợp hay sao? Nghe vậy, vua Ca Đáng liền khích thêm rằng:

- Nếu tiên sinh tìm ra cách đếm thì tôi xin thua một lần nữa.

- Được.

Nói xong trạng bảo chủ nhà cho mượn một chiếc kéo và xin một ít giấy bản. Ông cắt giấy thành 345 mảnh bằng nhau và nhờ mấy đứa con chủ nhà leo lên cây, cứ mỗi quả thì buộc vào một mảnh giấy.

Một lát sau buộc xong, xuống kiểm lại thì thấy còn một mảnh thừa.

Vua Ca Đáng đang lo vì mình vừa bị thua Tư Thiên trong cách đếm cam, bây giờ tỏ ra đắc ý là mình đoán trúng, vì chỉ buộc hết có 344 mảnh giấy. Nhưng trạng Tư Thiên đã bình tĩnh nói rằng:

- Chỉ có người phạm trần mới không nhìn thấy quả cam thứ 345, chứ còn Trạng thì lại khác.

Mọi người đều cho là Trạng nói khoác, nhưng Tư Thiên đã cầm một chiếc sào khều vào một cụm lá kiến dán lại làm tổ. Quả nhiên, rẽ lớp lá ấy ra, tất cả đều thấy rằng, trong đó một quả cam, đúng là chưa được buộc giấy vào.

Tất cả mọi người bấy giờ mới phục tài Tư Thiên. Vua Ca Đáng giữ đúng lời hẹn ước với quỳ xuống trước Tư Thiên suy tôn làm anh em kết nghĩa.

Hai anh em chơi bởi với nhau vô cùng thân thiết, đến nỗi Tư Thiên đến nhà Ca Đáng chơi, lúc ra về Ca Đáng lại tiễn chân về tới nhà, khi Ca Đáng ra về thì Tư Thiên lại theo Ca Đáng quay lại. Cứ như vậy, thành ra họ tiễn nhau mãi. Cuối cùng Trạng nghĩ ra một cách, nói với vua:

- Đôi ta làm bạn tâm giao nên đi lại với nhau không chỉ có một lần, nhưng mỗi lần đi lại thì chỉ có hai người lẻo đẻo thì quả cũng buồn thật. Vậy nên tổ chức lấy một đoàn người đi theo thì sẽ về vui hơn.

Thế là Trạng và vua bàn nhau mỗi người lập ra

một phường xướng ca để tổ chức những cuộc vui trong ngày lễ, tết và khi đi thăm hỏi nhau. Vua nhận lập đội Nam ở vùng Trùng Khánh gọi là *Giàng*, còn Trạng thì lập đội xướng ca nữ đặt là *Then*. (Cũng từ đó vùng Cao Bằng có một lối sinh hoạt văn nghệ mới: *Hát Then*).

Bấy giờ con cháu Mạc Đăng Dung bị quan quân Lê Trịnh đánh đuổi phải chạy lên trên Cao Bằng lánh ẩn. Vua Mạc vì buồn sâu lo sợ mà phát bệnh, chạy chữa mãi mà không thuyên giảm chút nào. Có người tâu với vua rằng: Bệnh của vua chỉ có ông Tư Thiên đem đội *Then* đến mới khỏi. Túc khắc vua sai người ở đem chiếu chỉ đến vời trạng, trạng liền đưa đội xướng ca của mình đến chầu vua. Đội xướng ca của Tư Thiên múa hát rất hay. Đến nỗi vua khoái chí nhòm dậy ban khen. Múa xong lại cầm đàn tính vừa gảy vừa hát những lời chúc tụng làm cho vua quên hết lo sầu mà khỏi.

Vua rất quý Tư Thiên, và cũng theo luôn cách quen thuộc của dân gọi luôn ông là Trạng. Sau đó ngài còn phong thêm chức quản nhạc cho ông.

(Theo tài liệu lưu trữ của Bảo tàng
Việt Bắc và thực tế diễn đã ở Cao Bằng)

TRẠNG TRINH

Theo truyền ngôn ngày xưa ở làng Trinh Xá thuộc vào huyện Tam Nông, Vĩnh Phú bây giờ có một người được đỗ Trạng Nguyên. Ông vốn là một người thông minh hiếm có, vì khác mọi người là thuở nhỏ chẳng hề học ai.

Vốn ông xuất thân là con một bà hàng nước nghèo. Ngày ngày chỉ theo mẹ ra hàng bán nước. Không ai rõ cậu bé học lỏm những ai và đọc được những sách gì. Chỉ thấy cậu có mỗi một trò chơi là lấy gai viết thành chữ trên mỗi chiếc lá.

Hồi bấy giờ qua lại ngôi hàng thường có hai người học trò, một người ở làng Giông, một người ở làng Vầy. Họ đi sang làng bên theo học một thầy đồ ở đấy. Chú bé nhà hàng thấy hai học trò này lúc nào cũng có vẻ vội vàng lật đật, nên rất tức cười, cứ thỉnh thoảng lại tìm cách trêu cho vui. Câu đùa của chú bé thường là:

- Thế nào? Lại đây ta xem bài vở ra sao đã!

Hai chàng học trò bị chọc lúc đầu còn tỏ vẻ dẫu môi khinh, sau đó cái tức bực càng dồn lên, nhưng vẫn

chưa nghĩ được cách gì trả đũa cho ra dáng của người được học hành.

Một hôm thầy đồ ra cho trò một bài văn khó. Cả hai chàng nghĩ mãi chưa ra. Đi qua quán nước lại nghe chú bé ở trong xác xước gọi ra:

- Nào, có bài vở nào khó đưa đây ta chỉ cho!

Cả hai chàng đang lúc bí liền bàn nhau hay cứ thử một chút xem sao, bèn cùng ghé lại hàng giải bày với chú bé chuyện riêng của mình.

Chú bé bèn bảo:

- Ta sẽ bày cho các anh, nhưng nếu các anh làm theo thì phải lấy lễ sư phụ mà đãi ta đấy.

Hai anh kia đồng ý. Vậy là chú bé liền chỉ bảo cho từng ý, từng câu.

Hai anh học trò nghe đến đâu đều phục và nghe lời đến đấy.

Được chú bé gà bài, hai anh trò hí hửng mang quyển lên nộp.

Thầy đồ chấm bài thấy hai bài cùng có nội dung giống nhau, lại nhiều đoạn, nhiều ý đều hay, ít ai bì kịp. Thấy lắm bầm:

- Lạ thật! Sức học của hai trò này trước kia tầm thường, thế mà sao nay bài lại khá hẳn lên?

Thầy đồ muốn tìm ngọn ngành liền cho gọi hai

trò vào hỏi thẳng:

- Từ trước đến nay các con chưa có bài nào lại khá như bài này. Ta đoán rằng các con lại nhờ vả ai đây? Vậy ai đã mách bài, phải khai cho thật.

Hai anh trò loanh quanh một lúc, biết không thể nào giấu nổi thầy, cuối cùng đành khai thực là đã nhờ đứa bé con bà chủ bán nước làng Trịnh bày cho. Biết được chuyện, thầy đồ mới nảy ra một ý thâm hiểm. Ông ta lại ra đề cho học trò làm nữa rồi dặn hai trò kia cứ nhờ cậu bé làm cho, nhưng phải lấy được cả bài của cậu ấy về để thầy sẽ đoán hậu vận của từng trò một. Hai học trò thấy thầy không bắt tội lại dặn dò cẩn thận, nên lại gặp chú bán nước để nhờ.

Từ khi ấy hai học trò nọ tôn chú bé lên làm thầy, rồi cả thầy lẫn trò đều dùi mài kinh sử. Ít lâu sau khi vua mở khoa thi lớn, cả ba thầy trò đều náo nức ứng thi. Trải mấy kỳ vất vả khó nhọc văn bài, đến ngày treo bảng, xướng danh thì hai trò đều đỗ, một anh Bảng nhãn, một anh Thám hoa. Còn anh con bà hàng nước thì loa đã truyền ngay từ đầu là được đỗ trạng. Cả ba thầy trò cùng vui mừng hơn hờ chờ ngày vào kinh nhận yến vua ban và chuẩn bị bái tổ vinh quy.

Ông đồ nọ nghe tin chú bé hàng nước vừa chiếm khôi nguyên bèn tìm cách gièm pha tâu trạng. Ông ta lục tìm tờ bút tích xưa và viết đơn tố cáo với triều đình

là Trọng bội ơn thầy học. Vua cho gọi Trọng vào hỏi nhưng Trọng không nhận là học với thầy đồ. Thầy đồ liền đưa tờ bài Trọng làm giúp cho học trò xưa kia, thành ra Trọng vẫn bị buộc vào tội bội sư (phản bội thầy học).

Trọng chán ghét sự đời đen bạc nên không nhận một phẩm trật nào. Ông ta thường bỏ đi đây đó tìm những danh lam thắng cảnh viếng thăm, trở về lại lấy đồng ruộng làm nơi sinh sống.

Một hôm Trọng vác mai đi thăm đồng gặp ngay võng một viên tri phủ. Ông vốn biết viên quan này là một con một tham lam. Nên nhìn võng nó mà không thèm chào. Hai tên lính khiêng võng khệ nệ, thấy ông có vẻ ngang nhiên, lại cứ thẳng đường đi không chịu né tránh liền hét lớn, bắt ông vào cáng đỡ. Trọng Trịnh vẫn bình tĩnh hỏi thêm:

- Thế tôi khiêng võng thì ai cầm mai cho tôi?
- Vứt mẹ nó xuống hồ kia kìa.

Nghe thế trọng bèn dùng hết sức mình, dặng căng lao cái mai ra giữa hồ nước, rồi khiêng thay vai.

Võng đi được một quãng dài, đến đầu làng Giồng, Trọng bèn xin với quan cho nghỉ một lát vì quá mệt. Nói đoạn đặt xuống nghỉ. Viên tri phủ chưa kịp hoành học đã bị rơi xuống đất cái thạch, liền lao ra định đánh cho Trọng một trận. Nhưng y bỗng đứng sững như trời trồng vì ngay lúc ấy nghe tiếng Trọng réo to:

- Bớ Bảng Giồng! Bớ Bảng Giồng! Mau ra đây khiêng giúp thầy một vai kéo quan này nặng quá!

Viên tri phủ chưa hiểu chuyện ra sao thì trong cổng ngăn một nhà đã thấy một người lật đật chạy ra. Thì ra quan Bảng - anh học trò cũ của Trạng Trịch đang ngồi xem sách trong nhà, nghe tiếng gọi xách mé thì biết là thầy đến, nên vội vàng chạy ra nghênh tiếp. Vừa giáp mặt trạng, quan Bảng đã sụp xuống lạy thầy. Nhìn thấy cảnh này, viên tri phủ kia sợ tái cả mặt, chân tay run lập cập. Quan Bảng mới nhìn qua đã hiểu cơ sự, định buông lời hạch tội viên tri phủ kia. Nhưng Trạng Trịch đã xua tay ngăn:

- Thôi y chưa biết đến thầy nên mới thế! Bây giờ con hãy bảo y khiêng trả ta về chỗ cũ và phải lội xuống hồ mò trả lại mai cho ta để ta kịp thăm đồng vì quá trưa mất rồi.

Viên tri phủ ấp úng mãi mới thốt được mấy lời xin quan Trạng, quan Bảng xá tội rồi cúi đầu cúi cổ cùng tên lính khiêng trả Trạng về - Đến chỗ hồ mà Trạng ném mai lại run lập cập kéo quần lội xuống. Hôm ấy vào buổi giá rét, viên tri phủ được một bữa ngâm nước lạnh gần chết mà chẳng dám ho he.

Từ đó, đám quan lại trong vùng biết chuyện này nên cũng giảm bớt được đôi chút hống hách, không còn hoành hành nông dân nhiều như trước nữa.

(Theo tài liệu lưu trữ ở
Sở Văn hóa Vĩnh Phú)

TRẠNG KHIẾU

Tương truyền, vào thời Lê ở làng Hữu Thanh thuộc phủ Thái Bình có một người làm "mỡ" gọi là lão Đốp, vợ chồng lão Đốp hiếm hoi, chỉ sinh được một trai đặt tên là Con. Nhà nghèo, lại làm nghề hèn kém nên Con chẳng được học hành gì. Năm Con hai mươi tuổi, thì bố mẹ qua đời. Con thay bố làm thằng Mỡ.

Bấy giờ, ở làng có quan thượng họ Lê về trí sĩ được dân làng mến đức, bầu làm tiên chỉ. Quan thượng Lê có con gái tên là Hồng Ngọc đã đến tuổi mười tám đôi mươi, nhiều nơi môn đăng hộ đối đến dạm ngõ nhưng tiểu thư chẳng chịu ưng ai. Một hôm thằng mỡ Con mang lễ vật của chúc sắc làng đến biếu cụ Thượng, Hồng Ngọc trông thấy mỡ Con tướng mạo khôi ngô, thì đem lòng yêu mến thương trộm nhớ thâm, mà chẳng dám thổ lộ, về sau mang bệnh tương tư. Cụ bà Thượng Lê dỗ dành, gạn hỏi con. Lúc đầu tiểu thư còn chối quanh, về sau đành thú thực với mẹ. Quan Thượng Lê biết chuyện, nổi trận lôi đình, mắng nhiếc tiểu thư thậm tệ. Nhưng càng ngày thấy sức khỏe của con càng sút kém, nhan sắc tiêu tụy, quan Thượng lo lắng thuốc thang, nhưng chẳng có thuốc

bắc thuốc nam nào giải được cảm phiền, quan Thượng đành gọi thẳng Mỗ Con đến gả con gái cho.

Quan Thượng nói với Hồng Ngọc:

- Mày muốn lấy con thằng mỗ cứ lấy. Từ nay không được nhìn mặt tao nữa, không được ở làng này, dắt nhau đi đâu thì đi.

Hồng Ngọc thu xếp tư trang hành lý quần áo rồi đưa chồng vào Thanh Hóa tìm đến trường học của cụ Thượng Phùng, nói dối Con là em trai của mình, và thừa với quan Thượng:

- Lay cụ, phụ thân con gửi em giai vào học cụ, mong được cụ dạy dỗ cho.

Cụ Thượng Phùng vốn quen biết cụ Thượng Lê và đã biết tiểu thư Hồng Ngọc từ thuở nhỏ. Nên nhận Con làm học trò. Sắp xếp cho Mỗ Con ở nhà ngoài cùng với mấy môn sinh khác để tiện sách đèn. Riêng Hồng Ngọc thì dọn cho một buồng nhà trong, để buôn bán kiếm tiền nuôi em, chờ ngày thành đạt về trình diện với cha.

Lần nữa, năm tháng trôi qua, sau thời kỳ "khai tâm", Mỗ Con rất chăm chỉ, học một biết mười... Chẳng bao lâu, Mỗ Con trở thành một nho sinh văn chương thơ phú tài tình, chữ viết thì rồng bay phượng múa. Có hơn trăm học trò trong trường chẳng ai sánh kịp. Cụ Thượng Phùng lấy làm bằng lòng lắm. Gọi tiểu thư Hồng Ngọc đến bảo:

- Cậu em của tiểu thư học hành đã giỏi. Khoa thi này ta chắc thế nào cũng đỗ, vậy tiểu thư về báo với phụ thân mà tính bề khai cho cậu ấy, để đến kỳ thi cho hợp lệ kéo trễ thì tiếc lắm!

Hồng Ngọc hai má cứ ửng lên lúng túng không biết tính liệu thế nào, đành phải tình thực trình bày câu chuyện giữa mình và Con. Hồng Ngọc lại thưa:

- Lay thầy, nay chồng con chưa làm nên danh phận gì làm sao con về thưa lại với phụ thân con được. Vậy xin thầy nói hộ với làng, cho con nhập tịch dân làng.

Cụ Thượng Phùng thấy tình cảnh éo le của đôi trẻ thì cảm lòng thương. Cụ bèn viết thư cho quan Thượng Lê và mời vào Thanh Hóa để định liệu cho chàng rể đi thi.

Được thư, quan Thượng Lê xót thương con gái, bàn với quan bà rồi cất bước vào Thanh cho rõ thực hư. Đến nơi sau buổi hàn huyên của hai người bạn già, Cụ Thượng Phùng bèn trao tập văn của cậu Con cho cụ Thượng Lê xem. Xem xong, cụ Thượng Lê lấy làm hài lòng khen ngợi, nhưng thâm nghĩ: Chắc là cụ Thượng Phùng gà bài cho nên chuyện. Ấy thế nên muốn thử tài Mỗ Con cho chắc chắn, bèn gọi Mỗ Con đến và ra đề thơ vịnh cái mõ.

Mỗ Con lĩnh ý, "khai bút" làm bài thơ bát cú như sau:

*Vì thiên hạ điếc đã lâu ngày
Trời mới sinh ra chiếc mõ này
Phép nước vang lừng ran cửa miêng
Lệnh làng thét nét, khét trong tay
Việc quan thúc bách ba dùi dóp,
Lộc thánh gia ban mấy học đầy
Lóc cóc tre già măng lại mọc
Đầu đình chót vót bằng tùng mây.*

Quan Thượng Lê xem xong bài thơ lấy làm thích thú, vỗ đùi đánh đét, khen:

- Rõ là khẩu khí con nhà thằng mõ, mà văn chương trượng nguyên.

Rồi bảo tiếp rằng:

- Con ở làng Hữu Thanh họ Khiếu, để rồi về ta nhờ lý trưởng loại khai cho mà đi thi.

Xong đó, gọi tiểu thư đến khen ngợi:

- Con quả có con mắt tinh đời. Cha đành chịu lỗi không biết xét người. Bây giờ con yên lòng ở lại đây nuôi chồng ăn học chờ ngày ứng thí. Đến ngày chồng con thi đỗ sẽ vinh quy và vu quy một thể cho rạng rỡ tông đường.

Năm ấy Khiếu Hữu Thanh đỗ đầu thi hương. Quan Thượng Lê nghe tin viết thư giục về vinh quy. Nhưng Hữu Thanh chưa chịu về mà ở lại Thanh Hóa

dùi mài kinh sử chờ ngày thi hội, thi hội, giạt giải hội nguyên, tiếp thi đình đỗ luôn đình nguyên "Đệ nhất giáp tiến sĩ, đệ nhất danh". Vua mời vào dự yến và có ý gả công chúa Quỳnh Hoa, nhưng Trạng nghĩ đến Hồng Ngọc bấy lâu vì mình mà vất vả, nên thật thà tâu bày: Mình đã có vợ ở nhà, nên không thể xe duyên cùng công chúa. Vua khen Trạng có nghĩa, ban cho biển vàng: "An tứ vinh quy" và "Ngự tứ hôn".

Hàng tỉnh hàng quận huyện được sức đi đón tiếp quan Trạng. Từ Thành Nam trở về cờ xí rợp trời chiêng trống dậy đất. Quan Thượng Lê nghe tin mừng khôn xiết sai kết lầu hoa đón con rể và con gái.

(Tài liệu sưu tầm ở Thái Bình).

C - NHỮNG NHÂN VẬT HÀI HƯỚC THÔNG MINH TRONG DÒNG TRUYỆN TRẠNG(*)

1. Cuội	(Mường)
2. Thầy Khoàng	(Tày)
3. Khum Hóm	(Thái)
4. Trạng Tềng	(Vân Kiều)
5. Thơ Va Đa	(Khơ Mú)
6. Chàng Y Lóa	(Ê Đê)
7. Thơ Mênh Cháy	(Khơ Me Nam Bộ)

(*)Loại nhân vật này có khá nhiều ở các dân tộc, nhất là dân tộc Việt, xin dành để cho một tập sưu tầm khác.

- Những mẫu chuyện về các làng Cười cũng xin để công bố sau.

TRUYỆN CUỘI

(Dân tộc Mường)

1. Bắt trâu nhà Lang cho người nghèo.

Cuội tìm đến ở chăn trâu cho một nhà Lang. Trâu nhiều, hàng ngày Cuội phải đi chăn rất vất vả. Nhiều lần trâu bị lạc. Cuội phải lặn lội suốt đêm trong rừng đi tìm. Trâu tuy nhiều nhưng hôm nào về, lão Lang cũng ra đếm. Cuội ghét lắm muốn trị lão ta nhưng chưa có dịp.

Một buổi nọ vừa lùa trâu ra đến bìa rừng, Cuội bỗng chú ý tới một người rách rưới từ trong rừng chạy ra. Thấy Cuội, người đó vừa khóc vừa kể lể.

Thì ra, đó là một bác nông dân nghèo, anh em bác ta dành dụm mãi mới tậu được con trâu cày, không may chiều qua bị hổ về tha đi mất. Bác theo dấu đi tìm chỉ còn nhặt lại được mỗi cái đuôi.

Cuội cầm chiếc đuôi trâu từ tay bác nông dân xem xét một lúc. Bỗng nghĩ ra một kế. Anh liền chọn trong đàn trâu của Lang một con to nhất, khỏe nhất và đưa cho bác nông dân và bảo bác cứ dắt về, xem như Cuội cho bác con trâu ấy. Bác nông dân vừa sợ, vừa

mừng, không dám nhận trâu vì biết đấy không phải là trâu của Cuội, nhưng Cuội đã nói:

- Bác không lo, trâu của Lang nhiều, Lang không biết đâu. Mà có biết, Lang cũng không bắt tội được tôi, tôi đã có cách mà.

Bác nông dân nửa tin, nửa ngờ, nhưng vì Cuội nói mãi, nên mạnh dạn dắt trâu đi. Trong khi đó, Cuội tìm cách cắm chiếc đuôi trâu vào một gò mối lớn, Sau khi đã chèn chặt, chỉ để một đoạn ngắn lộ ra, Cuội làm bộ hốt hơ hốt hải chạy về gọi lão Lang.

- Bẩm Lang, mời Lang ra ngay, trâu nhà ta bị một con kỳ đà lòi vào một gò mối rồi. Lang ra mau kéo nó xuống âm phủ mất.

Cuội dắt lão Lang chạy ra gò mối, vừa chạy vừa nói:

- Nó đã xuống cả hai chân sau rồi, chỉ còn cái đuôi. Lang phải giữ lấy đuôi, đừng cho nó xuống, và cũng đừng giật mạnh kéo nó đứt. Tôi trở lại lấy thuốc đào đất chung quanh thế nào cũng bắt lại trâu, có khi lại được cả con kỳ đà nữa.

Lão Lang thấy Cuội giục rồi rít thì cuống lên. Lão vừa tiếc của lại vừa tham con kỳ đà nên giục Cuội làm nhanh. Cuội lảng lảng lấy thuốc đào đất. Lâu quá, lão Lang nóng ruột cố sức kéo, cái đuôi bật ra làm lão ngã chổng kên.

Thấy thế Cuội quảng thuốc xoa tay, nói:

- Thôi! Thế là trâu đứt đuôi xuống âm phủ rồi.
Còn làm gì được nữa!

2. Chỗ này khó lắm.

Cuội đến ở với một tên quan Lang khác. Tên này cũng rất tham lam và bủn xỉn.

Một hôm, hần sai Cuội đi phát bờ ruộng với một người ở khác. Hai người làm quần quật từ sáng đến đứng bóng mà Lang vẫn chưa cho người đem cơm ra. Họ tức lắm. Nhân gặp một tổ ong, Cuội bàn với bạn lập mưu trị lão Lang. Xế chiều, như thường lệ. Lão Lang lò dò ra xem công việc bọn Cuội đã làm đến đâu. Thấy chung quanh cỏ dại và lau lách đã được phát tinh tươm, nhưng vẫn còn một đám rất chướng mắt, tên Lang gọi hai người đến hạch:

- Chúng mày làm ăn dối trá như vậy hả? Còn cái đám kia thì để làm gì?

Cả hai người đều đồng thanh thưa:

- Dạ bẩm Lang, chỗ ấy khó lắm, chúng con nghĩ mãi mà không biết làm thế nào, thôi để đến bữa sau cũng được.

Lang trừng mắt:

- Làm ngay đi cho gọn, còn sau với trước gì?

Hần đẩy người bạn cùng làm với Cuội xuống ruộng. Người ấy gãi đầu gãi tai khẩn khoản:

- Thưa Lang, Lang để con nghĩ cách đã.

Lang lại giục Cuội, Cuội cũng từ chối nốt.

- Chúng mày lười nhác, chứ chỗ ấy thì khác gì những chỗ kia. Tao mà dọn được thì chúng mày đừng có hòng mà ăn cơm chiều nay! Đưa dao phát đây!

Vừa nói lão vừa giằng lấy con dao. Cuội làm bộ kéo lại và can:

- Xin Lang đừng vội. Khó lắm! Lang để chúng tôi nghĩ...

Tên Lang càng bực mình, hấn giật lấy dao hùng hổ phát mạnh vào bụi mấy phát. Không ngờ lưỡi dao chém đúng tổ ong. Đàn ong ủa ra nhè tên Lang đốt túi bụi làm hấn tối tăm mặt mũi, sung phồng cả người.

Mọi người chung quanh cười rũ rượi. Cuội thì vừa chạy loảng quảng vừa xoa xuyết:

- Đấy tôi đã bảo Lang để tôi nghĩ đã. Thế mà Lang cứ không nghe.

Tên Lang ừ ừ, thất thểu về nhà, vừa đau, vừa tức ốm luôn mấy ngày mà không có cách gì trị Cuội và bạn anh cả.

(Trích theo *Chiếc gậy thần* 1979)
của Hoàng Khôi.

THẦY KHOÀNG

(Dân tộc Tày)

Vợ chồng Vi Văn Khoàng còn trẻ, mới lấy nhau chưa có con cái gì. Gia tài chỉ có một con trâu, nên chăm dất rất tử tế, đêm về còn cho trâu liếm muối, uống nước gạo, không dám thả rong vào rừng, như trâu của bà con bản xóm. Cần thận là vậy, mà hôm đuổi lên nương, con trâu biến đi lối nào không biết nữa. Khoàng ngỡ ngẩn cả người, mất trâu biết lấy gì làm nương ruộng sinh sống. Khoàng vớ cái ống cọn⁽¹⁾ vác lên vai táo tác chạy đi tìm trâu, miệng liên hồi gọi: Nghe ọ... nghe ọ.... ọ... Khoàng chạy loanh quanh như thế từ cuối buổi sáng đến tối mịt mới mò về tới nhà, Khoàng lúng túng chẳng biết nói với vợ, thế nào đành nghĩ kể "hoãn binh". Nhỡ tiếc của hấn ta làm âm ỹ lên thì xấu mặt với hàng xóm láng giềng. À sẵn có cái ống cọn đang vác trên vai. Khoàng nghĩ ra kế hay, liền hăm hở bước lên chân cầu thang, thì vợ đã từ trên bếp hỏi vọng xuống:

- Hôm nay cho trâu ăn ở bờ rừng hay ở bờ ruộng

(1) Ống cọn là ống gương nước, được làm bằng ống tre.

mà về muộn thế?

Khoàng nói gọn lỏn:

- Đem trâu đổi lấy cái ống cọng này đây.

Người vợ hốt hoảng kêu lên:

- Ôi!

Khoàng nói ngay:

- Cái ống cọng có phép mầu nhiệm tìm ra vàng bạc đấy.

Người vợ nghe nói có phép mầu nhiệm tìm ra vàng bạc thì mừng lắm, liền về khoe với bố mẹ đẻ:

- Chồng con đổi con trâu lấy cái ống cọng, có phép mầu tìm ra vàng bạc đấy.

Nghe tin con rể có phép mầu tìm ra vàng bạc thì bố vợ sợ con rể lấy mất, liền bàn với vợ:

- Ta hãy đem chum của chôn ở gốc khế rồi gọi nó sang tìm thử xem.

Không ngờ anh chàng rể lên theo vợ, nấp ở gần sà nhà nghe thấy hết. Hôm sau bố vợ gọi con rể sang hỏi phép mầu nhiệm thế nào và thách: Nếu tìm được chum vàng bạc của bố giấu ở đâu thì cho một nửa.

Khoàng làm bộ lầm nhảm đọc thần chú, rồi vung ống còn lên cao, xuống thấp, rồi rít tí mù... Một lúc sau thì ống còn chỉ vào đúng gốc cây khế. Bố vợ phục tài chàng rể, khen nức nở. Tiếng đồn Hoàng biết

dùng ống cọng tìm ra của âm lên từ bản quê đến kinh đô. Cùng lúc đó nhà vua mất cái ấn vàng. Trong cung rối rít cả lên, dùng đủ mọi cách nhưng không làm sao tìm được kẻ gian. Bảy giờ mới sai quan triều đi tìm, thấy Khoàng sợ khiếp vía không biết tính liệu thế nào. Đã trót nói dối với mọi người rồi, phen này mà không tìm được thì đến đứt cổ thôi. Khoàng ngồi trên kiệu như ngồi trên tổ kiến lửa. Khoàng tự trách mình, buột mồm nói: "Quýt làm Cam chịu, chớ có ăn năn". Không ngờ hai người lính khiêng kiệu, một người tên là Cam, một người tên là Quýt, khi nghe thấy nhắc đến tên mình thì rụng rời chân tay, tưởng là thấy đã biết hết, bèn hạ kiệu xuống sụp lạy Khoàng lia lịa, van vỉ:

- Xin thầy thương cho. Chúng con đã trót dại!

Khoàng trừng mắt quát:

- Chúng mày lấy lúc nào, tang vật giấu giếm ở đâu? Khai thực ngọn ngành, thầy giấu tên đi cho. Nhược bằng dối trá mạng sống chúng bay không còn.

Vậy là hai người lính cứ thế mà khai ra bằng sạch.

Sau đó, vào triều, Khoàng cũng vờ đưa ống cọng ra, lẩm nhẩm đọc thần chú, rồi xoay ống cọng mấy vòng. Và cứ y lời hai người lính mà nói vanh vách. Quả nhiên vua tìm thấy được hiện vật. Cả mừng và ban thưởng cho thầy Khoàng rất hậu, vua nói:

- Dân gian đồn đại về tài của thầy thật không sai.

Từ đó thấy tiếng đồn về sự tài giỏi của thầy truyền đi lòng lẫy. Nhưng Khoàng cũng sớm nhận biết rằng cái ống dễ có ngày làm cho anh ta mất mạng. Nghĩ thế nên Khoàng làm một cái chòi cao cuối bản, bảo rằng, hàng ngày Khoàng phải lên đó luyện phép. Vào một buổi tối trời hanh, rong gió, Khoàng tự tay mình đốt chòi và hô hoán lên rằng: Ống còn đã cháy, từ nay mất nghề làm ăn. Chòi cháy, cọn cháy chưa được bao lâu thì có sứ Tàu đến tận nhà đón Khoàng sang Tàu tìm cho vua Tàu cái vật quý: rùa vàng đã mất. Vua Tàu cho gọi hàng trăm thầy bói rồi mà công việc chẳng kết quả. Nay nghe nước Nam có thầy Khoàng đại tài giỏi thì cho sứ giả sang mời. Nhưng thầy Khoàng tỏ ra đau khổ mà từ chối rằng:

- Tôi nhờ cái ống cọn linh ứng có phép màu nhiệm nhưng bị cháy mất rồi, nên không biết làm thế nào được. Sứ Tàu đành phải về không⁽¹⁾.

(Tài liệu sưu tầm thực địa, có
lưu ở Sở văn hóa Lạng Sơn)

(1). Câu chuyện này có nhiều điểm tương tự như chuyện Thầy Hít, Trạng Hít ở miền xuôi. Về câu thành ngữ "*Quýt làm Cam chịu*" có dị bản lại nói là "*Mồm ăn dít chịu*". Chúng ta cũng đã gặp trong các chuyện Trạng Lợn, Bụng và Dạ v.v...

TRẠNG HÓN

(*Khun Hón - Dân tộc Thái*)

Trạng Hón sinh sau cháu mừng Xi Vực chỉ có một tiếng gà gáy, Hón không làm được cháu mừng, không được sắc phong để làm quan làm tướng. Nhưng vì Hón thông minh mẫn cán hơn người nên dân chúng xưng phong Hón là Khun là trạng.

1. Trạng Hón cho "ma nương" ăn canh bí:

Trạng Hón bị bọn chức dịch, thầy mo ở bản xóm hiềm khích, thù ghét luôn luôn tìm cách chơi khăm. Một hôm, ngầm sai bọn người tay chân lên nương lúa Trạng, khẽ nhỏ nâng cây lúa lên. Cây lúa bị đứt rễ úa héo, chết dần từng đám. Thầy mo phao tin rằng: Nương của Trạng Hón bị ma làm, phải cúng ma may chăng mới được ăn. Trạng Hón đi thăm nương lấy làm lạ lắm. Nhưng khi nhìn kỹ thì thấy có nhiều lốt chân người đi ngang dọc qua lại... Trạng nghĩ ngay đây là mưu mô của bọn người xấu chơi, chứ chẳng phải ma quỷ nào. Tuy vậy, Trạng vẫn làm ra vẻ ú ớ, tìm đến nhà thầy mo xem quẻ. Trạng bảo:

- Nhờ thầy mo xem giúp, không biết ma nào về

phá hại nương tôi. Cần gì thì tôi cúng, xin cho cây lúa xanh tươi, sai bông, mấy hạt.

Thầy mo nhếch mép cười thâm nghĩ: Sẽ cho Trạng một phen điều đúng, mất mặt mới hả. Thầy mo lẩm nhẩm khấn khứa gieo quẻ bảo rằng:

Trạng về phải mổ dê, mổ lợn cúng ma nương bằng không thì của nương mất đàng nương, của nhà mất đàng nhà.

Y lời, sáng hôm sau nghe dê nhà Trạng be dinh lên, lợn nhà Trạng kêu eng éc. Thầy mo xí xa xí xón, tăng tăng vui trong bụng, vợ vội cái khăn đỏ chân thấp chân cao, hối hả lên nương trạng. Thầy chui ngay vào hốc cây, trùm khăn đỏ kín mít đầu, mặt, ngồi đợi.

Trạng Hón đánh dê đánh lợn kêu âm ỹ như thế, nhưng thực ra Trạng đặt nồi lên bếp, chém năm, chém bảy mấy quả bí đỏ quăng vào đun một nồi lớn tướng canh gánh đi lên nương. Trạng đặt mâm cúng gần vào gốc cây to giữa nương, khấn:

- Con ma nào đói ăn cơm, ăn thịt ta cho: Chớ có làm ác hại cho nương lúa, nương ngô của ta.

"Con ma" trùm khăn đỏ ngồi trong hốc cây nói vọng ra:

- Người mổ dê, mổ lợn chưa đủ, phải mổ trâu cúng ta mới nghe!

Trạng Hón biết tông cái thứ ma ấy, liền bê nồi

canh hắt mạnh vào hốc cây. "Con ma" phải bỏng dây đàn đập. Nhưng chẳng dám kêu.

2. Trạng Hón đổi chó quý lấy trâu mộng.

Người bản xóm kháo âm lên rằng: Nhà trạng Hón có nuôi một con chó, chó khôn ngoan đáo để. Con chó ấy lại có phép mầu nhiệm, ỉa ra bánh. Nhờ vậy mà trạng được phần no đủ. Nhiều người buôn qua về nhờ độ đường nghỉ nhờ nhà Trạng, cũng thấy chính mắt họ trông thấy trạng quét cứt chó lại một xó nhà rồi nhặt ăn. Nhiều người buôn thấy chó quý bỏ tiền ra mua, nhưng Trạng nhất định không bán... Để khoe con chó quý báu của mình, thỉnh thoảng trạng còn mang bánh lên biếu cháu mừng. Cháu mừng ăn, khen ngon có vị thơm. Cháu mừng hỏi:

- Ở đâu ra, ngon thế?

Trạng tùm tùm cười đáp:

- Do con chó quý nhà tôi ỉa ra đấy.

Lâu nay không thấy Trạng mang bánh lên biếu, cháu mừng đâm nhớ mùi vị ấy, bèn phi ngựa đến nhà trạng. Trạng gọi chó ra sà ngoài đánh cho kêu ăng ẳng lên mấy tiếng, sau đó bê đĩa bánh vào mời. Thấy chó quý cháu mừng gạ mua. Nhưng trạng rằng:

- Nhà chỉ có một con chó quý, nó nuôi sống hằng ngày. Nhưng vì nể cháu, thì xin đổi cho trâu mộng.

Giao chó, trạng dặn:

- Chầu mừng hãy để lâu lâu, cho chó quen chủ mới. Thì đánh khắc có màu nhiệm nhá!

Nhưng chỉ được mấy hôm chầu mừng sốt ruột, dất chó ra đánh. Khi ăn thấy không phải là bánh...liền mang chó đến giả cho trạng Hón. Chầu mừng nổi giận gât:

- Này Trạng xỏ lá ta rồi! Chó này không phải là chó ỉa ra bánh, ta giả lại chó. Trạng giả lại trâu cho ta đi!

Trạng thản nhiên hỏi:

- Đổi được mấy ngày rồi?

- Hai ngày.

- Ô, phải để lâu lâu cho chó quen chủ mới. Nhà chầu mừng làm hỏng mất chó của tôi rồi. Tôi bắt đền đấy!

Trạng cương quyết:

-Tôi nhất định không trả lại trâu.

Bị đuối lý, Chầu mừng tức đến tái người đi, Nhưng không làm gì được, đành ngậm đắng nuốt cay ra về.

3. Trạng Hón đi thăm vua mừng nước.

Chầu mừng làm lễ cúng hồn. Bấy giờ người ra kẻ vào tấp nập. Đủ mặt các hạng chức dịch: Phìà, Tạo, ông Pần, ông Poọng, quan sư, quan bách, quan phóng,

quan chiêng... cùng với đám chủ tế trông hồn: mo, chay, nghé, một... mà trạng Hón gọi chung bọn họ là chủ tôi tớ tham lam bẩn tiện. Chúng chen chúc nhau chề chén say sưa hơi men chệnh choáng, tranh nhau nói, tranh nhau hát lao xao ào ào toong toan âm ỹ... khổ nhất là đám cấm tang lam poọng, ông quyền, và bọn lính hầu, dân chậu túi bụi với công việc bếp núc mâm bát.

Trạng Hón thấy chướng tai, gai mắt, bèn nghĩ cách phá đám, chơi khăm nhà cháu. Hón quơ quén rất nhiều than đốt nương rồi thả xuống trên đầu nguồn nước, than trôi bập bênh trên mặt sông, và trạng ra bộ hốt hải vừa chạy vừa gọi um lên:

- Ôi chú chí long khong. Bà con ơi, bản xóm ơi! Chú chí long khong tràn đầy mặt sông ấy.

Chẳng ai biết chú chí long khong là cái thổ tả gì, nhưng cứ nghe tiếng lạ, nên ùa ra xem cho biết. Vì thế, người nọ giục người kia rồi rít cả lên. Bờ sông trong chốc lát đã đông đúc, tấp nập, om sòm... chen lấn như xem hội.

Thừa cơ ấy, trạng Hón lẩn vào nhà Cháu mừng, chén hết những của ngon vật lạ của mâm nhất mâm nhì. Đã xong đâu, Hón còn trộn bữa bãi các thức ăn thừa vào nhau, bảo bọn phìa tạo, quan nha chỉ đáng ăn các loại thức ấy thôi.

Mọi người đứng tách ngách mắt lên ở bờ sông, nhưng chẳng thấy gì, chỉ thấy vô số than củi trôi về thì biết ngay bị trảng Hón lừa, Châu mừng tức lắm bèn ra lệnh bắt hón nhốt vào rọ thả xuống sông, cho về ở với vua nước. Châu mừng sai một người lính lực lưỡng, vác sọt xuống sông. Nhưng vừa đến bờ, Hón đã rớt rít kêu:

- Thôi chết! Thôi chết tôi rồi, Châu mừng ta viết giấy cho vua nước, bảo tôi mang về cho vua ấy. Nhưng tôi đã quên khuấy mất, ông vác tôi quay lại lấy, tôi bỏ ngay chân cầu thang thôi mà. Không có thư thì tôi biết bẩm trình với vua Mừng nước về Châu mừng ta như thế nào.

Người lính vác sọt Hón, không tin.

- Hón chỉ nói dối thôi.

- Hón làm bộ nghiêm trang:

Ông không tin, về sau Châu mừng ta với vua nước có gì hiềm khích, thì ông hãy chịu tội nhá!

Người lính nghe nói chịu tội, thì giật nảy mình.

- Thôi tôi đi lấy cho vậy, chứ vác Hón quay lại thì mệt lắm!

Nói đoạn, anh ta bỏ rọ Hón bên bờ sông, cầm cổ chạy trở lại.

Hón ngồi so ro trong rọ thì gặp một chú khách buôn đi qua, khách mang ~~đầy~~ một bèm hàng nặng, mỗ

hỏi nhể nhại, Hón chép miệng.

- Làm gì cho vất vả, nặng nhọc cái tấm thân. Cứ ngồi vào rọ như tôi thế này khắc nhàn hạ, sung sướng. Ông xem này, tôi mát mẻ, không một giọt mồ hôi thấm áo.

Khách buồn ngẫm mình mang hàng vất vả từ vùng nọ tới vùng kia mà chẳng kiếm được bao nhiêu... bèn khẩn khoản:

- Anh tốt bụng quá! Nếu được vậy, thì anh cho tôi cùng ngồi vào rọ với có được không? Y như lời anh, tôi xin biếu anh một nửa bèm hàng này.

Hón tỏ ra hào phóng, sẵn lòng giúp, nói:

- Thôi được, anh hãy mở rọ ra mà chui vào.

Sau khi người buôn mở rọ tự chui vào thì Hón buộc miệng rọ lại, rồi mang bèm hàng chuồn thẳng.

Lại nói người lính nhà Chầu muông, sau khi tìm mãi không thấy giấy đâu thì đâm cẩu, quay lại, hầm hầm nét mặt tức giận, hấn tướng hón ngồi trong rọ, mắng luôn: - Sắp chết đến nơi rồi, mà còn nói dối! Cho mày về mà nói dối với vua nước.

Người khách buồn nghe nói thế thì kêu rối rít lên:

- Ối, ối ! Tôi là người buôn đây.

Người buôn ông cũng chẳng tha.

Miệng nói chân đạp luôn rọ xuống sông.

4. Trạng Hón giúp Châu mừng đi thăm vua Mừng nước.

Hôm sau, Hón mang đầy một bèm hàng tấm, hàng bạc nặng đến nhà Châu mừng.

Gặp Hón, Châu mừng trở mặt lên ngạc nhiên. Nhưng trạng Hón làm ra bộ vui mừng vì được mang ơn châu mừng. Hón kể hải:

- Ôn Châu mừng rộng bụng cho đi thăm mừng nước. Dưới ấy đất phẳng đồng rộng. Vua mừng phìa tạo sống trên nhung lụa, gấm vóc. Vàng bạc của tiền không thiếu. Vua Mừng nước gửi biểu Châu mừng một bèm hàng đầy!

Châu mừng đón bèm quà, mở ra xem thì sùng sốt, vì đầy một bèm những là lụa, những vóc, vòng tay, khuyên tai bạc... Trong mơ Châu mừng cũng chả gặp. Của không dung mang tới như thế, ai mà không sùng sốt? Châu mừng vừa lật qua, lật lại những món hàng ấy, vừa hỏi:

- Vua mừng nước còn dặn gì tôi không?

Trạng Hón bảo:

- Vua Mừng nước mời Châu mừng về thăm, còn tặng cho voi quý. Trạng lảm nhảm như tự nói với mình. Có voi quý mà thô thì chắc là được nhiều quà lắm!

- Ta có về thăm vua nước được không?

- Được thôi có khó gì!

- Vậy ta, đi bằng đường nào?

- Chầu mừng cứ theo đường của tôi... Ngồi vào rọ, tôi buộc lại. Nhưng tôi không vác Chầu nổi đâu.

Chầu hãy ra bờ sông ngồi vào rọ tôi giúp lặn xuống hộ.

Chầu mừng vội vàng tự xách rọ ra bờ sông, ngồi vào cho Hón buộc chặt lại. Hón còn nhét thêm đá vào rọ bảo:

- Gửi làm quà cho vua nước, Chầu mừng mang hộ.

Chầu mừng mừng rơn, rớt rít giục Hón nhanh chóng lặn rọ xuống sông để Chầu mừng được sớm thăm vua Mừng nước. Trạng hón y lời. Ủm một cái rọ đựng Chầu mừng rơi xuống đáy, tấm sủi lên. Thế là rồi đời một tên tham lam độc ác.

(Tài liệu sưu tầm ở Lai Châu)

TRẠNG TÊNG

(Dân tộc Vân Kiều)

Thuở xưa, thời mà loài người và loài thú còn ở lẫn lộn, còn biết tiếng nhau, thì giống người còn thừa thớt

lắm. Tuy vậy, người đã tỏ ra có trí khôn hơn vật.

Ở bản nọ, có cậu bé tên là Tềng. Tềng khôn ngoan linh lợi. Một hôm Tềng lang thang ở trong rừng để kiếm ăn. Đang đói thì tềng gặp ngay một chú voi đang quỳ xuống ngăn suối cho đàn khỉ bắt cá. Tềng nghĩ: nếu tranh bắt cá với khỉ, đàn khỉ đông thế, chúng bâu vào cắn chết mất, liền nghĩ được mẹo hay. Tềng chống nạnh hai tay, khuỳnh hai chân cho ra vẻ oai vệ quát lớn.

- Ta là trạng Tềng ở trên Diềng xuống để hỏi tội voi.

Nghे trạng từ trên trời xuống để hỏi tội mình nên voi hốt hoảng chạy biến vào rừng sâu. Nước ào về trời băng đàn khỉ. Tềng chạy đón xác khỉ, vớt lên vớt ngổn ngang lên bờ rồi đốt một đống lửa, làm lông, nướng chén. Mùi thịt khỉ thơm bay đi khắp núi rừng. Hổ ngửi mùi thơm mò tới. Thấy Tềng đang chén hết đùi khỉ này đến đùi khỉ khác, mà xác khỉ vẫn còn ngổn ngang, hổ hỏi:

- Ông làm sao mà kiếm được nhiều thịt thế?

- Tềng ngoái cổ lại đã nhìn thấy hổ lù lù ở sau lưng. Mặt hơi biến sắc, nhưng Tềng lại bình tĩnh ngay, cười nhạt:

- Ta là ông trạng Tềng từ trên trời xuống. Thế hổ chưa biết tiếng trạng Tềng à?

Hổ chẳng biết trạng Tềng là thế nào cả. Nhưng chắc là tài giỏi lắm. Hổ là chúa rừng này, mà phải rình mò chặt vật lắm may chẳng mới chop được một chú khỉ ốm đói, đằng này trạng Tềng bắt được bao nhiêu là khỉ. Hổ chúa phục tài trạng quá!

Ra vẻ hào phóng. Tềng vút luôn cho hổ một đùi khỉ nướng vàng và mấy con khỉ chưa vật lông:

- Hổ có đói thì ăn đi!

Hổ mừng rơn, đang đói được thịt thì nhai ngấu nghiến, đến lúc lưng lửng dạ, hổ mới lân la đến bên Tềng hỏi:

- Trạng làm thế nào mà một lúc bắt được cả bấy khỉ thế?

Tềng cười vang.

- A ha, mày ngu quá! Trạng còn giỏi nhiều thứ, không chỉ một việc bắt khỉ này đâu.

- Trạng và tôi to nhất rừng đấy. Ta kết nghĩa cà lơ với nhau đi thôi.

Tềng cười tiếp:

- Ta còn làm chủ cả khu rừng bên kia nữa, nhưng kết nghĩa cũng được. Hổ to xác, cà lơ đi đường công ta nhé!

Tềng cưỡi trên lưng hổ nghênh ngang đi sang khu rừng bên cạnh. Giữa rừng Tềng nhìn thấy một con lợn

rừng từ đằng xa đi lại, Tềng bảo:

- Có con lợn rừng đang đi tới, hổ vào nắp ở bụi cây này tao đi trước xem sao nhé.

Thực ra Tềng sợ hổ và lợn rừng đánh nhau, khi túng thế không chùng đánh cả mình. Lợn rừng thấy định xông thẳng vào, chợt thấy Tềng khoát tay làm hiệu im lặng. Lợn rừng dừng lại, đang phân vân thì Tềng nói ngay:

- Đằng kia có con hổ đang rình, chực vỗ mào đấy. Nó bảo giết chết mào để đoạt luôn khu rừng của mào đấy. Mào chạy nó đuổi. Con hổ này yếu thôi, mào phải đánh nó trước đi.

Thấy hai con thú rừng sắp gần đến nhau, Tềng liền xúi.

- Táu, táu... ấy.

- Ủi ui ... ấy.

Vốn tính hung hăng, lợn rừng xông thẳng vào hổ. Hai con vật cắn xé nhau, tiếng gầm rú vang cả khu rừng, quần nát cả một đám cây rừng.

Đợi cho chúng mệt nhoài, Tềng bày cho hổ một thế vỗ.

- Túm gáy, bắt kheo chân, bẻ...

Hổ làm theo lời của Tềng, quả nhiên lợn rừng bị cú hiểm ngã kênh. Hổ cắn cổ. Lợn chết. Hổ càng phục

Tềng là tài giỏi. Hổ và Tềng khiêng lợn về xuôi mổ thịt. Vớ được cây xơ tang làm đòn khiêng. Tềng nhường cho hổ khiêng đầu gốc lằm gai nhọn, đi được một đoạn gai nhọn đâm vào vai hổ. Hổ kêu đau. Tềng bảo: Kêu thịt sẽ đắng đấy. Hổ gắng đi tiếp một đoạn nữa, lại kêu:

- Cái gì đâm vào vai đau quá trạng Tềng ơi!

- Mày không khiêng quen đấy thôi.

Hổ vừa khiêng vừa rên hừ hừ. Đến bờ xuôi, sau khi mổ thịt xong, Tềng bảo hổ:

- Có lửa nướng ăn mới ngon.

Hổ nhớ lần ăn thịt khi nướng, thấy ngon và thơm hơn ăn sống thật, hỏi:

- Trạng Tềng ơi xin lửa ở đâu?

Tềng chỉ tay về phía mặt trời lặn nói.

- Mày đến nhà bà tao mà xin. Mày đi nhanh hơn, tao qua đó bà tao giữ tao lại ăn cơm chiều thì chậm mất. Hổ nhằm hướng mặt trời lặn, cầm đầu chạy đi. Một mình Tềng nhóm lửa nướng chén no nê, còn cắt hai hòn dái lợn giấu đi. Hổ chạy mãi chẳng tới được nhà của bà Tềng, đành phải quay lại. Đói quá, cẩu:

- Hổ chạy mãi mà chẳng thấy nhà bà Tềng đâu. Tềng nói dối rồi.

- Mày đi lạc đường đó thôi. Tao đi tắt lấy được

lửa về đây còn gì.

Tềng chỉ đóng ruột, trộn với thịt bụng bạc nhạc:

- Phần mày đây thôi ăn đi kéo dôi.

Hổ vợ thịt ăn luôn kêu:

- Sao thịt đáng thế này?

Tềng làm mặt giận:

- Tao còn tức mày đây, tại khi khiêng mày kêu nhiều, nên thịt mới đáng thế.

Sáng hôm sau hổ và Tềng lại đi săn. Nhưng mãi đến trưa trệt, vẫn không gặp được gì, dôi meo bụng, Tềng nhớ còn có hai hòn dái lợn giấu ở bụi cây bên bảo:

- Hay ta cắt dái nướng ăn đi.

Hổ nói:

- Đau chết! Cắt dái mày trước nhá, cắt một dái thôi.

Tềng bằng lòng, lấy cật nửa vào bụi, vờ một lúc rồi mang hai quả dái lợn ra:

- Tao lỡ cắt mất cả hai hòn dái rồi.

Nướng đôi dái lợn lên cũng được một bữa ngon lành. Đến lượt hổ. Hổ cầm cật nửa cứ dấm dứ mãi, mà chẳng thể nào cắt được. Tềng nói:

- Thôi đưa đây, tao cắt giúp, tại mày không quen đó thôi.

- Tềng nắm lấy đôi dải hồ cắt băng. Hồ đau điếng nằm rên hừ hừ. Hôm ấy vì đau quá hồ phải bỏ ăn. Một mình Tềng chén đầy. Hồ thấy lạ, vì sao bị cắt dải mà Tềng cứ nhón như không, chẳng tỏ ra đau đớn gì cả.

Ăn xong, một mình Tềng xuống suối tắm. Hồ lần theo, nhìn xem. Thấy dải Tềng vẫn còn nguyên, nên hồ găm lên:

- Tềng nói dối, phải "cáp Tềng vai, cha Tềng vai" thôi (ăn thịt Tềng, cắn chết Tềng thôi).

Không còn cách nào chống chế, Tềng chạy bươn sang bên kia suối, cắm cổ chạy trốn. Hồ vừa rên hừ hừ vừa đuổi theo.

- Cáp Tềng vai, cha Tềng vai!

Nghe nói sau đó, hồ tóm được Tềng. Nhưng lại bị Tềng lừa cho một trận đến khiếp vía, chạy biến vào rừng sâu. Từ đó không dám ở gần người nữa...

(Có tham khảo Mai Văn Tấn
Truyện cổ Văn Kiều)

THƠ VA ĐA (*Dân tộc Khơ Mú*)

1. Chàng trai thông minh.

Ngày xưa có một bà mẹ Khơ Mú, mang thai đến

bảy năm, bảy tháng bảy ngày mới sinh được ba người con trai. Gọi là sinh ba. Bà được ông thầy cúng cho hay rằng: Ba người con của bà, một người sẽ làm vua, một người là thông minh, một người làm giặc là kẻ thù. Lời tiên đoán của thầy cúng làm cho bà mẹ thoáng một chút lo âu. Nhưng bà vẫn hy vọng ở ngưỡng kỳ sinh nở: ở sự chăm sóc nuôi nấng của mình.

Người con thứ hai bà đặt tên là Thơ Va Đa. Thơ Va Đa mặt mày sáng sủa, khẩu khỉnh và linh lợi. Một hôm Thơ Va Đa theo mẹ đi làm nương. Hai mẹ con mãi mê chọc lỗ tra hạt giống, thì có một ông quan cưỡi ngựa đi qua. Quan vừa cười vừa hỏi đùa:

- Này bà kia, từ sáng tới giờ, mẹ con nhà bà chọc được bao nhiêu lỗ, tra được bao nhiêu hạt giống? Nếu không nói được thì nương ấy thành nương quan nhá!

Bà mẹ cứ đứng ngẩn người ra. Không biết trả lời thế nào. Thơ Va Đa ngừng tay bỏ hạt, cất tiếng thưa:

- Bẩm quan mừng, bằng bấy nhiêu bước chân ngựa của nhà quan, từ lúc ra đi cho đến giờ.

Quan ấy về tâu vua. Vua cho đấy là cậu bé tài giỏi, miễn tiếp... Vua mừng bèn sai truyền lệnh rằng: "Vua bắt phải nộp một sợi dây bằng gio dài bằng bảy sải, bảy gang tay. Không có thì sẽ chém đầu cả mẹ lẫn con". Nhận được lệnh của vua, bà mẹ lúng túng người già nhất trong bản cũng lắc đầu không biết tính sao. Nhưng Thơ Va Đa vẫn bình tĩnh mà thưa với mẹ rằng:

- Mẹ ơi! Mẹ bện cho con một sợi giây bằng giẻ, cuộn vào một cái chum để hở hai đầu dây mà đốt khắc có dây gio, rồi mang cả chum ấy dâng lên vua.

Vua nhận được chum dây, bèn khen cậu bé thông minh. Nhưng muốn thử nữa cho chắc chắn, lại sai đình thần đem con chim sẻ đến nhà Thơ Va Đa bảo: "Theo lệnh vua, người hãy mổ chim làm ba mâm cỗ để vua tiếp sứ giả nước láng giềng". Người mẹ nghe triều thần truyền lệnh vua thì sững sốt hết cả người. Nhưng Thơ Va Đa vẫn điềm nhiên như không, bảo mẹ rằng:

- Mẹ ạ! Mẹ lấy cái kim khâu đưa cho triều thần mang lên vua để vua sai thợ rèn, rèn cho con cái dao về mổ chim.

Vua nghe triều thần tâu lại yêu cầu của Thơ Va Đa thì phục tài lắm. Vua lại sai triều thần:

- Người báo cho Thơ Va Đa rằng: Hãy dâng lên cho vua một cái bánh biết nói.

Nhận được lệnh, Thơ Va Đa không hề lúng túng, mà còn tỏ ra thích thú, bèn nằm khoanh tròn vào một mâm gỗ, bảo mẹ dán giấy lại. Xong đó, yêu cầu triều thần đặt mâm lên bành voi mang lên kinh đô dâng vua.

Vua mừng nhận bánh nức nở khen Thơ Va Đa thông minh và giữ luôn ở kinh đô. Về sau vua có ý gả

công chúa cho Thơ Va Đa. Nhưng Thơ Va Đa từ chối.

2. Thơ Va Đa xỏ lão nhà giàu.

Cách nhà Thơ Va Đa không xa có một lão nhà giàu tham lam và keo bẩn. Thơ Va Đa định bụng xỏ hấn một cú cho chùa cái thói hám của ấy đi, liền thuê thợ đục cho một tượng voi đá, xong nhuộm nghệ vàng lại bí mật đem chôn dưới chân cột nhà của mình. Sau đó cứ suốt mấy ngày liền Thơ Va Đa hì hục đào, bới đất ở gầm nhà sàn lên. Đất đá cứ tung tóe, tanh bành ngổn ngang như nơi con lợn rừng dũi. Có ai tò mò hỏi thì Thơ Va Đa đáp rằng: mình đã nằm mộng thấy thần chỉ cho của chôn dưới đất này. Nhưng đã đào bới mấy ngày mà chưa thấy.

Lão nhà giàu nghe tiếng cũng tò mò muốn xem cho tường tận thực hư. May mà hôm đó Thơ Va Đa đào vào sát cột nhà chính, lấy lên được tượng voi bằng vàng. Thơ Va Đa mừng quýnh vội vàng đỡ trên tay ngấm ngĩa. Thấy của, lão nhà giàu lóa mắt chạy xô đến, giằng tượng từ trên tay Thơ Va Đa để xem thử. Ứng ý, lão ta gạ đổi rằng:

- Tôi đổi cho con gà mái đẻ nhá! Chẳng mấy chốc, chẳng bao lâu, nhà cậu sẽ có một đàn gà. Thịt tha hồ chén, trứng tha hồ ăn nhá!

Thơ Va Đa lắc đầu.

- Con dê nhá!

- Thơ Va Đa lắc đầu.

Vậy thì ... con ngựa.

Thơ Va Đa khẽ gật đầu. Thế là người lấy tượng voi, người lấy ngựa. Lão nhà giàu ôm khư khư lấy tượng voi đem về nhà, bỏ ngay vào bèm đóng lại. Thơ Va Đa cười ngựa đi đó đây rồi dạy cho bọn trẻ con nghèo ngao hát rằng:

Chiêm bao sao khéo mơ màng

Thấy con voi gạch ngõ ngang nâng niu...

Tiếng hát ấy làm cho lão nhà giàu chột dạ, đưa tượng voi vàng ra xem thử. Hắn ngồi thuồn mặt ra, kêu: Thôi chắc bị mắc lừa rồi. Lão cảm tức đến tím bầm gan ruột. Nhưng chẳng dám kêu la gì. Vì sợ mang tiếng tham lam mà hóa ra u mê...

4. Thơ Va Đa giúp bạn cưới con gà.

Thơ Va Đa có một người bạn mồ côi rất thân thiết. Một hôm, anh bạn nói với Thơ Va Đa rằng: "Mình với Nang La thương nhau lắm. Nhưng vì mình mồ côi mà bố Nang La không nhận rể... Buồn đến chết mất thôi!"

Ngẫm nghĩ một lát, Thơ Va Đa bảo bạn:

- Nhà bố mẹ Nang La, đàn đàn, lũ lũ những là gà mẹ gà con, gà trống, gà mái đủ cả. Mình về nuôi một con trống thật to, át hẳn con gà trống to nhất của đàn ấy nha!

- Để làm gì hở bạn?

- Nuôi đi khác biệt!

Vốn tin Thơ Va Đa, anh ta y lời tìm nuôi được một con gà trống to tướng. Con gà trống của anh ta tìm đập gà mái, đuổi gà trống nhà bố Nang La chạy táo tác cả lên. Lúc đầu bố Nang La cũng thấy hay hay, được giống gà to cũng quý. Nhưng về sau đàn gà của ông ta cứ xao xác tán loạn, giẫm chết gà con mới nở, thì ông bố Nang La đâm ra bực tức, tưởng như chính bản thân mình bị quấy rầy. Nhiều lần ông xúi chó đuổi, nhưng con chó dở sẵn, lại đuổi luôn cả gà nhà mình. Nên ông ta gọi anh mồ côi yêu cầu nhốt gà lại. Thơ Va Đa làm như vô tình, nói:

- Chẳng ai nuôi chó một nhà, nuôi gà một vườn, bác ạ.

- Đành vậy sao không nuôi con gà mái có hơn không!

Thơ Va Đa làm bộ buồn rầu, nói:

- Hấn mồ côi, nuôi con gà trống, để làm bầu, làm bạn. Gà còn gọi dậy sớm mà đi làm chứ ạ!

Thơ Va Đa đổi buồn làm vui nói ngay:

- Hay là bác cho hấn cưới con gà?

Bố Nang La nghe Thơ Va Đa nói thế cảm thấy buồn cười, gật đầu luôn. Hôm sau như mẹo của Thơ Va Đa, bạn ôm gà sang xin ở rể. Bố Nang La xua tay bảo:

- Cho lấy về luôn, còn ở rể ở con làm gì.

Anh ta về nói lại với Thơ Va Đa:

- Thơ Va Đa ơi! Ông ta bảo cho lấy vợ về ngay thôi, không ở rể.

Chọn được ngày lành tháng tốt, được bà con bản xóm giúp sức, Thơ Va Đa đi đầu, cùng bà con họ mạc đi đón dâu. Nhưng bố Nang La cứ ngó người ra lấp bắp:

- Cưới con gà! Sao bà con bản xóm đến đông đúc thế? Thơ Va Đa nói luôn:

- Ông thương anh ta côi cút thì nói vậy. Thách cưới con gà, nhưng mà lo được con lợn cưới vợ thì càng tốt chứ sao!

Ông bố Nang La cứ há hốc mồm, sừng sốt, nhưng chẳng biết cãi thế nào. Bà con bản xóm được dịp xông xáo!

- Thế là chàng mồ côi được vợ.

(Tài liệu sưu tầm có lưu ở
Sở văn hóa Lai Châu)

THƠ MÊNH CHÂU

(Dân tộc Khơ Me Nam Bộ)

Thời kỳ mang thai, người mẹ mơ thấy mình lạc vào vườn dừa trĩu quả. Quả nào cũng đầy đặn bóng

mượt như mặt trăng rằm. Bà nghĩ bụng: Chắc là một giấc mơ đẹp, một điềm lành. Bà nuôi hy vọng ở ngưỡng kỳ sinh nở, bèn tìm đến nhà ông thầy bói, xem quẻ. Không may, thầy bói đi vắng. Bà vợ ông ta tiếp đoán rằng:

- Giấc mơ này vừa dịu dàng như ánh trăng, vừa chói chang như ánh nắng. Thật lạ! Bà sẽ sinh được một cậu bé thông minh sáng láng, sớm có tư chất. Nhưng... phải chịu số phận làm thằng hầu, con ở.

Bà mẹ thoáng một chút buồn. Ít lâu sau bà sinh một cậu bé kháu khỉnh, đặt tên là Thơ Mênh Chây.

1. Vào cuộc:

Từ nhỏ, Thơ Mênh Chây đã tỏ rõ thông minh, mẫn tiệp. Lên bảy tuổi, Chây thơ thần chơi một mình ở nhà sàn của chúa đất Sét Thây. Vợ chúa đất dệt vải, tuột tay đánh rơi con thoi xuống đất, liền sai:

- Chây, lượm con thoi đưa lên đây cho tao.

- Bà trả công cho tôi gì nào?

Bà ta chau mày, nói:

- Cho mày ít gạo lứt.

Chây nói nghiêm trang dứt khoát:

- Trả nhiều cơ.

- Ủ, cứ lấy lên đây.

Bà ta nói chùng chảng cho qua chuyện. Nào ngờ

Thơ Mênh Chây không phải là cậu bé bình thường. Chây nhặt con thoi đưa tận nơi, rồi xuống ngồi đợi ở bậc cầu thang. Mãi chẳng thấy bà ta mang gạo ra trả. Chây giục:

- Trả gạo cho tôi đi.

Bà vợ chúa đất Sét Thây lấy một ô gạo lứt ra, hất hàm:

- Ngửa vạt áo ra mà đựng.

Chây quay ngoắt nói rắn rỏi:

- Tôi không lấy ít thế đâu.

Thấy thái độ kiên quyết của Thơ Mênh Chây, bà ta làm hờn, bê hẳn ra một thúng gạo đầy. Nhưng Chây vẫn lắc đầu không chịu. Bà ta nguẩy dít bê luôn vào. Chây giẫm chân khóc òa lên. Chúa đất Sét Thây đi đâu về trông thấy, bèn hỏi vợ. Bà ta kể lại đầu đuôi sự việc, và nói:

- Tôi trả cho hần hần một thúng gạo đầy, mà hần còn không chịu cho.

Nghe thúng câu chuyện, Sét Thây nheo một bên mắt nháy vợ, mắng át:

- Bà chỉ biết một mà không biết hai. Thóc lúa ta đổ xuống sông còn không hết, cò kè với cậu ấy mà làm gì.

Sét Thây quay về phía Chây, hể hả:

- Chây! Cháu vào đây, bác trả nhiều cho nhá! Gạo thóc nhà bác đâu có thiếu.

Sét Thây lấy một cái nong to, rồi bê luôn thúng gạo đổ ra hai phần: Một đống nhỏ, ở nong, một đống to ở thúng.

- Cháu bảo phần nào nhiều?

Chây chỉ vào thúng gạo bảo?

- Phần này nhiều.

Sét Thây cướp lời luôn:

- Phần này nhiều trả công cho cháu, cháu mang về đi.

Sét Thây nháy mắt cười hề hề nhìn vợ.

Thơ Mênh Chây đứng chết lặng, biết đã mắc mưu cái lão già ấy. Nhưng đành mang gạo về. Thơ Mênh Chây âm ỨC, thưa với mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ hãy đến nhà chúa đất Sét Thây vay thóc, con xin ở trừ nợ cho ông bà ấy.

Bà mẹ buồn rầu nói:

- Thôi con ạ, ở nhà rau cháo gì cũng được, mẹ con hôm sớm có hơn không. Nhà chẳng mắc công dính nợ gì ai. Vay thóc mà làm gì. Tại sao con lại phải dày ải cho khổ thân xác con như thế.

Nhưng Chây cứ tha thiết năn nỉ:

- Mẹ ạ! Sét Thây là một tay quỷ quyết, vừa rồi con

bị lão ta lừa... con muốn đến ở ngay nhà lão ấy, khi nào phá được mưu mô của hắn thì con mới nghe.

Người mẹ chẳng hiểu thế nào cả, nhưng vốn tin yêu con, bà đành chiều lòng. Ngày hôm sau, bà đến nhà Sét Thây vay thóc. Và gán con trừ nợ.

2. Tôi không dám nhặt và tôi đã nhặt tất cả.

Để tỏ vẻ sang trọng, oai vệ, Sét Thây giao cho Thơ Mênh Chây phải thường ngày phục dịch, hầu hạ ông ta.

Một hôm có việc lên kinh đô châu vua, Sét Thây cưỡi ngựa đi trước. Chây lễ mễ bê khay quả quý theo sau. Dẫu đã cố gắng chạy lon chon nhưng Chây không sao theo kịp ngựa. Sét Thây đến cổng thành trước, sốt ruột phải đợi Chây, nên vừa trông thấy mặt đầy tớ, Sét Thây đã quát tháo om sòm:

- Làm sao mà chậm như rùa thế? Mày vừa đi vừa ngủ chắc. Chậm buổi châu thì mày chết với ông.

Chây đưa tay quạt ngang mồ hôi trán, thưa:

- Thưa ông! Tôi không dám chạy nhanh vì sợ khay quả quý rơi mất ạ!

Đang câu, ông chủ nói ngay:

- Lần sau mày cứ theo cho kịp ngựa là được, rơi vãi gì mặc nó.

Chây lễ phép vòng tay! Hôm sau Sét Thây lại có

việc lên châu vua. Chây lại lễ mễ bê khay quả quý theo ngựa chủ. Lần này, thì Chây cứ cầm cổ chạy cho kịp ngựa. Chẳng thèm để ý đến những quả quý trong khay bắn vung ra đường. Ngựa chủ vừa dùng chân ở cổng thành thì Chây cũng vừa kịp đến. Có đây tứ lữ theo hầu, Sét thấy ra dáng đạo mạo lắm. Khi vào châu ông ta vẫy tay cho Chây bê khay quả quý lên, Chây cung kính nâng khay quả quý ngang mặt dâng lên chủ, rồi vội về khép nép lùi lại đứng đợi. Sét Thấy trịnh trọng mở khăn phủ khay ra, thì giật mình chung hững nhìn cái khay không, ông ta tẽn tò nhìn ra xung quanh một lượt lại nhìn về phía Chây. Chây vẫn đứng nghiêm trang vòng hai tay lễ phép và cung kính...

Tan châu, Sét Thấy phóng ngựa về nhà, hạc tội đây tứ.

- Mày hại tao, mày bôi gio trát trấu vào mặt tao hả? Này Chây, tao hỏi: Mày đã đánh rơi quả trên đường sao không nhặt lại hả. Lần này tao xé xác mày ra!

Chây làm bộ sợ hãi, thưa:

- Nghe lời ông dặn: phải chạy cho kịp ngựa, rơi vãi gì cũng mặc, không cần nhặt. Thưa ông chủ, tôi đã làm theo đúng lời ông dặn đấy ạ.

Sét Thấy ngỡ người ra mới hay rằng đây tứ đã trung thành với lời dạy của mình, đành đổi giọng:

- Thôi được, từ nay theo hầu ông, có thấy gì rơi

vãi phải nhặt bằng hết. Nghe chưa?...

Chây lại tỏ ra lễ phép, ngoan ngoãn:

- Vâng ạ!

Lại một lần khác Thơ Mên Chây lễ mễ bê khay quả quý, theo ngựa của chủ trấn kinh. Lần này đi sớm, Sét Thây không thúc ngựa như mấy lần trước, nên Chây cũng đỡ phần vất vả. Dọc đường, Chây đủ thì giờ để nhặt hết tất cả những cục phân do ngựa của chủ vừa ỉa ra bỏ ráo vào khay quả, phủ khăn lại cẩn thận. Đến triều đình. Chây vẫn đứng nghiêm trang ở một góc cổng quán đợi lệnh chủ. Lúc nhập diện, chờ cho đủ mặt các văn võ bá quan của triều đình, Sét Thây mới bảo đẩy tở bê khay quả quý lên. Được lệnh, Chây đội khay quả quý cung kính dâng cho chủ. Trông thấy dạng bộ ấy của Chây, Sét Thây ra chiều bằng lòng lắm. Y hãnh diện lật khăn phủ khay ra thì... chao ôi! Quả và cứt ngựa trộn lẫn vào nhau... Sét Thây luống cuống sượng sùng mày mặt, rồi lẳng lặng rút khỏi buổi châu.

Nhìn thấy cái dáng mạo tiu nghiu như mèo cắt tai của chủ. Chây cứ muốn lăn ra mà cười cho thỏa.

3. Chây coi ruộng đất và chăn bò:

Tức đến lộn ruột lên, nhưng Sét Thây vẫn không có lý lẽ để hành tội Chây. Sau lần Chây theo hầu mà nhặt trộn lẫn quả quý với phân ngựa ấy. Chây không

được theo hầu chủ nữa. Sét Thây gọi đây tớ đến bảo:

- Thôi từ nay mày hãy đi coi ruộng đất cho tao. Nếu để mất mát thì mày không sống nổi với ông đâu.

Từ hôm ấy Chây đi coi ruộng đất.

Chây tha hồ chơi tham gia đủ trò: đánh khăng, đánh đáo, thả diều với lũ trẻ mục đồng, mặc sức trâu bò, ngan ngỗng phá hoại hoa màu...

Sắp đến ngày thu hoạch, Sét Thây cười ngửa đi thăm đồng mới sùng sốt trước cảnh hoa màu bị phá phách hư hại thất bát như thế, Sét Thây mới gọi Chây đến, ra roi quát:

- Mày coi ruộng đất như thế ư. Phen này ông lột xác mày ra.

Chây làm ra bộ ngỡ ngác trước cơn thịnh nộ của chủ, như là mình chưa biết lý do sao bị mắng.

Sét Thây quát:

- Mày để cho trâu bò, ngan ngỗng phá hoại hết hoa màu rồi. Biết không?

Bấy giờ Chây mới "ồ" lên một tiếng như mới vỡ lẽ:

- Thưa ông chủ, ông giao cho tôi coi ruộng đất của ông ở chỗ nào vẫn nguyên chỗ ấy, không di chuyển, không hư hao mất mát.

Ngừng một lát, Chây phân bua rành rẽ:

- Nào tôi có được ông giao trông giữ hoa màu bao giờ đâu.

Sét Thây đứng thuôn mặt như ngỗng ỉa, phần tiếc của, phần tức thẳng ở, Sét Thây chửi mắng om sòm.

- Thôi, thôi! Mày cầm mồm đi. Từ nay mày hãy đi chăn bò cái của ta. Mày phải chăm nom cẩn thận, xem nó như là người thân của mày vậy. Nghe chưa?

Chây nói luôn:

- Thưa ông, tôi xem nó như là vợ của mình có được không ạ?

Sét Thây nói cộc lốc:

- Được.

Từ đó, ngày này Chây đuổi bò ra đồng, cho ăn no nê, chăn dắt rất cẩn thận, chu đáo. Nhưng hễ các con bò đực của đàn khác đến nhảy bò cái, là y như rằng Chây bắt buộc lại. Các chủ bò đến đòi thả bò của họ ra, đều bị Chây mắng, lại còn giở giọng lý sự bắt xin lỗi, bắt phạt tiền mới nghe.

Các chủ bò cho sự gàn dở ấy là do mưu mô của lão chủ. Trong số các chủ bò có cả bọn hương hào lý dịch, xưa nay khích với Sét Thây, nay được dịp chửi bới. Họ hòa nhau vào nhà Sét Thây chửi bới gay gắt:

- Chúng tôi không thể chấp nhận được cái sự gàn dở của ông. Các con vật tơ nhau là việc của nó. Vì sao ông cho phép đầy tớ của ông bắt bò của chúng tôi mà

nhốt lại, còn bắt chúng tôi phải xin lỗi, phải phạt tiền là nghĩa làm sao, luật lệ nào định ra như vậy?

Sét Thây cứ đứng đực mặt ra, chẳng hiểu đầu co tai neo ra làm sao cả, bèn cho gọi Chây về. Mới thấy Chây ló mặt vào, Sét Thây đã gầm lên:

- Mày cố thả bò của các ông các bà ấy ra không. Tại sao mày gây chuyện lôi thôi rắc rối, ông phang vỡ sọ mày.

Chây thản nhiên phân vua:

- Thưa ông chủ, lúc giao bò cho tôi chăn, ông bảo là cho phép tôi được xem các con bò cái ấy như là vợ của mình. Chính các con bò đực ấy đến tăng tịu với vợ tôi, xúc phạm đến tôi, làm trái luật định.

Sét Thây quát:

- Thôi im mồm. Từ nay mày ở nhà để tao sai vặt.

4. Nói nhỏ và nói to:

Sét Thây mãi bàn bạc cùng đám hào lý ở nhà ông bá hộ. Hôm ấy có thầy đề ở phủ huyện về, cùng sát phạt đỏ đen. Ông bá hộ chuẩn bị bữa cơm, rượu khá thịnh soạn. Mùi thức nhắm, mùi rượu từ bếp đưa lên thơm lừng. Nhưng... Sét Thây đã nghe thoang thoảng tiếng của Chây gọi từ xa rồi rõ dần:

- Ông chủ ơi! Ôi ông chủ. Bà bảo ông về ăn cơm, muộn rồi còn gì.

Sét Thây nghĩ: Gọi chán không thấy thì thôi, chắc nó chẳng biết mình ở đây. Nên cứ lơ đi làm như không nghe tiếng. Nhưng Chây đã đến ngay ngõ nhà bá hộ. Sét Thây vẫn vờ như đang chăm chú vào tay bài, thì Chây ra bộ hốt hoảng, chạy xông xộc vào, vừa thở vừa nói hỗn hển:

- Thưa ông chủ, bà bảo con gọi ông về ăn cơm.

Mọi người ngơ ngác quay về phía chủ, tới nhà Sét Thây. Sét Thây ngượng chín mặt, đánh bài chuồn. Về nhà Sét Thây mắng:

- Mày làm gì mà âm ỉ lên thế?

- Thưa ông, tôi làm theo lệnh của bà chủ đấy ạ! Bà bảo gọi ngay ông về ăn cơm, muộn rồi còn gì.

- Đã đành là vậy, nhưng mày nói khể vào tai tao đủ nghe thôi.

- Vâng ạ!

- Mày không biết lễ phép là thế nào cả.

Chây vừa quạt hâu, vừa làm ra bộ lắng nghe lời chủ dạy, thỉnh thoảng còn ngừng tay quạt để lĩnh hết lời, lắng hết ý chủ.

Một lần Sét Thây có việc lên kinh đô châu vua. Ở nhà không may lửa bén từ bếp lên nhà. Vợ Sét Thây cuống quýt sai:

- Chây, mày đi gọi ông ngay, lửa đã cháy lên mái

nhà rồi, nguy to.

Chây vụt biến, cầm đầu cầm cổ chạy theo con đường tắt, đuổi theo con ngựa của chủ.

Sét Thây trông thấy Chây hốt hơ hốt hải thì đoán là có chuyện chẳng lành, nên vẩy tay, hỏi:

- Chây, có chuyện gì đấy?

Chây sửa lại cúc áo đứng nghiêm trang, hai tay vòng trước ngực, lễ phép nói chậm rãi lí nhí:

- Thưa ông chủ, lửa đã từ bếp cháy lên mái bếp, bén lên mái nhà rồi, nguy to.

Sét Thây thoáng nghe tiếng: "lửa cháy lên mái nhà..." thì nắm ngay lấy vai Chây lắc mạnh:

- Mày nói to lên xem nào?...

Chây vẫn làm bộ nghiêm trang, kính cẩn chồm vào tai chủ quát:

- Thưa... ông... chủ... lửa đã cháy lên mái nhà rồi, nguy to. Bà bảo gọi ông về ngay.

- Trời ơi, đồ ngu, mày về ngay đi, hãy cứu những gì gọn nhẹ ra trước đã!

Chây quay về liền, xông vào đám cháy vơ tất cả những cái bu gà bỏ không ra một chỗ. Khi Sét Thây về thì đám cháy cũng được dập tắt. Sét Thây bèn gọi bọn gia nhân, đẩy tó ra hỏi:

- Chúng mày cứu được những gì nào?

Chây sốt sáng chỉ vào một lô, một lốc những cái bu gà:

- Thưa, ông chủ tôi cứu được những hơn ba mươi cái ạ.

Sét Thây tức điên lên quát:

- Ai bảo mày cứu những thứ đó:

- Thưa ông bảo về cứu những thứ gọn nhẹ ra trước. Ấy là những thứ gọn nhẹ nhất đấy ạ.

- Thôi... ôi, chúng mày hãy tóm cổ đứa nào gây ra vụ hỏa hoạn này về đây cho tao.

Chây hăng hái lao vào bếp tóm gọn ba ông đầu rau trối lại, dong ra trước mặt chủ nghiêm trang:

- Thưa ông! Chính hần là thủ phạm, là kẻ gây ra vụ hỏa hoạn này. Chúng cứ rõ ràng, không thể chối cãi vào đâu được. Hần là kẻ thường giữ lửa. Lửa cháy từ bếp: Nói sai tôi xin chịu mọi hình phạt trước ông chủ.

Sét Thây chỉ biết nhìn Chây nhẩn mặt lắc đầu.

5. Vua phục tài mẫn tiệp:

Dùng "gậy ông đập lưng ông", Chây đã chơi cho chủ nhiều cú đięng người. Nhưng Sét Thây chẳng làm gì được. Sét Thây tự biết mình không đủ khôn ngoan, không đủ thông minh để dùng Thơ Mệnh Chây, nên nghĩ bụng: "may chăng, chỉ có đức vua mới trị được cái thằg trời đánh ấy". Sét Thây tìm cách đẩy cho

đức vua chí tôn, chí kính của mình.

Mấy hôm sau, có lệnh gọi Sét Thây lên châu. Nhân đó y cho Chây cùng theo. Tan châu, Sét Thây mới nán lại phủ phục trước sân rồng:

- Tâu bệ hạ, thần có thằng ở thông minh mẫn tiệp hiểm có, tài nói dối của hần, chắc trong thiên hạ không ai sánh kịp. Thần xin tiến lên hoàng thượng để Người có dịp dùng nó lúc cần thiết. Nghe Sét Thây nói, vua có ý tò mò:

- Đâu, khanh cho hần vào ta coi mặt.

Sét Thây dẫn Chây vào:

- Bẩm hoàng thượng, tên nó là Thơ Mênh Chây ạ!

Vua tủm tủm cười;

Thơ Mênh Chây! Biết người có tài nói dối. Vậy cho phép người hãy nói dối ta nghe.

- Dạ thưa. Đức vua đã biết trước, làm sao tôi còn nói dối được nữa ạ. Vả lại nói có sách, mách có chứng, mà sách của tôi bỏ ở nhà ạ!

- Ta cho phép người về lấy lên đây.

- Dạ thưa! Hay là đức vua cho người phi ngựa về nhà tôi lấy lên cho nhanh vậy.

Vua bằng lòng sai một viên quan cưỡi ngựa đi ngay về nhà Chây. Đến nơi, được bà mẹ Thơ Mênh Chây cho hay:

- Xưa nay tôi có thấy thằng Chây có sách vở nào đâu.

Viên quan quay lại triều đình và y lời tâu lại. Vua cả giận mắng:

- Thằng gan to, dám nói dối cả trăm hả! Đem mà chém đầu cho ta.

Thơ Mênh Chây vẫn ung dung;

- Dạ thưa! Đây là tôi chỉ nói dối theo lệnh của đức vua mà.

Vua ngồi ngẩn tò te ra, rồi cười xòa. Từ đó giữ Chây ở lại hoàng cung.

6. Giống đực không đẻ ạ:

Muốn thử trí thông minh tài ứng phó kịp thời, mần tiệp của Thơ Mênh Chây. Vua bày trò chơi vịt đẻ trứng. Để làm cho Chây bị bất ngờ, vua ngầm bày mẹo trước cho các đình thần. Mỗi người, được giấu một quả trứng trong áo, sau khi xuống nước tắm lúc lên bờ thì kêu: "Cạp... cạp" và đẻ một quả trứng dâng vua.

Đâu đấy, vua gọi các đình thần và cho cả Thơ Mênh Chây cùng chơi. Khi vua ban lệnh trò chơi "vịt đẻ" bắt đầu, thì mỗi người sau khi xuống nước vùng vẫy ngụp lặn theo kiểu vịt, lúc lên đều kêu "Cạp... cạp" và đẻ một quả trứng dâng lên vua. Ai cũng làm việc đó rất dễ dàng, chẳng là họ đã được chuẩn bị

trước. Đến lượt Chây, Chây vẫn thực hiện đầy đủ mọi quy ước, không tỏ ra lúng túng. Chây cũng bắt chước vịt tằm, lúc lên bờ cũng kêu: "kẹp... kẹt". Tiếng vịt có vẻ nhỏ và khàn khàn, cũng chạy qua trước mặt vua nhưng chẳng dưng trướng, vua hỏi:

- Trướng vịt của Chây đâu?

- Dạ thưa! Tôi là vịt trướng. Giống đực không đẻ được ạ!

Đức vua ngồi ngẩn ra - vì kẻ bất ngờ lại chính là đức vua chứ không phải Thơ Mênh Chây^(*).

(Tài liệu sưu tầm ở Châu Đốc. Có tham khảo với nhiều sách về Thơ Mênh Chây để xuất bản)

(*). Truyện Thơ Mênh Chây còn nhiều, và là câu chuyện đặc sắc của kho tàng văn học dân gian Cam - Pu - Chia. Ở nước ta, cũng đã có nhiều nhà xuất bản, nhiều nhà sưu tầm nghiên cứu cho dịch và công bố, vì vậy ở đây chúng tôi chỉ trích lại một số ít. Những truyện trên đây, chủ yếu thấy lưu hành ở đồng bào Khơ Me Nam Bộ, có nhiều mẫu tương tự như các truyện Cuội (Mường), Trạng Quỳnh (Việt), Khun Hón (Thái) v.v..

MỤC LỤC

Trang

Phần một

Từ những ông trạng đến kho tàng truyện trạng Việt Nam : (Tiểu luận)	5
--	---

Phần hai

Truyện trạng

A - NHỮNG VỊ TRẠNG NGUYÊN ĐI VÀO KHO TÀNG GIAI THOẠI	18
- Trạng hóa cọp	19
- Trạng Hiền	23
- Lưỡng quốc trạng nguyên	26
- Nỗi oan sư thầy	31
- Trạng bố trạng con trạng ông trạng cháu	34
- Trạng Lường	36
- Trạng Ăn	44
- Mạo trạng nguyên	46
- Trạng Trình	53
- Trạng Kế	66
- Bảng trạng thi tài	70
- Trò Trạng nguyên, thầy Bảng nhãn	72

- Trạng Bùng		74
- Trạng Nguyệt Ánh		91
- Trạng Bù		93
- Trạng Gióng		98
B - NHỮNG NGƯỜI MANG DANH HIỆU TRẠNG		101
TRONG KHO TÀNG CỔ TÍCH - TIỂU LÂM		
- Trạng Gấu		102
- Trạng Quét		110
- Trạng Lợn		114
- Trạng Vật		148
- Trạng Cờ		152
- Trạng Bờ Ao		153
- Trạng Tư Thiên		159
- Trạng Trịnh		166
- Trạng Khiếu		171
C - NHỮNG NHÂN VẬT HÀI HUỐC THÔNG MINH		176
TRONG DÒNG CHUYỆN TRẠNG		
- Chuyện Cuội	(Mường)	177
- Thầy Khoàng	(Tây)	181
- Trạng Hón	(Thái)	185
- Trạng Tềng	(Vân Kiều)	193
- Thơ Va Đa	(Khơ Mú)	199
- Thơ Mênh Cháy	(Khơ Me Nam Bộ)	205

NHÀ XUẤT BẢN THANH HOÁ
248 - Trần Phú - P. Ba Đình - TP. Thanh Hoá
ĐT : (037) 852.281 - 750.748 - 722.347 Fax: (037) 720.399

TRUYỆN TRẠNG VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản :

BÙI CAO TIÊU

Biên tập :

Thu Hà

Trình bày :

Bích Huệ

Sửa bản in :

Hoàng Văn

Vẽ bìa :

Mạnh Quý

Chế bản tại phòng vi tính Nhà xuất bản Thanh Hóa

**In 800 bản, khổ 13 x 19cm, tại Công ty CP in - vật tư Ba Đình
Thanh Hóa. Số ĐKKH : 42/1837 XB - QLXB ngày 26-12-2003.**

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2005.



truyện trạng việt nam-23000



1 005100 400179

23.000 VNĐ